

Nguyễn Thị Thảo An

Vnthuquan.net, 2009.



726256-b526

Năm mười một tuổi, trong một đêm theo người lớn bắt ếch ngoài đồng, lơ ngơ sao tôi theo nhầm một đám người ra sông vượt biển. Khi lên ghe, có người hỏi, muốn vượt biên họ cho theo, còn không cảm đuốc mà về. Tôi ngoảnh lại, sau lưng, ruộng đất tối thui. Đường về phải băng ngang một gò mả lớn. Mới nghĩ tới, bắt rùng mình. Tôi cảm đuốc liệng xuống sông, rồi nhảy phóc xuống ghe, kiếm một chỗ ngồi im chong ngóc.

Mùa biển lặng, ghe xuôi gió tới Mã Lai. Hai tháng sau, văn phòng Cao Ủy Ty nạn sắp xếp tôi sang Mỹ theo diện trẻ mồ côi. Một gia đình ở Georgia nhận tôi làm con. Và tôi, đương nhiên coi Judy, con gái họ như em ruột. Lúc đó, tôi không ngờ, con nhỏ này chính là người thay đổi cuộc đời tôi, chứ không phải là thằng cha cho tôi cây đuốc.

Gia đình mới của tôi ở một thị trấn nhỏ, miền Nam Georgia. Cha nuôi, một người đàn ông cao lớn, suốt ngày quần quật trong nông

trại. Mẹ nuôi, người ngoan đạo. Cuộc sống êm đềm, nhưng quen dần cũng đâm chán. Chiều tan trường, tôi thích băng ngõ tắt qua cánh đồng khô sau nhà. Ở đó, tôi ngồi đợi nắng thoi thóp rồi tắt dần. Mặt trời lặn bên này để mọc bên kia. Tôi hình dung ra chốn quê xưa. Ruộng đất trơ mình, điều hiu hắt rợn. Những mái lá đơn sơ. Con đường quê quanh quất. Tôi nhớ mẹ, nhớ em, tôi bời đứt ruột. Mỗi khi sập tối mới trở về. Cả nhà Judy nhìn tôi như người bước ra từ cơn mộng dữ. Cha mẹ nuôi không nói, nhưng đôi mắt Judy nhìn tôi như hỏi không ngừng.

Có lần, tôi đang khóc bị Judy bắt gặp. Nó ngó mây trời rồi hỏi, tôi thấy gì trong đó. Đang lúng túng chưa biết trả lời sao thì tôi phát giác. Ráng chiều hắt lên mặt nó một màu rực rỡ. Tóc nâu óng, môi ngả màu mận chín. Trời ơi, còn đôi mắt. Một chùm mây nhỏ lửng lơ đang trôi vào trong đó. Thấy tôi ngó sững, Judy hỏi. Tôi nói, mắt mày sâu không thấy đấy. Nó cười chúm chím, cứ nhìn đi rồi sẽ thấy.

Chúng tôi thân thiết như hai anh em ruột. Tôi dốt tiếng Anh, vào lớp sợ bạn cười nên càng nói lặc. Về nhà, Judy dạy tôi từng chữ. Nó nắm tay tôi, bắt nói từng câu, hai chữ rồi tăng dần ba, bốn chữ,... Nó dẫn tôi ra đồng, ngồi cách nhau một sào rạ để nói chuyện. Cốt ý tập tôi nói lớn, nói cho quen, để hết cà lặc. Vốn liếng tiếng Anh của tôi hầu hết là Judy dạy. Chỉ có ba chữ "I love you" là tôi dạy nó. Đó là năm tôi mười bảy, cũng ngay trên cánh đồng này.

Mấy năm sau, cha nuôi bớt việc, ở nhà thường. Mẹ nuôi ngày càng ngoan đạo. Cuối tuần, cả nhà đi lễ. Bọn con trai trong họ đạo thích Judy. Tôi chê, mấy thằng vai u thịt bắp nhưng đầu óc trống trơn. Judy nói, còn anh ốm tong, trông yếu xìu. Không phải đùa, nhiều lúc tôi thấy Judy nể họ ra mặt.

Năm mười tám, tốt nghiệp trung học xong. Đám bạn như ghé tan bầy. Tôi lên thành phố kiếm trường định vừa làm vừa học. Hôm về, thấy một đám bạn tới nhà từ giã. Họ vào quân đội, sẽ học ở trung tâm huấn luyện Fort Benning gần đây. Tôi nhăn mặt, đi lính cực lắm. Tụi nó nói, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm, vào đại học nhà nước đài thọ, nếu đi làm cũng được ưu tiên. Thấy mặt tôi vẫn nhăn nhó, thằng John chằm, tướng mày đi lính, vác súng sẽ lùn đi. Cả đám cười ầm. Tôi nổi sùng bỏ đi một nước.

Buổi tối, Judy nói, vừa học vừa làm cực khác chi lính. Chịu khó một thời gian coi như đi làm, sau này giải ngũ, học không tốn tiền, lúc đó nó cũng lên thành học chung. Judy nói nhiều, nhưng tôi chỉ hiểu một. Nó không muốn xa tôi. Chính điều này làm tôi cảm động. Sáng hôm sau, tôi đến phòng tuyển mộ, điền đơn.

Trước ngày nhập ngũ, tôi nhận tin nhà. Trong thư mẹ khóc, thằng con dại, người ta tốn tiền lo trốn lính, sao mày lại đâm đầu vô chỗ chết. Còn cha mới ra tù lại ủng hộ. Nước Mỹ mạnh, đi lính không gì sợ. Chính phủ họ thương quân đội, lính chết mấy chục năm vẫn còn tìm.

Sáng hôm sau, mưa sục sùi. Không gian dường như nhuộm màu tang. Cả nhà thức sớm để tiễn chân. Mặt Judy buồn hiu làm như tôi sẽ không về.

Trung tâm Fort Benning cách thị trấn không xa. Trước cổng có chiếc xe tăng chứa súng lên trời. Cái trại này tôi qua lại nhiều lần, duy có lần này tôi vào trại.

Chia tay mọi người trong phòng đợi, tôi mang hành lý theo người điểm danh lên xe bus đến phòng tân binh. Xe qua trạm gác, mọi

người nhìn ra. Trại rộng hơn tôi tưởng, đường nhựa thẳng tắp, hai bên có bóng cây, sân cỏ. Nhà cửa sơn trắng, cất kiểu chung cư, giống nhau như một. Người lạ vào, rất dễ lạc.

Phòng tân binh là một hội trường, trước cửa có hàng chữ " Welcome to the US Army" . Giữa khán đài có quốc huy hình con ó lớn, một chân quặp bó tên, chân kia quặp nhánh Olive. Hai bên treo cờ và la liệt đầy bằng khen, huy hiệu.

Khi mọi người ngồi yên, một người sĩ quan đội nón bánh ú, cổ đeo tu-huyt nhanh nhẹn bước lên khán đài. Ông tự giới thiệu là huấn luyện viên, tên Bill Hawk, đại diện trại chào mừng các tân binh, đề cao những người tình nguyện, xung phong phục vụ đất nước. Ca ngợi xong, ông trở giọng đe, quân trường không phải là chiếc giường để những kẻ lười biếng, thất nghiệp đặt lưng. Mười bốn tuần, thời gian biến người dân thành người lính. Ai còn do dự cứ tự tiện về. Ông nhấn mạnh, " Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu."

Vừa dứt lời, một người quân nhân cầm xấp giấy phát ra. Ông giải thích, đó là thời biểu khóa học. Mười bốn tuần chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn một, hoàn tất thủ tục nhập ngũ, học tập nội quy, kỷ luật, nhiệm vụ trong quân đội và thao diễn cơ bản. Giai đoạn hai, tập bắn, sử dụng vũ khí. Giai đoạn ba, thực tập tác chiến và thi mãn khóa. Không đủ điểm sẽ bị loại.

Tôi nhìn quanh, ai nấy chú ý đầu vào thời khóa biểu. Lịch trình dày đặc, mỗi ngày mười hai tiếng, một tuần sáu ngày. Chủ nhật nghỉ. Người có đạo, được lễ tại trường. Trong thời tập huấn, không phép ra ngoài. Mọi hình thức thăm viếng bị cấm ngặt.

Tôi lấy bút dò từng hàng, cố tìm giờ rảnh sẽ gọi điện thoại cho Judy.

Thấy tôi mò mẫm, thẳng ngời kể vò tờ giấy tròn vo, rồi vươn vai ngáp dài, " Lúc nào là lúc để thở, hả trời?"

Bên trên, ông huấn luyện viên giờ cao thời khóa biểu, đọc rào rào, " Bốn giờ ba mươi:tập hợp, thể dục tại chỗ, nhận lệnh trong ngày. Năm giờ: điểm tâm. Năm giờ mười lăm:tập hợp, diễn hành. Sáu giờ: chạy. Bảy giờ: vượt chướng ngại, tám giờ,... đến hai mươi một giờ: đèn tắt. Ngủ." Thời khắc nghiêm nhặt. Rồi ông dặn, trong quân đội khi nghe lệnh, lập tức thi hành. Chính xác. Mau lẹ. Lệnh không lập lại. Nói xong, ông la lớn, " Tất cả rõ chưa?" Chúng tôi nói, " Rõ." Ông lắc đầu, chưa nghe. Mọi người đồng thanh, " Rõ." Thật lớn, ông vẫn chưa chịu. Đợi chúng tôi gào bồng cổ, ông mới thôi.

Khóa tập huấn chia bốn nhóm. Mỗi nhóm là một trung đội. Mỗi đội bốn mươi người, trực thuộc một huấn luyện viên chịu trách nhiệm chính. Sĩ quan của trung đội tôi chính là Bill Hawk. Hawk là điều hâu. Cái nhìn ông soi mói, giống cú hơn giống điều.

Hình như Bill Hawk không biết đi, chỉ biết chạy. Ông dẫn đầu, cả đội lúp xúp theo sau. Chúng tôi di chuyển tới lui nhiều chỗ, làm hồ sơ, khám sức khỏe, nhận đồng phục, sắp xếp chỗ ăn ở đúng quy cũ. Doanh trại rộng, sợ lạc, sợ trễ, làm gì chúng tôi cũng bảo nhau, nhanh chóng, lẹ làng. Chỉ hai ngày tôi đã hiểu, mình chìm lỉm. Quân đội triệt tiêu đời sống cá nhân. Tập hợp, nhận lệnh, di chuyển, tới lui, ăn ngủ, tan hàng,... đều rậm rạp. Phải, kể cả tan hàng. Trong quân đội, tan hàng thật ra chỉ là một hình thức sẵn sàng đợi lệnh. Nó là thứ tập hợp lỏng. Mỗi người như một cơ phận, một con ốc, một chiếc đinh vít trong guồng máy khổng lồ. Điều quan trọng, khi máy quay, người ta phải chạy vận tốc mới điều hòa.

Bài đầu tiên trong quân trường tôi học là lúc chích ngừa. Con mẹ y tá

cầm súng chích bắn vào cánh tay mỗi thằng một phát. Thấy ai giật nảy thì con mẽ lại cười duyên, " Chỉ như kiến cắn, phải hôn nà?" Nhìn mấy thằng trước chích xong đi lầy bầy, tôi chùn bước. Mẽ nhìn tôi nghiêm giọng, cứ trăn mình chịu mới bớt đau. Tôi ngạc nhiên đến nỗi bị chích hồi nào cũng không biết.

Đêm đầu tiên, tôi mất ngủ. Nhắm mắt lại, nhưng tâm trí cứ lòng vòng ngoài sân trại. Chỗ này phát quần áo, chỗ kia là cantin. Khiếp nhất là phòng hút tóc. Cả đội xếp hàng chờ. Tới phiên, tôi dạn, hút ngán hai bên tai và ót, nhưng phía trước làm ớn để dài một chút. Thằng cha thợ gạt lia lịa, ừ, ừ. Khi ngồi xuống, hấn gọt một đường tông đơ từ sau ra trước. Đầu tôi có sọc như cái vỏ dừa. Nhớ lại, tôi vẫn ngờ, thằng cha thợ... điếc. Sau này, tôi nhủ, sẽ hút tóc ở ngoài.

Gần sáng, tôi kéo mền lên đầu, đánh một giấc. Chỉ chút sau mền bung, tôi phát giác, mình khó ngủ vì lạnh cái đầu. Tôi trùm mền kín mít, định dỗ giấc thì nghe tiếng hoét hoét ngay đầu giường. Theo lịch trình, chương trình huấn tập bắt đầu vào tuần thứ hai. Nhưng mới tờ mờ, Bill Hawk đã đem còi tới thổi. Trời còn tối đen, chúng tôi nhào ra sân. Gió đêm ẩm mùi sương mơn lên da thịt. Cả trung đội, kẻ trước người sau co giò, nhảy. Một hai, một hai, một hai,... có người nhắm mắt, đếm. Bill Hawk không để ý chuyện này. Thở dục tại chỗ xong, ông đọc huấn lệnh. Đến năm giờ, giải tán. Chúng tôi vào phòng điểm tâm. Bill Hawk không ăn. Ông cầm dùi cui đi lòng vòng kiểm những kẻ ngừng nhai, la mắng, " Ăn, ăn, ăn." Ăn cho no, mới đủ sức tập. Sau này, tôi mới biết, đối với ông, khi ăn phải nhai, khi bắn phải trúng, đó là cái đích để tới. Chuyện mắt nhắm hay mở, không cần thiết. Nói một cách khác, nó ví như những vòng tròn đứng ngoài tâm điểm.

Ăn xong, chúng tôi về phòng thay quân phục. Ngắm thử trong kính, tôi trở mắt, một thằng lính dữ tợn cũng đang ngơ ngáo nhìn ra. Trời, tôi đó ư? Đang định thần nhìn kỹ, thằng Jones nắm lưng tôi ra ngoài. Nó vừa chạy vừa la, "Tập hợp, tập hợp."

Chúng tôi, bốn mươi thằng sắp làm tám hàng, mỗi hàng năm đứa. Bill Hawk ngậm còi, nhưng không thổi. Ông rảo quanh, hàng dọc, rồi hàng ngang. Tới chỗ tôi, ông dừng lại, ngắm. Tia nhìn sắc lẹm. Tôi ngây người, nín thở, bụng dạ rối bời. Cảm giác như ai lấy mũi dao rạch chơi trên mặt, mày, mi, mắt. Xong, ông lướt qua, rồi dừng lại chỗ một vài người khác. Sau cùng, rút danh sách, gọi tên. Tới ai, nãy la, "Có." Tôi để ý, trong đội ngoài thằng Lee gốc á, có một Mỹ, một Cuba, số còn lại toàn dân bản xứ.

Điểm danh xong, Bill Hawk nghiêm giọng nói, khi thực tập mọi người phải cố gắng bằng chính sức mình. Mỗi người phải sống, chiến đấu như một con sói cô độc. Không giúp đỡ, không bao che, không hợm mình. Tất cả đều bình đẳng, mọi hình thức kỳ thị, bị cấm ngặt. Trong quân đội, mọi thứ phải đơn giản, rõ ràng, như thắng và thua, như không và có. Phải loại trừ những thứ lửng lơ. Ngôn ngữ quân đội cũng khác, ông không muốn nghe những chữ có lẽ, hình như, thì là, tại, bị...

Buổi đầu, chúng tôi tập những động tác thao diễn. Nghiêm. Nghỉ. Chào. Quay trước, quay sau. Sắp hàng, rồi tan hàng. Khi nắng lên cao, chúng tôi bắt đầu diễn hành. Một. Hai. Ba. Bốn. Bill Hawk đếm trước, chúng tôi đếm theo. Một. Hai. Ba. Bốn. Đếm mỗi, Bill Hawk lấy còi thổi. Một hồi sau, không có tiếng còi, chỉ còn tiếng chân. Đội hình di chuyển nhịp nhàng. Chúng tôi băng đồng cỏ, vượt qua ngọn đồi cao. Khi vòng về, đếm chán, Bill Hawk dạy chúng tôi ca.

I m just soldier,
Sergant march for you.
I ll not quit until P.T. is through.
That s turn me on.
Must be army.
That s make me strong.
One. Two. Three. Four.
One. Two. Three. Four.

Chín giờ sáng, chúng tôi từ đồi cao thẳng một đường vào lớp học. Giảng viên là một sĩ quan, đội nón kết, đứng dang chân, tay chống nạnh, nghe báo cáo. Tôi nói lớn, " Tiểu đội Một, báo cáo, Ron Nguyen, 9341, sir." Ông thầy lừ mắt nhìn. Tôi mặc, đi tới ghế, đang sau quay, đặt đít xuống.

Khi tất cả ngồi yên, lớp học bắt đầu. Ông thầy, tên Tom Selek, ngồi trên bàn chăm chú nhìn mọi người một lúc rồi hỏi, tại sao chúng tôi vào quân đội? Câu hỏi tưởng dễ, mà hóa khó. Mọi người bối rối. Không ai xung phong trả lời. Ông chỉ Jones. Nó ấp úng nói, nó vào quân đội làm người lính để bảo vệ quê hương. Chúng tôi chịu Jones nhanh trí, trong chớp nhoáng nó nghĩ ra câu trả lời đúng bài bản. Nhưng ông thầy chỉ nhếch môi, cười chế diễu. Ông chỉ tiếp, Ted, người Cuba. Nó kể dài dòng, đại khái nhà nó nghèo, lớn lên trong khu xã hội đen, đi lính để diệt kẻ xấu. Ông Tom cười ngất, bảo nó lạc đường, nên vào cảnh sát mới đúng. Rồi ông chỉ Lee. Thắng này thành thật nói, ba nó biểu nó đi lính. Ông Tom gật gù, mày đi lính để cha cầm súng, phải không? Cả lớp cười ầm.

May, tới tôi thì ông Tom ngưng rồi phát tài liệu. Tiếng lật giấy rào rào. Tôi đọc lướt qua từng đề mục. Ngoài những mục về nhiệm vụ, nội

quy, kỷ luật, còn có những môn phụ như toán, Anh ngữ. Ông bắt đầu đọc từng phần. Kinh nghiệm chỗ nào nhiều người hỏi, ông ngưng lại giảng huyền thiên. Trong khi nghe, tôi xoay thế, ngồi duỗi chân. Một cảm giác tê rần lan truyền từ trên xuống dưới. Phải lợi dụng lúc học để nghỉ mới có sức chịu đựng tới chiều. Mãi tới lúc ông Tom đứng nghiêm, đọc mẫu lời tuyên thệ, tôi nghe ở cuối lớp có tiếng ngáy xen vào.

Ngay chiều đó, khi trở ra bãi tập, Bill Hawk nói, tập diễn hành là tập làm dáng, một kiểu làm đom của quân đội. Biết chạy, mới là hành động thiết thực. Nói xong, ông giơ ba ngón tay tức ba miles, rồi rút còi ra thổi. Thằng Jim phản đối, mới ăn trưa xong, chạy nhiều vậy sẽ xóc ruột. Bill Hawk hứ mũi, lập tức giơ năm ngón, năm miles. " Quân đội chỉ có tuân lệnh, đó là kỷ luật. Phản đối ư? Tao còn nhiều ngón tay lắm." Ông đắc chí nói. Vài thằng tức, định đập thằng Jim thì nghe còi thổi. Chúng tôi lập tức tung mình chạy. Nhiều thằng giữ hơi, chạy tà tà. Bill Hawk đuổi theo sau, lấy còi thổi vô tai nghe điếc rái. Điềm đến là cánh rừng thưa. Vừa tới đích, nhiều thằng nhào lăn ra đất, thở. Khi Bill Hawk tới, ông chê, chúng tôi chạy dở. Phải chạy sao cho nhanh và bền. Trông chúng tôi bây giờ, sức đâu đủ trối gà.

Hai giờ chiều, chúng tôi gặp lại Tom Selek. Ông đọc nội quy và kỷ luật quân đội. Trong đó có nhiều mục. Ông nhấn mạnh tới Mười Một Điều Lệnh Tổng Quát. Người lính trong mọi tình huống lúc nào cũng phải đề cao cảnh giác để bảo vệ an ninh và tài sản quốc gia. Chỉ điều này đã làm tôi nghĩ, một ngày làm lính, cả đời là lính.

Ông Tom nói, nhiều người nghĩ, kỷ luật quân đội là thứ kỷ luật sắt, người lính mù quáng tuân hành. Điều đó sai. Khi thấy cấp trên sai trái, người lính có quyền phản đối. Ngày nay, quân luật được đặc biệt

tôn trọng, không như trước. Ông dặn chúng tôi, đừng tin vào những phim truyện chiến tranh. Toàn là điều giả tưởng, mà Thượng đế chính là thằng cha đạo diễn.

Ba giờ, chúng tôi trở ra sân, tập hít đất, ngồi bật, đu xà. Bill Hawk nói, đó là cách rèn luyện thân thể dẻo dai, cường tráng. Phải tập thường xuyên, chúng tôi mới có thể đạt, hít đất, hai mươi lăm; ngồi bật, bốn mươi lăm, đu xà, hai mươi cái. Đó là tiêu chuẩn kỳ thi cuối khóa.

Bill Hawk thổi năm còi. Chúng tôi nằm sấp, hai tay chống đất, dồn sức vào tay đưa mình lên. Được ba cái, nhiều thằng sụm, nằm bẹp dí. Bill Hawk gọi, đó là những con gián. Ông bắt gián ra, buộc phải làm lại, năm cái. Lần thứ hai, tôi làm bốn cái. Bill Hawk lắc đầu. Lần thứ ba, tôi hít năm giữa tiếng reo hò cổ vũ của cả đội.

Khi tan hàng, Bill Hawk nhìn tôi thương hại, phải cố lên. Cái nhìn làm tôi ghét. Về sau, tôi vẫn nhớ ánh mắt thằng cha này.

Buổi tối, tắm rửa xong, chúng tôi có lớp tối dạy cách mua sắm trong các BX. Đó là siêu thị trong quân đội. Giá rẻ, trả bằng tem phiếu, ghi trong cuốn sổ nhỏ gọi là chit book. Giảng viên bảo, quân trường cung cấp đủ vật dụng, chúng tôi sẽ lãnh đủ một lần vào cuối khóa. Quân lương chia theo ngạch, từ E 1 tới E 10. Chúng tôi thuộc E 1, lương thấp nhất. Giảng viên an ủi, chẳng ai đi lính mà khá. Tuy nhiên, quân đội là con đường mở rộng học vấn. Ai tham gia các nhiều khóa huấn luyện, thăng ngạch cũng tăng lương.

Tám giờ, dọn phòng. Phòng ngủ gọi là barracks, gồm hai mươi giường đôi. Chúng tôi vừa làm vừa cãi lộn. Thằng Jim giường dưới, mở màn cạp, tôi hay để mền thông, nửa đêm dậy nó giật mình tưởng ma. Cả bọn hoác miệng cười. Jones phân bua, đỡ hơn thằng Lee, tối ngủ còn tập kungfu làm cái giường lắc như con tàu. Thằng Lee nổi

cáu hét, lão, lão. Jones hỏi, lão chỗ nào? Lee nói, không cần hỏi cũng biết, ở trong lớp mày dóc, không biết ngược. Cái gì gọi là người lính đi bảo vệ quê hương? Jones cười hà hà, người Mỹ bảo vệ Mỹ, còn mày Tàu có chi lại vô đây? Câu hỏi đụng chạm nhiều người. Lee chưa kịp trả lời, Jones đã bị chúng tôi mắng cho một mách. Kỳ thị là vi phạm quân luật.

Chúng tôi im. Nhưng vấn đề cứ lảng vảng trong đầu. Một hồi sau, đội kiểm soát tới xét phòng. Chín giờ, còi hú. Đèn tắt. Chúng tôi ngủ. Bóng tối ngập phòng. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên trần. Bên dưới, thằng Jim cứ trở mình. Một hồi, nó gõ nhẹ thành giường. Tôi lú đầu thù thù, gì? Jim nói, mày đi lính Mỹ, nếu có chiến tranh giữa hai nước, mày bên bên nào? Tôi trù mèn suy nghĩ rồi giả bộ ngủ quên. Câu hỏi là cái bẫy, mà trả lời sao cũng dính.

Qua tuần sau, Bill Hawk nói, trước khi tập bắn, chúng tôi cần học cứu thương. Bill Hawk đi khỏi, thằng Jones đùa, trước khi giết người, phải biết cứu người.

Ở lớp quân y ra, Bill Hawk lại nói, biết cứu thương chưa đủ, sau này, chúng tôi cần phải biết cách mưu sinh thoát hiểm.

Chúng tôi mang súng, vác ba lô, đội nón sắt, chạy. Ban đầu chạy trên đồng cỏ. Về sau, tập chạy trong rừng, nhảy qua chướng ngại. Hết chạy, tới bò. Bò lên đồi cao, chui qua rào kẽm, dưới tầm hỏa lực. Những đêm có mưa, Bill Hawk làm dấu tạ ơn, rồi bắt chúng tôi bò. Đạn của ban huấn luyện, không biết thật giả, xẹt qua đầu, đổ ké. Chúng tôi khiếp, bò sát đất. Thằng Jim nghi, không lẽ họ bắn mình bằng đạn thật? Thằng Ted giơ súng làm bộ nhắm, ôm súng không đạn như ôm nhằm người không tim. Bò ra tới ngoài, Bill Hawk trông thấy chúng tôi cười. Ông chửi một mách, rồi phạt cả đội, làm lại từ

đầu.

Tuần thứ ba, chúng tôi mang súng thật. Cầm, ôm, mang, vác, nạp đạn,... lau chùi phải đúng quy cách. Ai lỡ tay, ông phạt ngay, phòng những người bất cẩn. Tôi phát giác, mắt Bill Hawk sắc như điều. Nhiều người nói, thằng cha này tinh lắm, ruồi bay qua cũng muốn bắt lại dòm.

Sáng chiều đều có giờ bắn. Đây là môn chính, tính nhiều điểm nhất. Tôi giờ khẩu M 16 nhắm, từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi sao thành một đường trùng với tâm điểm. Tôi bắn mười, trúng một. Bill Hawk nói, cứ mười phát mà trật một, họa may sống. Kiểu như tôi, ra trận, không có cơ bắn tới phát thứ mười. Tôi làm thình, làm lì ghì chặt súng. Bắn. Sức giật khiến nòng súng chếch, viên đạn trệch một đường bay vút ra ngoài.

Tối ngủ, tôi nằm mơ. Những hình nhân biết di động, biết cười nói xôn xao. Còn tôi ôm súng thật đứng trơ như bia gỗ. Sáng dậy, đôi mắt cay sè. Tôi theo đám diễn hành như kẻ mộng du.

One. Two. Three. Four.

One. Two. Three. Four.

Má ơi, đừng khóc nữa,
Con má, chưa chết đâu.

Con đi, vì sông núi.

Cháy túi, con trở về.

Tôi giật mình. Bài ca nhảm. Tôi liếc qua Bill Hawk, lại thấy ông ta cười.

Sáng hôm đó, nụ cười của Bill Hawk đã làm tôi tỉnh ngủ.

Khi tới sân BRM, tôi ngắm những bia người đứng bất động. Ngắm nghĩ sao, tôi lo lắng nói, " Ra trận, tao sợ tao không dám bắn người

thật?" Thăng Lee nhìn tôi, ngạc nhiên, " Còn tao, chỉ sợ người ta bắn mình." Rồi nó nhún vai, " Chết cho đất nước này, thật vô lý." Thăng Ted Cuba, nhăn mặt, " Chết cho bất cứ nước nào cũng vô lý cả." Một ngày sau, chúng tôi học về tác hại của những thứ vũ khí mới. Bom hạt nhân, bom sinh học, và hóa học. Những loại tối độc và giết người hàng loạt với số lượng nhỏ, khó khám xét. Để nhận diện, chúng tôi học thêm toán và Anh ngữ. Toán, học cách cộng, trừ, nhân, chia, chấm tọa độ,... không máy tính. Các nguyên tắc đọc bí số, ký hiệu trên các loại chất nổ, vũ khí,... để biết công dụng. Lớp Anh ngữ, dạy chúng tôi hiểu ý nghĩa từ ngữ một cách chính xác, cách đọc bản đồ, và những ngôn ngữ riêng của quân đội. Ví dụ, colors (màu sắc) nghĩa là cờ; cover (che đậy) là nón, sickbay là bệnh viện. Thời giờ quân đội cũng khác, một ngày có hai mươi bốn giờ, bảy giờ mười lăm tối phải nói mười chín mười lăm. Tôi nghĩ, mình biến đổi như con ve đang lột xác.

Tới giữa khóa là thời gian khổ luyện. Chúng tôi học cận chiến. Địch là đám người cây, đứng yên không nhúc nhích. Chúng tôi bò sát đất, khi tới gần thì bật dậy, ào ào thét, " Xung phong." Cả đội xông tới đâm túi bụi vào đám người cây. Bill Hawk đứng đằng sau, nhào ra chửi, chúng tôi điên.

Khó nhất là học leo dây, đi trên lưới, trèo tường, đu người từ trên cao. Bãi tập gọi là Đài Chiến Thắng. Đài đóng bằng gỗ, trên có cầu treo, dây đu, và nhiều xà ngang, xà dọc. Muốn lên, phải bám dây, dùng sức kéo cả thân mình. Dây là loại thừng to, nắm đau tay. Nhiều đứa leo chưa tới đâu đã bị tuột. Bill Hawk lấy roi đứng bên dưới quát vô giờ. Chúng tôi sợ, phải gồng mình mới lên được. Đài cao, từ trên nhìn dễ chóng mặt. Lên đã khó, xuống cũng không dễ. Chúng tôi

nắm dây, bung mình, thả từng chặn. Khi chạm đất, hai bàn tay rất bồng, tê rần. Chưa leo thành thực, Bill Hawk đã dạy cách đi dây. Buổi tối, khi về phòng, ai nấy đừ. Mình mảy tôi rã rời. Không còn sức cãi nhau. Vừa đặt lưng, chúng tôi đã ngủ say như chết.

Chúa nhật nghỉ. Sáng, tôi tức mền dậy sớm. Phải chạy nhanh ra phòng điện thoại để gọi Judy. Tôi không muốn đang nói chuyện, có người sắp hàng chờ điện thoại. Khi băng ngang đài Chiến Thắng, nhác thấy bóng người. Quái, ai đang tập giờ này? Tôi chạy tới gần, lom lom nhìn. "Hi. Ron." Thăng Lee đứng trên cao vẫy tay chào rồi rít. Chưa kịp hỏi, nó đã nói, phải tập nhiều cho quen. Ngưng một ngày, khi trở lại sẽ thấy khó như mới bắt đầu. Nó rủ tôi tập chung. Thấy nó chịu khó, tôi không nỡ bỏ đi. Tập một mình thật dễ chịu. Một lúc sau tôi nhận ra, không ai hỏi, tôi có thời giờ tìm thể nắm thích hợp, dễ leo.

Trên đường về, tôi rủ nó ôn các tiếng lóng trong quân đội. Nó nói, "Tiếng Anh rắc rối, đọc một đằng hiểu một nẻo. Sau này, cả thế giới sẽ nói tiếng Tàu." Thấy tôi kinh ngạc, Lee giải thích, "Người Tàu ở khắp nơi, sau này con cháu chiếm đa số thì thế giới sẽ nói tiếng Tàu." Tôi dè dặt nói, "Nhưng hiện nay nước nào cũng học Anh ngữ là sinh ngữ phụ." Lee cả quyết, "Đó chỉ là tạm thời, điều tao nói là qua thời gian đó nữa." Tôi chống chỏi, hỏi một câu ngớ ngẩn, "Nhưng, trong lúc cả thế giới nói tiếng Anh thì người Tàu nói tiếng gì?"

Chúng tôi gặp lại Tom Selek trước khi bước qua giai đoạn ba, tập hợp đồng tác chiến. Ông dạy cách truyền tin, đánh mật mã, và nhận diện các đơn vị bạn. Như Thủy Quân Lục Chiến, huy hiệu con ó đậu trên quả địa cầu, đằng sau có chiếc mỏ neo gác chéo; Đội Đặc Nhiệm,

mũ xéo xanh, huy hiệu là cây gươm vàng và ba lần chớp; Người Nhái, có con ó đậu trên mỏ neo,... Ngoài ra, chúng tôi còn học những huy hiệu quân đội nước ngoài. Như Anh, tất cả huy hiệu đều có hình vương miện; Nga, hình búa liềm; Trung Quốc, ngôi sao đỏ, chữ Tàu bạc,...

Chúng tôi xem quá nhiều huy hiệu phát hoa mắt, một hồi không phân biệt nổi. Tom chỉ, điểm khác nhau giữa quân đội của các nước không phải trên huy hiệu mà ở trong nhà tù. Lính tư bản bắt mười tù nhân phát cho mười một liều thuốc, trong khi phe cộng sản chỉ phát chín. Cùng là cách dùng vật chất mua linh hồn. Chỉ khác nhau, người mua rẻ, kẻ mua mắc, vậy thôi.

Chúng tôi nghĩ, Tom Selek là một người hóm, luôn đặt ra những vấn đề rắc rối để giải khuây. Còn Bill Hawk như một bóng quạ, lúc nào cũng giơ vuốt giữa bầy gà. Gần cuối khóa, ông càng khắc tợn. Buổi sáng, hai dặm trong mười lăm phút. Ai chạy chậm, phải chạy lại từ đầu. Ông đưa ra tiêu chuẩn, bắt chúng tôi mỗi ngày phải thi thử. Mỗi lần nghe phàn nàn, Bill Hawk máng, tiền thuế dân đầu dư dả để trả cho mấy người ngồi bẽ lóng tay. Tội tôi nói, thằng cha này không phải điều mà là cộp.

Cuối cùng, chúng tôi học pháo, cách phối hợp xe tăng, trực thăng, và những đơn vị khác. Khóa học bốn trung đội, chia hai phe. Mục tiêu là cái chòi gác trên đồi cao. Buổi trưa, trên đường tiến lên đồi, tôi gặp lại thằng John cùng lớp đang nấp trong một lùm cây. Mới gặp nó hồi hận, chửi thề, vào đây như xuống địa ngục. Tôi lập lại lời nó hồi trước, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm cời áo, làm dân. Nó thở dài, áo này như áo da, mặc vào rồi khó cời. Nói đến đây, nhắc thấy Bill Hawk đang thị sát đằng xa, tôi định

chạy. Nó nói, ông Bill hiền, chứ không như thằng cha Tiger bên tao, nó dữ còn hơn cọp.

Ngày mãn khóa, chúng tôi diễn hành quanh khán đài. Ban chỉ huy trường mời các vị sĩ quan cao cấp về dự lễ. Tôi liếc qua hàng ghế dành cho quan khách, Judy và cha mẹ nuôi cũng đang hướng về tôi. Ban chỉ huy trường tuyên dương và xướng tên tân binh mãn khóa. Chúng tôi được gắn ngạch và cấp bằng. Từ giờ phút này, tôi đã là người lính, quân số 726256- B526 là tên. Tiếp theo, chúng tôi làm lễ tuyên thệ, rồi tung nón bế mạc. Sau ngày tốt nghiệp, tôi được một tuần phép trước khi trở lại nhận lệnh mới.

Tôi về nhà thay thường phục rồi dẫn Judy ra cánh đồng xưa. Chúng tôi kể nhau nghe nhiều chuyện và đuổi bắt như hồi còn thơ. Tới chiều, nắng đỏ ngập cánh đồng. Mặt trời gay gắt chói. Judy nép vào sau lưng tôi trốn nắng. Thấy áo đầm mồ hôi, nó đưa môi ngậm từng giọt như người Hồi nhấm nháp rượu quỳ.

Tuần phép trôi qua nhanh. Trước ngày trở lại trường về đơn vị mới, Judy nói trông tôi thay đổi nhiều. Tôi cười, nhìn vào kính, ừ. Trông tôi ốm, da đen đi, nhưng rắn chắc. Còn Judy, tôi nhìn kỹ, trông hơi khác. Chín giờ mười, ngày mười một tháng chín, chúng tôi có lệnh tập hợp khẩn. Ban chỉ huy báo cáo tình hình. Một tổ chức khủng bố tấn công hai tòa nhà chọc trời của New York và một góc lầu của Bộ Quốc Phòng. Lệnh báo động toàn quốc. Quân nhân các cấp toàn ngành ở trong tình trạng sẵn sàng. Không phận, hải cảng, đường biên giới đóng cửa. Cả đơn vị chờ đợi nhận lệnh. Không khí đượm mùi chiến tranh.

Buổi chiều, đơn vị tôi được lệnh điều động tới New York. Xưa nay, tôi vốn không ưa thành phố lớn. New York, nơi mệnh danh " A thousand

dreams for one parking place." Máy bay quân sự bay một vòng. Khói mù mịt. Bên dưới, một đồng gạch đỏ cao như một núi hoang tàn. Trái tim tôi như thất lại từng hồi.

Trung đội tôi chia nhau đóng một ngã phố. Chúng tôi căng dây, giăng chướng ngại vật ngăn từng khu. Những người dân cầm cờ đứng hai bên lễ hoan hô người lính. Tôi cảm động, hơi xấu hổ. Chúng tôi là lính mới, chưa làm gì để được hoan hô. Tôi nhìn những đoàn người thiện nguyện, làm việc ngày đêm, nhặt những mảnh thi hài mà cảm phục.

Buổi tối, con phố không ngủ. Nhiều người mang khung ảnh thân nhân, xuôi ngược trên vỉa hè. Gặp ai, họ cũng hỏi. Những câu hỏi vang lên như điệp khúc.

Tôi đứng canh giữ hiện trường. Và tưởng tượng hàng trăm chuyện tình trong tòa nhà đổ nát. Mà chuyện nào kết thúc cũng giả sử nạn nhân là tôi hoặc Judy. Để sáng mai tôi gặp lại những người không may, vừa mừng vừa thương hại. Tôi hạnh phúc vì tôi có tình yêu. Như người đang đứng ngoài ánh sáng, mà Judy chính là người cầm đuốc mang cho.

Đến sáng, thay phiên gác, tôi quyết định gọi về nhà. Mẹ nuôi bốc điện thoại, mừng rỡ, " Con khỏe không? Em nó đi chơi biển với bọn thằng Tim. Chưa nói với con à?"

Tôi không tin ở lỗ tai mình. Hôm qua, Judy mới nói đi cắm trại ở trường. Lẽ nào?

Tôi đứng lại bên đường. Nắng ban mai đã vàng bên kia phố.

Nguyễn thị Thảo An

Nguyễn Thị Thảo An

Con bù nhìn

Tiếng chân chạy huỳnh huých trước nhà làm tôi tỉnh giấc. Nheo mắt qua khe sáo, ba đứa trẻ nhà bên đang chơi trò cút bắt. Hai đứa con gái: đứa lớn khoảng mười tuổi, đứa nhỏ chừng năm, sáu; thay phiên vây đứa con trai độ lên tám. Mỗi lần túng thế, thằng bé nhảy phóc qua lùm cherries sang sân tôi, rồi đứng lại vừa cười vừa thở dốc. Bên bờ giậu, hai con bé vừa nhứ tay vừa la ồm tỏi. Tôi rửa mặt và thay áo. Pha một chút trà uống cho tỉnh táo, rồi bước ra ngoài. Mới dọn về tôi cũng nên chào hỏi láng giềng, sau nữa dặn bọn trẻ giữ yên tĩnh vì tôi làm ca đêm.

Bây giờ là đầu hè. Mặt trời dậy rất sớm. Ánh nắng chói chang dội từ trên cao xuống. Mọi vật như chìm trong biển nắng. Ban ngày, toàn khu trông cũ kỹ, tiêu điều. Nhà nào cũng xây một kiểu na ná như nhau: gạch đỏ, mái thấp, và một nhà xe nhỏ day mặt ra đường. Mỗi căn có một khoảnh sân vuông vức bằng nhau, được ngăn bởi những lùm cây cherries, hay loại chùm nộm rậm lá làm rào. Trong sân cũng giống nhau có một chút cỏ xanh, một vài cây hoa làm kiếng. Chỉ khác

nhà có bóng mát, vài nhà không.

Bên kia sân, rượt nhau chán, bọn trẻ kéo nhau ngồi dưới mái hiên và nói chuyện rầm rì. Thỉnh thoảng chúng liếc sang, bắt chợt gặp ánh mắt tôi, liền chùng mặt xuống. Hai bên yên lặng quan sát nhau. Một chốc sau, con bé lớn đứng lên nhích chiếc ghế vải sau lưng nó xoay nghiêng phía trước. Xong, nó ngồi xuống cầm cuốn sách mỏng phe phẩy quạt cho một người nằm trên ghế. Bây giờ thì tôi mới để ý. Đó là người đàn bà đang nằm ngủ. Một chiếc nón vải rộng vành úp mặt để che ánh sáng. Cái áo đầm dài tay bằng vải jean xanh chùng quá gối. Chân mang sandals có vớ. Thân hình đầy và thấp, so với cái ghế hơi nhỏ. Người đàn bà đánh một giấc say sưa bên cạnh những đứa con ngoan.

Buổi sáng, tôi thường không ngon giấc vì tiếng trẻ nô đùa. Vào sở với đôi mắt cay sè, thật khó chịu. Tôi chờ, có dịp tôi sẽ nói với mẹ chúng. Ý định này khiến tôi cứ nhìn qua sân nhà họ. Ngẫu nhiên, tôi phát giác ra nhiều điều kỳ lạ. Người đàn bà lúc nào cũng ngủ. Mùa hè, bà ta cứ mặc những loại váy dài tay và lưng chùng quá gối. Loại vải dày và toàn là màu đậm. Chân luôn mang vớ. Đặc biệt, bà ta cứ thích ngủ dưới hiên. Một hôm, trong lúc đuổi nhau, con bé nhỏ vấp té kêu khóc inh ỏi. Hai đứa kia xúm vào dỗ em. Mặc chúng nó, bà vẫn nằm ngủ ngon lành. Tôi mang một chút ác cảm với bà, từ đấy.

Có một ngày nghỉ lễ, tôi mang những gốc hồng mới mua ra trồng. Mấy đứa trẻ cũng chạy ra xem tôi đào đất. Xấn mỗi tay mà vẫn còn nông, làm tôi ngao ngán. Hơi ngượng với lũ trẻ, tôi gắng gượng đào. Bỗng, thằng bé chỏ mồm vào nhà gọi mẹ. Một người đàn bà bước

ra. Tôi kinh ngạc. Mẹ chúng trẻ. Vóc người gầy trong chiếc áo hở tay. Đôi chân dài như chân sếu lộ ra từ chiếc quần short trắng. Mái tóc dài vàng hoe, lơ thơ vài cọng phủ trán. Gương mặt trẻ, dễ gây cảm tình. Cô mỉm cười, chào "Hi", rồi ngỏ ý giúp tôi đào đất. Chúng tôi nói chuyện vui vẻ. Cô năng động, bất thiệp. Thoáng chốc, mười gốc hồng đã vùi xong. Bọn trẻ cũng xúm xít giúp tôi tưới nước, rồi gom lá vào một chỗ. Không khí sân nhà bỗng vui hẳn, nhưng lòng tôi vẫn loáng thoáng nhớ người đàn bà mặc váy xanh nằm ngủ. Bà ta là ai, cứ vừa ngủ vừa trông lũ trẻ. Mới quen, tôi không tiện hỏi. Nhớ là điều cấm kỵ của họ, thêm phiền.

Dần dà qua câu chuyện tôi biết, cô có hai đời chồng. Sau khi ly dị, họ mất tăm. Một mình cô phải nuôi ba đứa trẻ. Căn nhà đang ở là nhà thuê Cảnh sống bốn mẹ con thanh bạch, tằn tiện. Ngoài việc làm thường ngày, cuối tuần cô còn làm thuê ở trạm xăng đầu đường. Thời giờ dành cho lũ trẻ thật hiếm hoi.

Từ đó, tôi có thói quen thường hé màn nhìn qua nhà bên cạnh. Bọn trẻ hết nô đùa, lại chụm đầu vào nhau đọc sách. Trời vào trưa oi ả. Máy con chim chuyền cành líu lo. Tôi khệ nệ bưng bình nước đá chanh mới khuấy và mở ly giấy sang làm quà cho tụi nhỏ. Một cơn gió bất chợt tốc quạ. Máy cái ly giấy vượt khỏi tầm tay xoáy theo cơn gió. Ba đứa nhỏ thích chí hò hét đuổi theo sang tận bên kia đường. Tôi xoay người, định bước lên hàng hiên đặt bình nước xuống, rồi kêu chúng trở lại. Bất ngờ, tôi thấy cái nón vải bị gió bật nằm dưới chân. Ngẩng lên, tôi nhìn mặt người đàn bà trong khoảng cách thật gần. Gương mặt đẹp hồng hào, đôi mắt mở lớn nhìn lên trần vô hồn:

gương mặt của một người giả làm bằng plastic mà tôi vẫn thấy họ để trong các tủ kính. Thân hình mập vì bị độn nhiều thứ quần áo bên trong. Trong khi tôi còn trở mắt quan sát, thì con bé lớn đã dẫn hai em trở về. Nó ngượng ngáp không nói gì. Tôi trao cho nó bình nước, rồi lẳng lặng trở về.

Từ khi biết chắc không có người lớn ở nhà, tôi càng để ý chúng nó. Bệnh tật, tai nạn, hỏa hoạn, trộm cướp... đều có thể xảy ra bởi những sự bất ngờ. Lúc này, đầu óc tôi tự dưng hay liên tưởng tới những hoàn cảnh xấu. Khu này toàn là nhà rẻ tiền. Dân tạp nhạp lui tới biết đâu lường. Có thể đó là lý do xe cảnh sát thường tuần tiểu quanh đây. Mỗi sáng, con bé lớn vẫn ịch kéo chiếc ghế vải và đặt con bù nhìn nằm ngủ. Thấy người lạ đi ngang, nó lại cầm cái bìa phe phẩy quạt cho con bù nhìn.

Những lúc tỉnh giấc sau này, tôi thường đem sách vở ra ngoài hàng hiên nằm đọc trên chiếc ghế vải. Đôi khi mệt mỏi, tôi cũng úp sách lên mặt và ngủ quên trong tiếng nô đùa của trẻ. Có một hôm đang chìm trong một cơn mơ đẹp, những tiếng chân nặng huỳnh huých trong sân làm tôi tỉnh giấc. Bên kia sân, hai người cảnh sát: một người đang ẵm con bé nhỏ ra xe võ về, người khác dẫn hai đứa lớn lên chiếc xe van màu trắng. Xong, họ quay lại ghim một tấm giấy màu vàng trên cánh cửa. Chiếc xe chạy ngang, tôi đọc bên hông xe hàng chữ " Family and Children Department Services" . Quay vào nhà, theo thói quen tôi nhìn sang bên kia: chiếc sân vắng vẻ. Trên hàng hiên, con bù nhìn đã té xuống ghế tự bao giờ.

Hết

Nguyễn Thị Thảo An

Cửa Búa

Chúng tôi theo xe đò từ Sài Gòn ra Bà Rịa. Trước khi lên xe, người trung gian dặn, mạnh ai nấy đi, như đi buôn tôm, buôn cá một mình. Công an hỏi, cứ bình tĩnh trả lời. Tôi nhìn xuống chiếc túi xách có thêm cánh hoa hồng, bên trong chỉ đựng một chiếc áo lạnh và một tập thơ chép tay. Trưa, nắng như đổ lửa, nếu công an chặn xét, chắc mềm là tôi bị bắt. Xe chưa đến nơi, người dẫn đường bảo, tại bến có nhiều trạm kiểm. Chúng tôi đổi xe lam vào Châu Thành, Bà Rịa. Người ra đón là anh bộ đội. Vừa đến cổng doanh trại, người dẫn đường lẫn mất. Tôi vội vã qua cổng, mắt chỉ kịp ngược nhìn mấy chữ: Trại Vạn Kiếp.

Tôi gặp lại Thầy Sáu, người tổ chức ở nhà anh Bình. Thấy tôi lo ra, Thầy vui vẻ trấn an, tổ chức là người có đạo. Họ lo chu đáo, bến bãi an toàn. Tối tàu lớn tới, đổ người nhanh. Nội sáng mai, chúng tôi đã

ở tận ngoài khơi, xa mứt. Vỗ về xong, Thầy đi. Tối chiều anh Bình rước thêm mấy chuyến. Căn nhà nhỏ trở nên chật chội. Một đám người ngồi chen chúc trên chiếc giường nhỏ trong căn buồng vợ chồng. Con anh Bình lâu lâu chạy vào lỗ mắt coi. Chúng tôi ngồi bó gối, phập phồng như những con cá đang nằm trên thớt.

Nhà đông người, ra vào nhiều. Chị vợ nảy ra ý kiến, giả đám giỗ để tránh hàng xóm nghi ngờ. Anh Bình khen, bắt con chó cột gần sàn nước. Nghe tiếng kêu ăng ẳng nhiều người tái mặt. Họ nói ăn chó xui, coi chừng bị bẻ. Dao đang mài thì ông Lễ tới, ra lệnh tản người. Qua câu chuyện tôi biết lơ mơ, ông là trung tá, một trong ban chỉ huy trại mà cũng là người đứng đầu bán bãi.

Đi một mình nên tôi được chuyển ngay trong chuyến đầu tiên. Suốt buổi chiều xe Honda chạy vòng vo qua nhiều nơi, hai bên rừng lá xanh rì. Mãi lúc sẩm tối, họ tới một xóm nhỏ vắng vẻ ven đồi. Anh bộ đội gửi tôi vào một nhà đầu xóm. Chưa chào hỏi, chủ nhà đã lôi tôi vào trong. Căn buồng trống không. Giữa, chỉ căng một chiếc võng rách. Ngồi cả ngày mệt, tôi ngã mình xuống võng. Bên ngoài, ánh đèn dầu leo lét, một ông già hom hem ngồi kéo thuốc Lào. Tối khuya họ đổ thêm người, chủ nhà mới thổi đèn, đi ngủ. Căn nhà tối như mực. Tôi rình nghe động tĩnh. Và tưởng tượng ngoài kia, trăm bước chân rón rén, tiếng AK lên nòng, những cái hát hàm ra hiệu bao vây,... Đêm xa lạ, căng thẳng thần kinh. Biết bao phản trắc, lọc lừa, tôi từng nghe trong những chuyện vượt biên. Tiếng ho, tiếng húng hắng, thì thào cũng có thể là những dấu hiệu bắt đầu cho một cuộc tháo chạy.

Quá nửa khuya, có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Tôi nhồm dậy. Cụ già cũng lục đục thức. Diêm bật. Que sáng lóe lên rồi tắt. Người liên lạc tới.

Tôi vớ túi xách, nhanh chân len ra ngoài. Mấy người khách cũng theo ra. Chúng tôi đi, bỏ lại sau lưng tiếng thuốc ào rồn rột rít lên trong đêm tối.

Ra đầu ngõ, chúng tôi lên lộ cái, nhập vào một nhóm khác. Người liên lạc dặn, từ giờ cứ theo đóm thuốc của người dẫn đường mới mà đi. Đêm dày đặc, bóng tối ngập ngựa đất trời. Chúng tôi bươn bả đi sát lề. Đàng trước, đóm thuốc lập lờ như đom đóm. Nhìn một hơi mỏi mắt, tôi liếc ra sau, mới đó mà người từ đâu ra nối thành một hàng dài. Đường xa, đoàn người làm lủi bước. Một hồi lâu, khi tiếng chuông nhà thờ gióng giã, chúng tôi bỏ đường cái lội qua ruộng. Mùa mưa, bờ ruộng lầy và trơn. Chiếc guốc trong chân tôi cứ tuột ra, dính chặt dưới bùn. Thấy cả đoàn đột nhiên chậm lại, một người đi trước chạy ngược ra sau quát tháo. Trời lờ mờ, tôi kinh ngạc, hóa ra người dẫn đường này giờ chỉ là một thằng bé. Tay nó cầm cành khô dứ dứ trong gió, miệng phì phà điếu thuốc, gất, " Mau, mau lên. Đi như vậy có nước đi vô tù." Rồi chợt phát hiện, cứ đi vài bước tôi lại cúi xuống kéo chiếc guốc lún bùn, nó lâu bầu chửi, " Đồ ngựa. Đi vượt biên mà tưởng như đi sở thú."

Thằng bé dẫn chúng tôi vào căn chòi trống trơ giữa ruộng. Lùa mọi người vào trong, nó kéo sập cánh cửa rồi dặn trống, " Mấy người không được ra ngoài. Rủi ai thấy, bị bắt ráng chịu." Xong, nó ra ngoài. Căn chòi rộng hóa chật khi dồn mấy chục người ngồi chung một chỗ. Trời rặng dần. Một ông vạch khe lá, hé nhìn ra. Nhiều người định bắt chước thì nghe giọng thằng nhỏ bên ngoài nạt ngang, " Ê, không được coi." Nó lấy roi quất lia lên vách. Mọi người ngồi thụt xuống, dỏng tai nghe. Tiếng chân nó rảo quanh chòi một lúc rồi xa dần.

Khi nắng ban mai vàng tươi tràn qua khe hở, vài người cúi mắt nhìn ra. Bốn bề trơ trụi. Xa xa, một xóm nhà thưa thớt, vắng teo. Chung quanh chỉ độc một bờ ruộng dài dẫn từ xóm ra chòi. Thỉnh thoảng thằng bé mang cơm nước hay mua dùm quà vặt. Thấy nó tới, chúng tôi mừng như tù được thăm. Ai nấy vồn vã hỏi:

" Nè, cá lớn tới chưa?"

" Bé ơi, chừng nào xuống tàu hả cưng?"

Thằng nhỏ lắc đầu quày quật, " Ê, đừng hỏi tui. Tui không biết gì hết." Xong, sực nghĩ ra, nó lại dặn, " Nếu bị bề, mấy người cũng đừng biết tui nha"

" Nhỏ, sao mày hỗn dữ vậy vậy?" Một giọng bất bình nổi lên.

" Thôi đi, đừng chọc nó." Có tiếng người can.

Mọi người kêu nhau nhin. Sinh mạng chúng tôi đang nằm trong tay thằng nhỏ.

Suốt ngày ngồi chen chúc trong cái chòi kín gió, nóng và ngột hơi người. Tôi thu mình trong góc quan sát những người khách đi chung. Đa số là đàn ông, chỉ có sáu phụ nữ. Họ ngồi thành nhóm hai hoặc ba người. Trước mặt tôi là một cặp, Hằng mười sáu, Hùng hai mươi. Theo lời Hằng, họ là hai anh em. Nhưng trông cách họ thân mật, tôi ngờ không phải. Người lớn tuổi là bà Xiếu, khá chừng diện. Có nhan sắc là chị Xuân, đi với cô em chồng tên Vân và đứa con còn bé. Mập nhất đám là Hiến, người Tàu, có em họ là Bích, gầy như que củi. Đây là những người sẽ cùng tôi chia chung số phận.

Chập tối, họ lại đổ thêm người. Căn chòi chật nức. Nhóm ba người sau cùng tôi đã gặp trong Trại Vạn Kiếp, anh Huỳnh, Du và một cháu trai chín tuổi. Tất cả đều là người nhà Thầy Sáu. Anh Huỳnh độ ba

mười, da trắng xanh, cao và gầy. Du khoảng hai mươi hai, có vẻ ăn chơi, mánh lỏi. Họ rủ tai bảo tôi, nhà anh Bình bị xét nhưng đường dây chưa bẻ, tàu lớn đang chờ ở cửa Búa.

Trong bóng tối, chúng tôi ngồi im đếm nhịp kim đồng hồ. Sốt ruột, nhưng ai cũng sợ đêm mau qua, một ngày nữa lại tới. Với ngàn ấy người, chúng tôi khó lòng ém lâu trong căn chòi này.

Hai giờ đêm được lệnh chuyển khách ra bãi. Trăng mờ cảm. Gió lồng lộng. Chúng tôi cầm đầu chạy như bay ra biển. Trên trời, những đám mây vằn vố cũng thổi ngược hướng về bờ. Khi dừng lại, không thấy nhà cửa, ruộng nương, biển cả. Bãi chỉ là con lạch hoang, cạn xù, đầy lau sậy. Bốn người đàn ông lội nước đẩy hai chiếc ghe cũng vừa trờ tới. Đám hành khách ào ào nhào xuống giành chỗ. Mấy người tổ chức cầm cây quất túi bụi những kẻ nhanh chân. Tiếng chen lấn, cãi vã om sòm góc bãi. Cuối cùng họ chia thành từng nhóm, chủ yếu theo tên người thu tiền. Anh Huỳnh và Du kéo tôi đứng trong nhóm Thầy Sáu. Họ bảo đảm, trước hay sau hai chiếc ghe cũng sẽ lần lượt đưa hết sáu mươi người ra tàu lớn. Nhóm tôi xuống trước. Chưa tới phiên, Hiến đã lôi Bích nhào đại xuống ghe. Hiến mập tới nỗi, hấn vừa ngồi xuống một bên, chiếc ghe nghiêng chiềng sắp lật. Mấy người lái hốt hoảng hè nhau chụp lại. Hai người trên bờ nhảy tới bên Hiến, vừa đánh vừa lôi hấn xuống. Nhưng Hiến bám chặt lắm, nhất định gằm đầu chịu trận. Trong tích tắc hai ghe đầy. Bốn người lái nhanh nhẹn kéo ghe ra. Họ ngâm mình dưới nước để đẩy chúng tôi đi. Thoáng chốc, bóng những người trên bãi nhạt dần rồi tan vào đêm tối.

Ghe men theo những hàng tràm mọc lờm chờm ven con lạch. Sương mù loáng thoáng, loãng theo gió động trong những lùm cây. Thỉnh

thoảng gặp tàu tuần, họ kéo chúng tôi nấp vào chỗ khuất. Đi một hồi ra chỗ nước sâu, họ vẫn chịu khó lặn hụp theo ghe chứ không lên chèo. Thấy tôi lom lom ngó xuống nước, Du thì thầm, nếu bị phát hiện là họ lặn luôn, chỉ có người ngồi trên lãnh đủ. Ghe mãi miết đi tới lúc mờ sáng vẫn chưa thấy biển, tôi thắc mắc, không hiểu làm sao họ kịp quay lại rước những người còn lại. Hỏi, Du nhếch môi cười, có trở lại cũng đâu còn ai, giờ này chắc công an đã rước họ vô tù.

Ngạc nhiên vì thái độ tỉnh bơ của Du nhưng chưa kịp hỏi thì ghe tấp đảo. Gọi là đảo chứ thật ra nó chỉ là một cái cồn. Không thấy tàu lớn. Trời đã hừng sáng, sợ ghe qua lại phát hiện chúng tôi vội vã lên bờ. Họ đếm người rồi lừa chúng tôi ngược lên phía trên. Qua những lùm cây rậm là một khoảnh đất nhỏ. Nhìn lại, mấy người dẫn đường bỏ đi đâu mất. Chúng tôi kiếm chỗ ngồi đợi. Khi nắng lên cao, Du nóng ruột leo lên cây nghe ngóng. Vài người cũng bắt chước leo theo. Khi tuột xuống ai cũng thở dài, cái cồn nhỏ xíu lại khá gần bờ rất dễ phát hiện. Chúng tôi nén dạ ngồi chờ, hy vọng tàu lớn đang trên đường ra biển.

Tới trưa, lại có thêm mấy chiếc ghe taxi chở khách lên bờ. Không biết thuộc nhóm nào, mặt mũi ai nấy bơ phờ. Mảnh đất nhỏ trở nên chật chội. Quá trưa, mặt trời qua khỏi đỉnh đầu, con tàu vẫn bật tăm.

Thỉnh thoảng mấy người liên lạc lên trấn an. Mọi người nghe ậm ừ. Khi họ bỏ đi, chúng tôi lại dụi đầu bàn tán. Có người nghi, tổ chức gạt, đem con bỏ chợ. Cũng có kẻ đoán, có lẽ tàu lớn đã ra khơi ngay từ đêm qua Nhưng đa số nghĩ, chắc đường dây bị bể trong bờ.

Không ai biết chính xác. Điều rõ ràng, giờ này tàu chưa ra tức có chuyện chẳng lành. Chúng tôi nhìn nhau thắc thỏm, lo thẳm.

Xế chiều, khi nắng chiếu vàng đọt cây, đột nhiên tôi phát giác, mặt đất trở nên ẩm ướt. Dưới gốc trầm, bùn trọt hẳn, lộ những bộ rễ mọc trời trông như những ngón tay gân guốc đang bấu sâu vào đất. Tôi ngó quanh, vài người đã treo đồ, trèo lên cành. Chưa kịp dời chỗ thì chợt nghe tiếng lao xao. Một đám dân chài ở đâu đổ đến. Họ vừa đi vừa gậy gộc. Tiếng chửi nhau vang động một góc cồn. Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Họ tung tin, công an đang xét tàu lớn, gạo nước đã bị tịch thụ Rồi gạ bán, một xị nước ngọt một chỉ vàng, gạo hai chỉ một chén. Cả đám vượt biên hoang mang, nhưng không ai chịu bỏ tiền mua. Đang nhón nháo thì tốp khác lại tới. Cả cái cồn ồn như cái chợ. Dẫn đầu là một người đàn ông to bè, đen đũi, ở trần. Cổ vắt chiếc áo bạc màu. Mặt lạnh đanh. Đầu có vết sẹo nhẵn thín trông như một nhát dao còn cắm sâu trên trán. Nghe họ nói, tay này là Bảy Búa, trùm anh chị kiếm ăn vùng này. Theo sau, còn có một đám đàn em chừng mười đứa cầm gậy gộc. Chúng xông xáo, dữ tợn như những kẻ sẵn sàng liều mạng. Họ đi tới đâu, dân chài vệt ra tới đó. Bảy Búa ngừng lại trước nhóm người vượt biên, giơ tay động mạnh cây dầm lún đất, gằn giọng, " Bà con khá giả có tiền vượt biên, đi qua mấy xứ giàu sang, mang tiền theo như mang củi về rừng, chi bằng giúp cho những người ở lại." Ngưng một chút, ông ta đảo mắt nhìn quanh như dò xét. Rồi đặng giọng, hầm hè, " Tui nói phải quấy không nghe, đừng trách tội đàn em nghèo đói làm liều." Chúng tôi nhìn nhau thất sắc. Thấy không ai phản ứng, Bảy Búa thủ cây dầm trong tay, đi lòng vòng kiếm. " Chủ tàu? Chủ tàu đâu?" Ông ta trừng mắt, điểm mặt từng người. Ai nấy cúi gằm, tránh trông mắt đồ ngầu, hung dữ. Khi Bảy Búa đi ngang, tôi phát khiếp khi liếc thấy cổ chân ông to như một gốc chuối già.

Không tìm ra chủ tàu, Bảy Búa tức giận vụt mạnh cây chèo vô gổ tràm chan chát. " Ai? Ai là thân nhân chủ tàu?" Giọng ông đặc khản, rền rền. Mọi người tái mặt, ngậm mồm. Cuối cùng, đám đàn em xông tới, gom hết túi xách, đồ đạc của mọi người vô lùm cây lục soát.

Chúng tôi ngồi im thin thít, thủ phận và theo dõi. Trong số thủ hạ Bảy Búa, tôi chú ý có một người đáng gờm. Hấn lớn con, vạm vỡ. Mình trần, mặc độc chiếc quần kaki lủng lỗ. Lưng eo, đầy thắt, ngực và tay nở cuồn cuộn như một tượng đồng. Da nắng ăn đỏ lửng. Mặt sặc, có cô hồn. Tóc dài, lờm chờm chấm vai. Đầu quần miếng vải đỏ ngang trán. Trông hấn giống hệt bọn hải tặc vùng biển Caribbean ngày xưa trong truyện vẽ. Bảy Búa gọi hấn là thằng Hạnh. Và hình như chính ông ta cũng phải ngán cái thằng này.

Mặc Bảy Búa tới lui hậm hực, " thằng" Hạnh vẫn dang chân đứng yên một chỗ. Hấn nghinh mặt nhìn chúng tôi, cặp mắt lừ đừ như coi thường hết thấy. Thỉnh thoảng, hấn nhếch môi, cười khinh bạc. Về hung bạo làm tôi sợ, cứ ngó hấn lom lom. Chỉ chút sau, tôi phát giác, hấn cũng đang chú ý ngó mình. Tự nhiên, tay chân tôi luống cuống. Tôi rón người, nhích gần một chị ngồi kế. Bất chợt thấy một cái túi đệm của ai bỏ sau chỗ tôi ngồi. Cái túi dày cộm, không biết chứa gì. Ngấm ngấm, tôi lại nhích người ngồi lại chỗ cũ, cố che cái túi.

Lục soát xong hình như không thấy gì, Bảy Búa bức bối ra mặt. Hấn kêu tụi đàn em lại bàn bạc. Thừa lúc họ không để ý tôi hé miệng túi ra xem. Không có tiền bạc, trong chỉ có cái đèn pin, một hải bàn và chiếc áo cũ. Tôi tái mặt, những thứ này mà lọt vô tay Bảy Búa thì nguy. Tôi lo lắng nhìn quanh, bắt gặp nhóm con gái mặt mày lấm la, sợ hãi. Thấy tôi ngó, Bích bò lại gần. Rồi Hằng, Vân và một cô bé khác cũng nhích tới.

"Chị Oí," Hằng ngại ngừng hỏi, "Không biết tụi nó có làm gì mình không?"

"Làm gì là làm gì?" Tôi ngạc nhiên.

Mấy cô gái e thẹn làm thinh. Thấy tôi ngờ ngác, Bích nói huých toẹt, lơ lớ giọng Tàu, "Chị nghĩ, tụi nó cướp vàng rồi có hiếp người không?"

"Không, không đâu. Chắc không có." Tôi kinh ngạc, lắc đầu. Không ngờ mấy cô nghĩ tới chuyện này. Tôi nhìn đám "thằng" Hạnh, họ hung dữ, nhưng tự nhiên tôi không tin họ dám hiếp người.

"Bọn cướp của thì chả chuyện gì mà tù?" Cô bé người Bắc kêu lên, giọng phẫn nộ, "Đụng đến em, em liều mạng đấy."

Tôi nhìn đắm đắm vào đám Bảy Búa, ngoài "thằng" Hạnh, những thằng khác coi xông xáo nhưng không đáng sợ. Thằng Phúc đầu trọc, mắt lác liên, ngổ ngáo; thằng Cỏn mảnh khảnh, da tái mét; thằng Bôn loắt choắt, tướng đi như tướng gà bơi. Nhìn cả bọn, tôi tin họ túng thế làm liều, nhất định không làm chi khác.

Trong lúc tôi yên trí thì bất ngờ Bảy Búa ngoắc bà Xiếu. Bà Xiếu run rẩy, mặt xanh như chàm, líu ríu bước tới. Nhanh như cắt, bọn họ lôi bà Xiếu vào lùm. "Thằng" Hạnh cùng đồng bọn đứng ngoài án ngữ. Chúng tôi thất sắc nhìn nhau, không ai dám ngó vô lùm. Một lúc sau, bà Xiếu chạy ra, áo quần xốc xếch, mắt mũi tèm lem. Nhìn bà Xiếu, niềm tin tôi sụp đổ. Thì ra, những chuyện hải tặc quăng người xuống biển đều là chuyện thật. Cùng là người Việt thật không ai ngờ bọn Bảy Búa táng tận đến nỗi.

Người kế tiếp là chị Xuân. Khi Bảy Búa ngoắc, chị Xuân rú lên, ôm con chắt cứng, lùi về chỗ đám đàn ông đang ngồi. Mấy người đàn ông làm thinh, dường như không muốn vạ lây. Họ nhìn Bảy Búa như

những kẻ bàng quang, ngoại cuộc.

Thấy chị Xuân khiếp đảm, đám con gái cũng hoảng kinh. Bích, Hằng, Vân nấp sau lưng tôi trốn. Tôi nhìn "thằng" Hạnh, bụng dạ rồi bời. Chẳng lẽ, chưa thấy tàu lớn mà chúng tôi phải liều mạng với bọn người này. Tôi lúng túng ngó họ, chưa tìm ra cách đối phó thì thấy hình như họ cũng đang bối rối. Chị Xuân ngồi lì, nhất định không đi. Thằng Cỏn, thằng Bôn đứng xớ rớ cũng không dám đưa tay lôi kéo. Đang lúc dừng dằng thì có mấy người dân chài tấp vào cho hay, tàu biên phòng đang hướng về cồn. Mọi người nhón nháo. Tình trạng trở nên hỗn loạn. Cả Bảy Búa cũng rút lui, quỳnh quáng tìm đường trốn. Những người có ghe lớn tiếng rao mời, chuyển về ba chỉ, giá tính theo đầu người. Chỉ trong phút chốc, số người vượt biên đã sụt đi quá nửa. Số còn lại, tôi nghĩ, đều là những người không có vàng. Đám dân chài bây giờ cũng thừa thớt, chỉ còn nhóm "thằng" Hạnh đi năn nỉ kiếm mỗi chở khách về. Thằng Cỏn mon men tới chỗ tôi gạ, ai không tiền nó sẽ đưa về tới tận nhà mới trả. Tôi rầu rĩ, ngó nó rồi làm lơ. Vốn liếng tôi đã đóng hết cho chuyến đi, về nhà cũng không còn. Nhưng thằng Cỏn dường như không hiểu, nó tưởng tôi còn hy vọng chờ tàu lớn tới nên nhất định năn nỉ. Nó nói, buổi tối nước lớn, cái cồn bị ngập chỉ còn ló mấy ngọn cây, không ai có thể ở đây chờ đợi qua đêm được. Nghe vậy, tôi giật mình ngó quanh. Quả thật, mực nước đang lán tới. Miếng đất trống tôi ngồi bây giờ đã ẩm ướt, lún đầy những dấu chân người. Nhìn ra biển, cái cồn đang thấp dần. Nước mấp mé liếm vào những gốc tràm kêu bì bõm. Đang điếng người chưa biết tính sao thì tàu lớn tới. Mọi người đổ xô chạy ra phía sau cồn. Khi thấy tàu lớn, tôi hơi ôi. Con cá lớn đây sao? Trời ơi, nó chỉ lớn hơn chiếc ghe một chút. Nói đúng hơn nó là ghe lớn, không

phải tàu lớn. Tệ hơn nữa, nó cũ xì. Sơn tróc, ván mục, trên có căng một chiếc lưới rách tả tơi và một cái thùng phuy rỉ. Ông chủ tàu mặc bộ bà ba đen, đứng trước mũi, hoa tay giục mọi người xuống. Trong phút chốc tôi đứng lại gần ngừ, tàu như vầy, đi sẽ chết. Nhưng mới ngừng lại thẳng Cồn, thẳng Bôn vút qua mặt, phóng chân nhảy lên. Tôi ngoái đầu nhìn lại, cái cồn không còn ai. Chờ tôi vừa lên, ông Phươn chủ tàu rút tấm ván liệng xuống nước. Máy nổ xình xịch, tàu quay lui rồi đâm ra biển.

Để tránh tai mắt biên phòng, chủ tàu dồn khách xuống hầm ghẹ. Khoang dưới chật nít, người đông, nệm như mấm. Sau lưng là Hiến, không có chỗ đặt chân, hấn cứ chồm lên xô tôi về phía trước. Đằng trước lập tức đẩy tôi thụt lại phía sau. Hầm ghẹ hỗn loạn, mọi người thụi nhau để giành cho được một chỗ ngồi. Buổi chiều gió lớn, tàu nhồi sóng gập gềnh, nhiều người bắt đầu nôn mửa. Tiếng gấu ó tục tần, tiếng nóc tháo ụ hơi hòa lẫn tiếng khóc la trẻ nhỏ. Ấm thanh dày đặc. Nóng và ngạt hơi người. Tôi nín thở, lùi dần. Khi đụng vách tàu, lưng tôi ướt nhẹp. Tàu vô nước, tôi la lên. Tiếng cãi cọ ngừng bật. Mọi người chăm chú nhìn nước tràn qua ván tàu. Chưa qua cửa biển, nước đã ngập khoang. Đàn bà bắt đầu méo máo, kêu trời. Mấy người đàn ông nổi cáu, kêu trời làm gì? Họ kêu chủ tàu, tàu như vầy sao dám vượt biên? Tiếng ồn dưới ghẹ chưa dứt, ông Phươn thò đầu xuống nạt, "Câm miệng. Tàu đang qua trạm." Mọi người nín thinh. Chị Xuân cũng vội vàng vạch vú đút miệng đứa con. Chúng tôi quay mặt, nín thở và chờ. Thời gian dừng lại khá lâu. Cuối cùng, "thẳng" Hạnh chịu không nổi, trồi đầu lên coi. Không thấy trạm xét, hấn co giò nhảy phóc lên trên. Nhiều người cũng bắt chước lục tục lên theo.

Chiều sẫm màu trên biển. Nắng đã héo. Mặt trời đang tàn lụi buông mình. Quê nhà bây giờ chỉ còn là một vệt đen cắt ngang trời và nước. Không hện mà ai cũng nhìn về bờ. Khoảnh khắc cuối làm mọi người im lặng, ngậm ngùi. Ông Phươn đưa tay quệt ngang mắt, "Vĩnh biệt. Xin vĩnh biệt tất cả." Kiểu nói cải lương nhưng không làm ai cười. Chúng tôi làm thình, nghe trong dạ nao nao, đau xót.

Thoáng chốc, chân trời mờ mịt. Chúng tôi nhìn ra hướng Đông. Gió phàn phật thổi. Những ngọn gió từ đâu tiếp nối không ngừng. Biển mênh mông, sâu thẳm. Nhìn phía trước, mực nước cao hơn mũi ghe. Con tàu lọt thỏm trong khối nước khổng lồ. Không nói, chúng tôi nhìn nhau chia sẻ cái số phận nhỏ nhoi, bèo bọt.

Một hồi sau, ông Thúc thợ máy, thò đầu lên báo, nước vô mới đây đã ngập khoang máy. Cả tàu nhón nháo. Nhiều người lên tiếng trách, chủ tàu thu nhiều vàng mà sắm tàu cũ, bán mạng khách. Ông Phươn vò đầu bức tai kêu trời, người ta chỉ đưa ông một ít và bảo chuyển chỉ có mấy người. Ông ngó đám "thằng" Hạnh nói, nhiều người đi đâu có đóng tiền. Rồi nhìn quanh, không ngờ tàu đông như vậy.

Nghe ông nói nhiều người vẫn chưa chịu thua, dân đi biển sao lại dùng tàu cũ vượt biên, chưa chi nước ngập quá gối. Ông Phươn thề thốt, chiếc này chạy ven biển an toàn nên ông đem cả con cái theo.

Nghe vậy, mọi người làm thình, không ai xem rõ sinh mạng con mình. Có thể ra khơi sức nước mạnh, ngoài dự tính. Mấy người sĩ quan chế độ cũ cũng lên tiếng hòa giải, mọi người cùng chung sống chết, không nên trách cứ lẫn nhau. Việc trước mắt là phải tát nước, nếu chậm trễ e tàu chìm. Mọi người phân công, đàn ông thay phiên tát nước. Những người say sóng được miễn. Nhóm "thằng" Hạnh xung phong đi đầu. Mỗi phiên hai người. Một người đứng dưới mức

nước đưa lên, người trên dỡ thùng đổ ra ngoài. Cứ ba mươi phút hết phiên, người khác tiếp.

Muốn ra khỏi hải phận, tàu xả hết tốc lực. Gia đình ông Phươn là chủ tàu nhưng hỏi ra là chưa từng đi biển. Ông cầm lái lơ mơ, anh con rể cũng chỉ đi lại trong những kinh rạch nhỏ. Cuối cùng, tay lái giao cho thằng Cồn. Tuy mới mười bảy, Cồn đã từng đánh cá ngoài khơi nhiều lần.

Tối trên biển, trời lờ mờ, nhưng mặt nước tối đen như mực. Sợ mất phương hướng, ông Phươn thắp đèn. Gió bắt đầu lớn, bốn phương lồng lộng, ngọn lửa cứ lao chao chọc tắt. Tôi ngồi trong buồng lái, cầm nón chắn gió. Bên ánh đèn, một bộ tham mưu cấp thời gồm thằng Cồn, ông Phươn, ông Dư, sĩ quan chế độ cũ. Họ lật bản đồ, đặt hải bàn, định phương hướng. Có nhiều chuyến đã ra khỏi hải phận bị lạc hướng đâm đầu trở lại. Bàn bạc chán, tàu quyết định, cứ thẳng một mạch ra khỏi hải phận, rồi xuôi đường xuống Mã Lai.

Nhưng chạy bao lâu thì ra khỏi hải phận? Cả tàu chẳng ai biết.

Người bảo một, kẻ bảo hai ngày. Con tàu nhỏ, biển bao la, bốn bề mênh mông nước. Không có mặt trời, chúng tôi như con kiến loay hoay bò trong chén.

Đêm ngoài khơi qua vội. Mới tờ mờ mà chân trời đã rạng. Vàng thái dương đỏ ối lừng lững đi lên từ đáy nước. Mặt biển rạch một đường cong rành rọt giữa trời. Buổi sáng, gió nhẹ. Tôi ngồi trong buồng lái nhìn ra, nhóm "thằng" Hạnh vẫn thay phiên nhau tát nước. Cả tàu nằm im như chết, kẻ say sóng, người say ngủ. Gia đình ông Phươn năm người, vợ chồng anh Sinh khoảng ba mươi, cô Bắc mười sáu và thằng Út mười lăm thay nhau nằm choán buồng lái. Trên sàn ghe mọi người nằm xếp lớp. Anh Huỳnh, Du và bé Phong nằm ngay mũi

tàu. Cả đêm không ngủ được, tôi ngồi cạnh thằng Cỏn giúp những việc vặt và lắng tai nghe tiếng nước tát.

Tối sáng nhiều người đói. Kiểm lương thực, ai nấy chới với. Tàu sáu mươi hai người chỉ có năm ký gạo và một can nước mười hai lít. Mọi người nhìn nhau kêu trời. Chúng tôi nhóm lửa thổi cơm. Không có củi, "thằng" Hạnh dùng sức gỡ một manh ván mui chẻ nhỏ. Tàu quy định, mỗi ngày ăn một bữa; cơm, mỗi người một nắm; nước, một nắp một ngày; lái tàu, thợ máy, trẻ con ưu tiên được hưởng gấp đôi. Cô Bắc, trẻ người linh lợi. Tôi thổi cơm, cô vắt nắm. Ưa ai nắm dày, ghét ai thì nắm mỏng. Miếng cơm tôi vừa nuốt, chả biết trôi hồi nào?

Trưa, nắng chói chang. Nhìn xa, nước lấp lánh như vàng rơi trên biển. Chiều nắng tắt, nước đen ngòm. Vùng biển sâu. Chập tối, từ chân trời xa xôi, thỉnh thoảng có ánh đèn nhấp nháy. Chúng tôi khắp khởi mừng. Tàu ngoại quốc. Một chiếc bằng sắt to lớn, cột cao, nhiều tầng, xưa nay chỉ thấy trong sách vở, giờ lồ lộ tiến gần. Trong phút chốc, mọi người bàn cãi lôi thôi. Không thấy cờ hiệu, có người nghi, có thể tàu Liên Xô Chúng tôi quyết định, không cầu cứu, lặng lẽ mà đi. Điều chúng tôi tin, tàu đã ra hải phận. Nhưng niềm vui chưa lớn thì đột nhiên máy tàu chết. Ông Thúc lui cui kiểm soát các thứ. Chiếc máy mới, nhưng không biết hỏng chỗ nào. Cả đêm chập vạt, ông đổ mồ hôi mà vẫn chưa sửa được.

Nửa khuya, gió cuồn cuộn nổi. Trời vần vũ. Mây xuống thấp lòa xòa trên sóng. Nước ngùn ngụt chuyển. Tàu lắc mạnh, nhiều người ngã chúi. Tôi ngồi trong buồng lái giữ hải bàn, một tay ghi chặt thành tàu. Thằng bé Phong ngồi sau đeo lưng tôi chặt cứng. Sóng nhồi, giật con tàu lên cao rồi chìm sâu xuống thấp. Nước tạt từ trên mui tràn qua sàn ghe rồi chảy ra ngoài. Gió to, mọi người kinh hãi chui xuống

khoang tàu, phía sau chỉ mình thằng Cỏn đứng đó, ngã nghiêng như người say, nhưng hai tay vẫn ôm chặt cần lái. Mỗi đợt sóng dập, tôi rùng mình nhắm mắt, cảm như tim nhảy thót ra ngoài. Giữa lúc biển gào thét, con tàu chấp chới như cánh điều băng. Chỉ cần một cơn sóng đổ, tàu lật úp. Mới nghĩ tới, tâm trí tôi chìm lỉm, tưởng ra lúc chơi vơi, dấy dựa rồi ngưng. Không lẽ? cuộc đời tôi chấm dứt ngay tại chỗ này? Rồi sáng mai, mặt biển lại phẳng lặng, sẽ không ai hay chúng tôi đã chết tại đây. Một cảm giác chua xót, bất nhẫn dâng tràn. Đang lúc đó, tôi nghe ông Phươn khóc. Ông lớn tiếng trách mình, rồi kể lể. Lần đầu tiên, bất ngờ nghe một người đàn ông nức nở, trong thoáng chốc tôi ý niệm, sĩ diện, tự ái... rồi sẽ chết trước cái chết con người. Nghe một hồi, tôi nhắm mắt lâm râm cầu nguyện. Một hồi, ông Phươn cũng ngưng khóc đọc kinh. Tàu đã số có đạo, không bảo nhau mà tiếng cầu kinh râm ran. Trước thiên nhiên, con người bất lực mà niềm tin là chiếc phao cứu rỗi cuối cùng. Hình ảnh Chúa, Phật bây giờ trở nên gần gũi. Tâm trí tôi hình dung, đôi mắt Phật nhắm nghiền, thần nhiên mà nhìn mọi việc. Không biết thời gian qua bao lâu, tới khi tôi chú ý, bên tai chỉ còn tiếng cầu kinh. Chung quanh, không biết gió đã ngớt bao giờ.

Qua hôm sau, mới sáng sớm nắng như đổ lửa. Trưa, ông Thúc lợi từ khoang máy chui lên, mình mẩy ướt nhẹp, lấm đầy dầu nhớt. Ông giơ hai tay ra hiệu chịu thua Mọi người ngao ngán, quay ra ngó biển. Gió dào dạt. Nước ngút đầy tầm mắt. Chân trời rõ như một nét bút nhặt chạy vòng mà con tàu là tâm điểm. Bốn phương thẳng tắp nhưng chúng tôi không biết mình trôi về đâu. Con tàu đang loay hoay chỗ cũ hay đã trôi ngược về bờ?

Trưa, mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu. Chúng tôi nằm cong mình như

những con cá bị phơi trên cạn. Nắng như thiêu. Nóng và khát. Cơn khát truyền miệng mọi người. Môi tôi nứt nẻ. Tiêu chuẩn một nắp nước chỉ làm ướt kẽ răng. Tôi nuốt nước miếng, cổ họng đau ran. Xa xa, nước bốc hơi, biển lung linh mờ ảo. Nhìn lâu mắt cay sè, những giọt nước ứa ra cũng hôi hổi nóng.

Đói và khát, cuối cùng đánh thức những người say sóng. Hiến, hai hôm tỉnh táo, nhưng khi đến phiên tát nước thì bất ngờ lại ngã ra say. Hấn nằm im ỉm, lâu lâu hé mắt thăm chừng. Công việc tát nước đổ dồn lên đám "thằng" Hạnh.

Đầu hôm, trăng lơ lửng. Biển dạt dào. Tôi nằm lim dim nghe nước sóng sánh vỗ vào mạn ghe. Con tàu bành bồng đong đưa như nhịp võng. Giữ lái cả ngày thằng Cỏn mệt, giao cho ông Phươn. Tới nửa đêm, ông Phươn ôm cần lái ngủ gục. Sóng nhồi, tàu lắc mạnh. Mọi người ngủ say như chết. Tôi hoảng, lật đật kêu ông Phươn, thằng Cỏn. Không ai dậy. Túng thế, tôi vớ chai dầu quẹt vô mắt ông Phươn. Cay mắt, ông Phươn lập tức thức dậy, vừa bụm mắt vừa mắng tôi ồm tỏi. Thấy ông nổi dóa, tôi quỳnh quáng xin lỗi lia lịa. Chuyện chưa yên thì ở khoang dưới ồn ào, "thằng" Hạnh đập thùng tuyên bố, không tát nữa. Bôn, Phúc, Bình, Châu cũng khoanh tay thản nhiên coi nước ngập. Cánh đàn ông bắt đầu đổ lỗi. Đang cãi nhau thì ông Phúc ló đầu lên la, mới đây nước đã lên tới máy. Bà Xiếu, chị Xuân rấm ra khóc lóc. Ông Phươn, ông Dư giải quyết, giao quyền cho "thằng" Hạnh, ai không làm cứ quăng xuống biển. Nhóm "thằng" Hạnh reo mừng tỏ mở, cả bọn bắt đầu lùng sục. Người đầu tiên bị xóc là Hiến.

"Ê, Hiến, tát nước." Hạnh đá chân hấn, kêu lớn.

"Ngộ say sóng mà." Hiến rên rỉ.

" Thôi đi, sóng say mày thì có. Dậy mau." Hạnh nạt.

Hiển vẫn nhì nhằng, hấn bám chặt chỗ nằm, nhất định không dậy.

" Ngộ đi xe trả tiền xe, đi tàu trả tiền tàu. Xe hư, tài xế sửa, đâu có bắt khách sửa. Bây giờ tàu vô nước, sao bắt ngộ phải tát?"

" Trời, giờ này còn nói chuyện tiền bạc." Có tiếng hứ hé chung quanh.

" Ê mập, tàu ngập mày không chìm à?." " Thằng" Hạnh gầm lên. Rồi hấn kêu lớn, " Tụi bây, nhào vộ"

" Một. Hai. Ba" Khi Bôn, Phúc, Bình, Châu vừa ráp tới, Hiển đã bật dậy giật thùng nhào xuống tát.

Một lúc sau, hết phiên, người khác tiếp. Cả tàu ngán " thằng" Hạnh, không ai còn tính chuyện đẩy đưa.

Không ngủ được, tôi ngồi dựa buồng lái, trông ra ngoài. Biển ngập trắng. Một màu vàng non nhão nhoẹt loăng khắp trời. Trong đất liền, trắng huyền diệu biết bao, nhưng ở đây trắng dừng đọng man dại, như thể chị Hằng đang trần truồng mà đứng trên không. Gần về sáng, tôi lẫn thần nghĩ ra, có thể trước khi chết, con người tuyệt vọng, cái tâm không còn sức để bám víu đất trời. Ánh trắng tôi nhìn bây giờ hóa thành là trắng chết. Vì tôi, biết đâu cũng đang đi vào cõi chết. Đêm nay biển êm, nhưng ngày mai thì sao? Không biết rồi tôi có?còn thấy được mặt trời lần nữa?

Sáng hôm sau, gió mạnh. Con tàu chạy giạt lùi. Tới trưa, nhiều người nóng ruột xuống phụ Ông Phúc một tay, nhưng chiếc máy vẫn im lìm, ngậm tằm như đá. Sửa chán, ông Phúc tức khí nổi điên, đá cái máy toí bời rồi nhào ra khóc. Trên này, khi nấu cơm, tôi lo ngại, gạo còn lưng bốn bát. Kiểu này, có thể chúng tôi chết đói trước khi chết chìm. Ông Phươn, ông Phước quyết định cơm nấu ít lại, ưu tiên cho con

nít, lái tàu, thợ máy và những người kiệt sức. Ai còn khỏe, chịu khó cầm cự ít lâu. Hết củi, "thằng" Hạnh lại gỡ mui ghe Gỡ xong, hấn ngược mặt nhìn mái ghe toi tả. Chia cơm xong, chúng tôi rầu rĩ nhìn nhau. Con tàu thật đang trôi vào tuyệt vọng. Đột nhiên, Hạnh đề nghị, sao không gỡ mái làm chèo. Mọi người trợn mắt, ván mui đầy, trên dưới bằng nhau, sức ai chèo nổi. Nhưng Hạnh không nghe, hấn năn nỉ chí tình, cứ để hấn thử. Khi ông Phươn gật đầu, cả bọn hăm hở gỡ. Sáu cây dầm tức ba cặp chèo được đẽo gọt cẩn thận. Cả giờ sau, bọn "thằng" Hạnh sáu người, những dân chèo chuyên nghiệp, đặt dầm xuống nước. "Thằng" Hạnh nhịp nhàng hô, "Một. Hai. Một. Hai. Một. Hai." Mọi người nín thở theo dõi. Con tàu trườn tới trước, không biết do sức gió hay sức chèo. Nhưng mới đi được một sào, dầm gãy. Tiếc manh ván, "thằng" Hạnh nhào xuống biển vớt lên, dành làm củi. Ai nấy thở dài, hy vọng phút chốc tiêu tan. Tôi nhìn ra xa, biển mịt mù. Gãy chèo, thế là may, bọn "thằng" Hạnh không có ai kiệt sức trước khi thấy được bờ.

Xế hôm đó, biển lặng. Chúng tôi nhìn xuống nước, cá đặc lênh. Một đàn chuồn xanh tung cánh, sè trên nước. Đám con trai hè nhau nhảy xuống chụp cá chuồn. Không dính. Ngoài khơi, cá không sợ người, xúm nhau rĩa. Một đứa rách quần kêu cứu. Cuối cùng, chúng tôi đành ngồi yên trên tàu xem cá lội.

Chập tối, xa xa ánh đèn nhấp nháy. Mọi người mừng rỡ kêu lên. Tàu nước ngoài. Một chiếc tàu sắt to lớn đen sì. Chúng tôi lých quỳnh đốt lửa cầu cứu. Vài người lột guốc dép bỏ vào đốt. Ngọn lửa bùng lên, khói nhựa đen bốc mùi khét lẹt. Ai nấy dõi mắt trông chờ. Một lúc sau, ánh đèn trên biển lụi tàn như ánh sao sa, tàu ngoại quốc nhỏ dần rồi mất hẳn. Chúng tôi lủi thủi tắt lửa. Trong bóng tối, con tàu

nằm im như những con sấu rình mò trên nước. Rút kinh nghiệm, mấy lần sau chú?g tôi nhóm lửa lớn hơn. Ông Dư nói, mặt biển cong, có lẽ tàu ở xa khó thấy. Nhưng tôi ngờ, ông an ủi mọi người. Lửa lớn, khói bốc cao. Có những tàu tiến gần rồi đứng lại, sau đó lại bỏ đi. Tôi không tin người ta không thấy. Đêm hôm sau, tệ hơn. Tôi đếm nhằm gả cả thấy hơn chục chiếc. Đa số khi đến gần, họ tắt đèn lẳng lặng mà đi. Hình như những con tàu đang chơi trò bịt mắt, trốn tìm trên biển.

Hai ngày sau, gạo hết, nước cũng cạn tới đáy. Trong tuyệt vọng, mắt tôi hoa thấy biển lớn hơn trời. Đêm đen đặc, con tàu loay hoay như lọt vào trong hố mực sâu hút. Nắng, Gió, Đói, Khát quật ngã từng người. Thằng bé Phong, cháu anh Huỳnh lên cơn sốt. Nó nằm thiêm thiếp, lâu lâu mở mắt nhìn tôi, cười. Nụ cười chịu đựng như thể nó đã chấp nhận hết trơn mọi chuyện.

Trưa ngày thứ tám, tàu cạn kiệt. Kể cả người có sức cũng im lặng giữ hơi. Tôi nằm lắng nghe tiếng tát nước rời rạc, mơ hồ nhớ lại thuở ấu thời. Cả cuộc đời quay lại trong mấy giây ngắn ngủi. Hình như tôi sống mà như không. Hai mươi mấy năm đằng đẵng, không biết mình đã làm gì. Bây giờ, cá? chết bất ngờ như một nhát dao cắt lìa quá khứ. Bất chợt, tôi quay lại bé Phong, thằng bé chín tuổi, tuổi mới bắt đầu, vậy mà, nó giống một chồi non mới nhú cũng bị chặt bừa. Đúng lúc đó, thằng nhỏ mở mắt, miệng mấp máy nhìn tôi như muốn nói. Mấy ngày không nước, môi nó khô khốc, nứt nẻ, tôi mút tay vào miệng rồi thoa lên môi nó. Chỉ có vậy mà thằng bé?cảm động, nước mắt ngấn ra.

Đúng Ngọ, mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu, xuyên qua mũi ghe trống lốc. Mặt chúng tôi sạm nám, chân tay mốc cời vì gió muối. Trên sàn

ghe, nhiều người nằm lả. Đàn ông chiếm mũi ghe, đàn bà dồn về phía sau đuôi lái. Nắng rọi bóng da, tôi mượn chiếc khăn đắp của bé Phong che đỡ. Bên dưới, Vân, Hằng, Bích, Bắc ngồi sát vào nhau. Chị Xuân bế con dựa vào mạn ghe, mặt mũi bơ phờ. Hết sữa, thằng bé trong tay chị dẫy khóc đành đạch. Vân, cô em chồng tóc tai rối bời, vừa quạt cháu vừa dỗ. Càng dỗ, thằng bé khóc càng hung. Một mồi, Vân đưa mắt nhìn quanh cầu cứu. Khi mắt Vân chạm tôi, cô mừng rỡ kêu, "Chị Oì, nhờ chị ẵm dùm cháu một chút." Dỗ một đứa bé đói? Tôi ngần ngại nhìn họ rồi quay lại bé Phong. Khi ngược lên, bắt gặp anh Huỳnh đang nhìn tôi ra dấu từ chối. Không suy nghĩ, tôi ngó Vân lắc đầu. Lắc đầu xong, tôi hỏi hận muốn đổi ý. Nhưng khi nhìn chị Xuân thờ dài chịu đựng, còn Vân, mắt đầy hờn oán, không hiểu sao tôi lại ngồi im. Tránh mặt họ, tôi cố ngó về phía trước, nhưng hình như con mắt lại chỉ thấy phía sau. Thằng bé mệt rồi ngủ bao giờ tôi không biết, nhưng hình ảnh nó dẫy khóc về sau là một nỗi ám ảnh không rời.

Xế trưa đó, chúng tôi gặp chiếc tàu buôn lớn. Tàu gần đến nổi chúng tôi thấy cả cái lan can màu trắng và bóng người di động trên boong. Ban ngày, nhưng mọi người vẫn đốt lửa. Hết dép, tôi hy sinh chiếc guốc cuối cùng. Chiếc này không cứu, gặp chiếc sau không còn gì để đốt. Chúng tôi ngồi nhìn lửa cháy rồi tàn, tàu buôn vẫn trơ ra đó. Ông Dư lại nói, lửa nhỏ quá? có thể họ không thấy. Thằng Bình điên tiết, "Đồ tàu mù." Chửi xong, nó cởi phất chiếc áo, phóng mình quyết bơi sang đó cầu cứu. Mọi người thấp thỏm nhìn theo bóng thằng Bình nhấp nhô trên sóng.

"Tàu đậu coi gần nhưng thật ra xa lắm, không dễ mà bơi tới."

"Họ không cứu, có kêu cũng bằng thừa."

"Coi chừng, xa như vậy, thằng Bình có sức đi mà không có sức về."

Sóng cuốn, cá mập, những nỗi đe dọa càng lúc càng nhiều. Chúng tôi quyết định, sống chết cùng chia, không thể để Bình một mình mạo hiểm.

"Bình ơi, về đi" Nhiều người bắt tay kêu lớn. Nhưng gió? tạt, âm thanh chìm trong tiếng rì rào của biển. Bóng thằng Bình bật tăm. Thằng Châu lo lắng, nó nhảy ùm xuống nước, xung phong đi gọi thằng Bình. Khi Châu ra một hồi xa, "thằng" Hạnh nóng ruột cũng phóng theo. Trên tàu, chúng tôi tiếp tục kêu tên. Một lúc sau khản giọng, tiếng la càng rời rạc. Khi chúng tôi im bật thì "thằng" Hạnh xuất hiện, sau lưng là Bình và Châu. Mọi người vỗ tay, hoan hô và cảm động như đang đón những người lính凯旋 hoàn.

Ngày thứ chín, có người xỉu. Tôi lơ mơ nghe ngóng. Ngất hay ngủ, cũng giống nhau thôi. Con người chỉ khác khi sống và chết. Tàu chưa chôn ai. Tôi nằm bất động, nhưng thần trí như thoát ra và lướt chơi trên biển. Khi nhìn lại, con tàu trông giống một chiếc tù trôi. Chiều về, mặt trời tàn tạ lưng chừng. Tàu đang vật vờ, bỗng một tiếng nổ bật lên. Chúng tôi giật mình, mở mắt. Tiếng thứ nhì lại bật. Không phải mơ, là thật. Tiếng thứ ba xinh xịch, rồi liên tục không ngưng. Máy tàu nổ. Trời ơi, mọi người choàng tỉnh. Con tàu thức dậy như sau giấc ngủ trăm năm. Huyền thoại. Cả một thế giới nhỏ nhoi bừng dậy. Niềm vui đột phá. Mừng quá, nhóm "thằng" Hạnh nhảy múa tưng bừng. Tiếng máy nổ xinh xịch, con tàu vui như người cảm biết nói. Chúng tôi ôm nhau la hét tưởng như chưa có ai đối, chưa có ai kiệt sức ngất đi. Hôm đó, tôi nhìn thấy mặt trời là đóa hướng dương, vàng tươi như cúc, nồng ấm như trà, sóng sánh như rượu

ngó qua những lớp thủy tinh màu sắc.

Khi mặt trời sắp tắt, niềm vui cũng lắng dần. Ông Thúc dưới hầm ghe bước lên, hỉ hả. Chúng tôi nhìn ông như một vị cứu tinh cao cả trên đời. Hỏi nguyên nhân, ông cười, có gì đâu, máy chạy ngày đêm hết nhớt mà quên châm, thế là tắt. Mọi người kêu trời, nhưng không ai trách.

Tối đến, trời không trăng sao. Mấy ngày trôi nổi, không biết tàu đang ở đâu. Không có vị trí, không ai chấm được tọa độ. Hải bàn, hải đồ có cũng để chơi. Không định hướng, con tàu như người mù đêm sầm vô bóng tối.

Mười giờ sáng hôm sau, bất ngờ có tiếng động cơ phản phát. Một chiếc trực thăng quân đội có ngôi sao trắng đang quần sát đầu tàu. Chúng tôi ngược mắt nhìn. Trời ơi, máy bay Mỹ. Tim mọi người như thoát khỏi lồng ngực mà la, " Sóng rồi. Sóng rồi." Kể cả người sắp chết cũng biết đứng lên. Đàn ông cởi áo phát. Đàn bà, con nít chạy ủa ra trước. Chúng tôi hét inh trời. Rồi cười. Mừng, ôm nhau mà khóc.

Cuối cùng, chiếc trực thăng sà thấp. Một người lính thò đầu chỉ trở phía trước. Phút chốc, máy bay cất mình lên cao. Vừa bay, họ vừa bỏ trái khói ra dấu cho chúng tôi theo.

Mười hai giờ trưa, chúng tôi thấy tàu Mỹ. Đó là một chiến hạm lớn, có đại bác, máy bay và sân đáp. Tôi đọc hàng chữ to bên hông, sát mũi con tàu. USS- Callaghan 994, là ân nhân đem chúng tôi trở về cuộc sống.

Ngày hôm sau, tàu cập vịnh Subic. Chúng tôi làm thủ tục vào Phi Chiều, đặt chân lên đất liền, tôi ngoái đầu nhìn biển. Biển Subic có màu ngọc thạch. Mặt trời lấp ló sau những rặng dương. Cảnh giống

như tranh vẽ. Tôi chợt nhận ra, trời biển chỉ đẹp khi ngắm từ trong đất liền. Không có đất, con người không còn chi để đứng.

Sập tối, cả nhóm được chuyển tới thủ đô Manila. Lần đầu tiên ra nước ngoài, tôi choáng ngợp. Thành phố rực sáng như một thảm trên châu trái rộng. Nhìn những cao ốc khang trang, tôi chạnh lòng xót cho những con hẻm tối tăm ở quê nhà.

Chúng tôi nhập trại chuyển tiếp vào lúc nửa khuya. Ban quản trị cấp tốc phát mền chiếu, vật dụng cá nhân rồi chỉ chỗ qua đêm. Sáng hôm sau, bình minh mọc từ phía sau lưng trại. Dưới ánh nắng, trại chuyển tiếp là một dinh thự hoang tàn. Trước, nó nguyên là bệnh viện công, sau trở thành tài sản riêng của bà Marcos. Người đàn bà nổi tiếng có ba ngàn đôi giày nhủ lòng thương, cho người tỵ nạn làm nơi nương náu.

Trại có ba gian. Gian chính, nhà kiểu Pháp, xây kiên cố, tường vàng vọt dùng làm văn phòng tiếp nhận, trạm xá. Phía sau là nơi ban quản trị cư ngụ. Bên hông có hành lang nhỏ thông qua căn lầu. Lầu đồ nát, chỉ mé sau còn kín, chúng tôi sáu mươi hai người ăn, ngủ tại đó. Ban quản trị cẩn thận dặn, đừng để trẻ chạy nhảy mạnh, e lầu sập. Gian cuối là dãy nhà tôn nằm sau trại, dùng làm nhà tắm, phòng vệ sinh. Mỗi là? gió Đông thổi, mùi xú uế nồng nặc. Rào trại là những đồng gạch ngổn ngang, vài ba cây cỏ thụ trợ trợ ngăn chúng tôi với thế giới bên ngoài.

Dạo một vòng xong, tôi trở về chỗ. Nhóm đang họp. Ông Dư trưởng nhóm thông báo, chốc nữa Cao Ủy tới lập hồ sơ, mọi chi tiết chuyển đi phải được khai báo. Tin hành lang cho biết, những tàu có bạo hành, hãm hiếp, cướp giật, lường gạt,... đều bị giữ lại để điều tra. Mọi người quét mắt về nhóm "thằng" Hạnh. Ông Phươn nói, chúng ta

sống chết có nhau, giờ đã tới bờ, tất cả nên quên chuyện cũ. Ông Phươn chưa dứt lời thì Hiến ngắt:

" Quên sao được? Có người định giết ngộ."

Chị Xuân cũng lên tiếng, " Còn cháu bị mất một khâu, anh nào lấy làm ơn trả dùm."

Nghe vậy, ai nấy nhớ chuyện Bảy Búa lục túi xách trên cón. Nhiều người nhao nhao. Kẻ mất vàng, người mất tiền. Những cái túi ở lại, không cách chi kiểm chứng. Bọn " thằng" Hạnh một mực kêu oan, chúng nó đi với hai tay không, tất cả đồ đạc Bảy Búa giữ. Mọi người nhìn lại làm thinh. Quả, thằng nào cũng chỉ có một bộ đồ dính da làm vốn. Nhưng chị Xuân nhất định khỗ tin, đòi cho được tiền mua sữa. Chị bảo, nếu không, có sao chị khai vậy. Mọi người hoảng, ai nấy xúm nhau thuyết phục. Kể cả bà Xiếu là nạn nhân chính cũng lên tiếng khuyên lơn. Cuối cùng, " thằng" Hạnh tức mình đứng ra nhận, nhưng khát, khi hấn có sẽ trả ngay. Mọi người gật gù, ra về tán đồng. Không còn cách chi hơn, chị Xuân đành gật.

Chuyện tạm êm, nhưng quá khứ vẫn là cái án treo, đám " thằng" Hạnh thất thế thấy rõ. Gặp người lớn, Hạnh lễ phép xưng con. Bọn trẻ trong nhóm bắt chước nói leo, có đứa nói trống hoặc gọi Hạnh bằng " thằng" . Hấn mỉm cười, dễ dãi. Nhưng lạ nhất là bà Xiếu. Đã không oán đám " thằng" Hạnh, những trưa rảnh, bà chăm chút khâu quần áo cho cả bọn. Tôi nghĩ, dễ mà gặp được người có tâm bồ tát, như bà.

Mấy ngày đầu, ban quản trị phát gạo củi và một nồi, một chảo, cả nhóm nấu ăn chung. Đàn ông xách nước, chẻ củi, đàn bà nấu cơm. Bếp là một góc lều bề bên ngoài. Cơm nấu bằng nồi lớn, chảo dùng đựng thức ăn. Cơm tập thể, chưa xong chén thì đã sạch nồi. Mấy

đưa con trai đổi, gõ bát, hát như rên. Mới sập tối, tôi xót ruột, anh Huỳnh chia cho một tô cơm lớn. Hối, hóa ra là cơm để dành. Chưa nuốt miếng nào mà bụng tôi đã ứ đầy ác cảm.

Ăn xong, tôi lăn ra ngủ. Mười ngày trên biển, tôi tỉnh táo, nhưng khi lên bờ đầu óc choáng váng. Xuống trạm xá, bác sĩ bảo tôi say đất, chỉ mấy ngày sẽ khỏi. Tôi nằm, khi tỉnh khi mơ, nghe loáng thoáng tiếng Bắc vừa dọn cơm vừa háy trồng, "Thứ người chi lười như quỷ." Vân kèm nhèm, "Họ tưởng, chúng mình là đầy tớ cho họ đấy." Nghe vậy, tôi nhướn mắt nhìn. Vân oán, tôi hiểu, nhưng Bắc ghét thì lạ. Bắc mới mười sáu, da trắng, môi hồng. Cặp mắt to, đen láy, ánh mắt dễ đắm lòng người. Nhưng ưa nhìn nhất là bộ ngực, hây hây một cặp lê căng phồng dưới manh áo mỏng. Tôi thấy, Du cũng thấy. Từ lúc lên bờ, anh chàng vẫn lén lút nhìn Bắc như ngây.

Buổi sáng, trại thường có những cơ quan từ thiện đến thăm. Họ phát cho quần áo, mùng, mền, thau, thùng, nồi, chảo. Nhóm tôi, Sáu Mười Hai-Subic, công bằng tuyệt đối, tính theo đầu người, không phân biệt già trẻ lớn bé. Một cuộn dây cũng cắt ra sáu mươi hai khúc bằng nhau. Tôi lấy một khúc, căng làm sào phơi. Chiều áo khô, tôi định cuộn dây lại, bất thần bé gái con ông Thúc nhào ra giành. Mặc tôi nói, nó nhất định bảo, "Khúc này là của con." Rồi la toáng, gọi bố. Ông Thúc từ trong chạy ra, chưa hỏi ra lẽ đã bênh chăm chặp, "Khúc này là sào của cháu đấy, cô ạ." Tôi há miệng định cãi, nhưng nghĩ sao lại thôi. Nhìn hai cha con mau mau gom những sợi dây đem cắt mà tôi ngán ngấm.

Thơ thẩn ngoài hiên một hồi bỗng dưng tôi chú ý, trời không bóng chim mà tiếng hót vang lừng. Động tai nghe, tôi nhắm đếm những con chim đang ẩn mình đâu đó. Có tiếng tíu tít, có tiếng ngân dài, có

tiếng rút nghẹn như nuốt lời vào cổ. Trong tích tắc đột nhiên tôi nhận ra, cái hạnh phúc được nghe tiếng chim chính là cái giây phút tôi hiện hữu. Tôi còn sống đây mà. Tôi mới vừa giành lại tánh mạng của mình từ bàn tay tạo hóa. Còn niềm vui nào lớn hơn? Trời ơi, sá gì một khúc dây lẻ tẻ.

Hôm sau, nhóm quyết định nấu ăn riêng. Gạo, củi chia đều. Gạo, mỗi người một chén; củi, mỗi người một cây. Gia đình ông Phươn, ông Thúc là hai gia đình lớn ưu tiên dùng nôi. Những người khác mua từ những người Phi bán dạo. Bếp không nhiều, mọi người thay phiên nấu. Đợi mọi người nấu xong, tôi mượn Bích cái nôi rồi chờ bếp của Bắc. Gia đình đông, Bắc nấu nhiều thứ linh kinh. Cuối cùng, khi nhắc nôi ra, Bắc vói tay múc một thau nước đầy tạt bếp rồi nhếch môi cười. Nước văng tung tóe, tiếng lửa lèo xèo, tro bốc bụi mịt mù. Tôi, một tay cầm củi, một tay cầm nôi, ngo ngẩn nhìn theo những lọn khói leo qua cửa sổ để thoát lên trời. Buổi sáng đó, trời quang mây tạnh mà lòng tôi cũng ráo hoảnh không ngờ.

Theo thủ tục, lập hồ sơ xong, Cao Ủy Ty Nạn chuyển danh sách qua phái đoàn JVA phỏng vấn và cứu xét định cư. Trong thời gian chờ đợi, mọi người được chuyển tới trại ty nạn chính ở Palawan học Anh ngữ. Máy ngày cuối ở trại chuyển tiếp, không khí rộn rịp hẳn. Chuẩn bị cho chuyển đi xa, những người có vàng hoặc có thân nhân đã định cư mua sắm tưng bừng. Nổi nhất là chị Xuân và bà Xiếu. Chị Xuân lột xác, đổi đồ đầm sang hơn dân bản xứ. Bà Xiếu ngày ngày ra phố, chưng diện lòe loẹt. Vài ông tài sản khách, rà xe chờ ngoài đầu ngõ. Những chiếc xe đồ hai bên hông vẽ hình rồng phượng, đầu mui có

gắn cả bày ngựa giả đang thi nhau giông ruổi. Người Phi tin, rống ngựa nhiều, xe chạy như bay, càng đất khách. Thấy trại đông, mấy đứa trẻ bán dạo cà rà mời mọc. Hàng lật vật đủ thứ. Tôi ghé mắt vào coi, bất thần tá hỏa. Những hộp diêm in hình các cô gái trần truồng không che tí vải. Nhóm tôi giành nhau xem, đàn ông cười ngật ngoẻo, đàn bà đỏ mặt bỏ đi. Chỉ bọn trẻ Phi tỉnh bơ, dường như người mặc quần áo hay không, chúng coi không khác.

Tới Palawan, chúng tôi biết ra, đây cũng chỉ là trại chuyển tiếp thứ nhì. Khi được quy chế tỵ nạn, người ta sẽ chuyển qua trại Bataan. Đó là trại dành riêng cho những người đi Mỹ. Đi nước khác, phải chờ thân nhân bảo trợ và được phái đoàn các nước chấp nhận. Trong nhóm, chỉ vài người đi Úc, Pháp, đa số còn lại đều chờ đi Mỹ. Thời gian ở Palawan dài ngắn còn tùy, hồ sơ trót lọt, kết quả phỏng vấn, và nhiều vấn đề linh tinh khác. Không biết ai bày, mới vào trại nhóm "thằng" Hạnh đi lòng khắp nơi để tìm cho ra một ông thợ hớt tóc. Thợ tay ngang, cắt tóc thí, nhấp đầu cả đám bằng cây kéo lặt. Bộ tóc mới lúi xúi nhưng hết vẻ bụi đời làm Hạnh đắc ý. Hắn nói, cạo trọc cũng được, miễn sao đừng làm phái đoàn sợ.

Palawan, đúng ra là tên đảo. Trại tỵ nạn nằm dọc bờ biển, phía sau là đồng hoang, cỏ cao lút đầu. Cổng chính có đường lớn dẫn ra phố. Bên kia đường có vài ba quán bán bia kèm hàng xén. Buổi tối, quán bia trở thành tiệm rượu rồi biến ra vũ trường. Có tiệm chỉ chuyên chiếu Kung Fu, ban ngày chiếu phim người lớn. Trẻ vị thành niên thường là khán giả trung thành của những tiệm này.

Trong trại có chín khu, gồm chín dãy nhà tập thể, cất theo kiểu tiền chế. Nhà bằng cây cao ráo, nhưng không cửa, không vách. Vào lúc trại đông, lính địa phương giúp cho cây lá, dân tỵ nạn tự cất thêm nhà. Những căn nhà tự lan tràn thành khu xóm, hàng quán cũng mọc lên khắp nơi. Thường, trước khi chuyển trại, chủ nhà tìm cách sang nhượng cho người khác. Giá cả thả nổi, lên xuống tùy căn, tùy lúc. Người có tiền xem thời gian ở trại là thời gian nghỉ ngơi trước khi hội nhập xã hội mới. Đối với kẻ không tiền, có những nỗi khổ buồn cười không nói được.

Vào trại mấy ngày, nhóm tôi đã tản đi gần hết. Nguyên dãy nhà tập thể khu Chín dành cho người mới tới chỉ còn lại Hùng, Hằng, nhóm "thằng" Hạnh và tôi. Ban ngày, cả bọn kéo nhau la cà khắp trại?, ngóng tin. Tối về trễ phải trèo cổng mà vào. Riêng anh em Hằng cả ngày quán quýt, nửa đêm tôi phát giác, hai đứa ngủ chung một mùng.

Nhóm tôi may, tới trại mấy ngày đã được phái đoàn gọi lên phỏng vấn. Mọi người ăn mặc tươm tất, ngồi chờ trước văn phòng Cao Ủy. Chú Dư điểm danh. Đúng một giờ, phái đoàn gọi tên. Tới ba giờ, buổi phỏng vấn kết thúc. Hồ sơ bị kẹt là Hùng và Hằng. Hóa ra, họ không phải anh em, mà là một cặp tình nhân bỏ trốn. Điều rắc rối là Hằng mới mười sáu, phái đoàn cứ buộc Hùng phạm tội dụ dỗ trẻ vị thành niên. Mặc Hằng khóc lóc thề thốt, người Mỹ vẫn khư khư thi hành đúng luật.

Cuối cùng, mọi người về. Tôi băng qua sân cò, đến phòng thông tin xem danh sách thư tín. Đi nửa sân gặp thằng Cồn ngược đường về. Chưa hỏi chuyện, Cồn đã hươ tay, hôm nay không có thư Rồi nó nhăn nhó bảo, trông thư như trông trúng số. Tôi đứng lại hỏi thăm.

Hóa ra, cả đám chưa có tiền gửi thư nhưng ngày nào cũng mong tin nhà. Nó nói, không ai báo, có thể gia đình tưởng mình đã chết. Nghe vậy, tôi an ủi qua loa rồi giả lả xoay qua khen bộ đồ đẹp. Không ngờ, nó cười rộ, đứng giữa đường giở áo cho xem. " Trời đất ơi!" Tôi kêu lên rồi cười phá ra. Cái quần mượn, lưng rộng rinh, được buộc lại bằng một sợi dây dù. Dây quá dài, nó thâu lại bằng cách thắt một gút lớn, phủ áo xuống, giữa bụng thấy lòi ra một cục.

Cả buổi tối tôi lơ mơ cứ nghĩ tới cái rốn lòi thẳng Cồn. Sáng hôm sau, tôi qua ban xã hội xin một ít quần áo trong kho Trong mớ đồ cũ tôi lựa được những chiếc còn mới. Nhưng chưa tìm đâu ra dây nịt cho Cồn thì Bôn báo tin, nhóm nó dọn sang nhà mới. Không biết " thẳng" Hạnh xoay đâu ra khá tiền dẫn cả bọn ra phố sắm đồ.

Hai ngày sau, tôi cũng dọn nhà. Người bạn mới tên Thu, giáo viên Nha Trang, vượt biển một mình. Nhà của chị cột xiêu, mái rệu, nhưng kín đáo. Bên trong, có hai giường nhỏ, chính giữa là bếp. Chị lớn hơn tôi hai tuổi, người trầm tĩnh, hiền lành.

Xóm nhà mới chỉ vài căn, nằm sau phòng Thông Tin. Căn đẹp nhất, có lầu, sát bên vách là nhà Chiến, một gã hàng xóm nguy hiểm. Nghe đồn, hần trước là bộ đội bán bãi, lừa gạt nhiều người. Tới trại bị nhận mặt nên hồ sơ xin định cư nước nào cũng bác. Ở trại lâu, hần chai lỳ. Sáng, làm thuê ở đâu không biết, chiều ngồi vắt vẻo trên lầu, vừa uống bia vừa ca hát. Thấy tôi tới, hần ngưng bật, lừ mắt coi như coi quái vật. Ban ngày chỉ có vậy, ban đêm hần mới giờ trò. Mỗi tối sau tiếng keng báo ngủ, đợi đèn đuốc tắt ngúm, hần chõ miệng vào vách rồi rên ư ử. Tiếng rên như tiếng mèo kêu, một giống thú động tình lạc điệu. Nghe lâu ngày, chị Thu quen, nằm xuống ngủ ngon lành. Còn tôi trần trọc, vừa kinh vừa tởm.

Để tránh Chiến, buổi sáng, tôi học Anh ngữ, tối có lớp Cultural Orientation, gọi tắt là C.O. Giáo viên Phi, dạy về đời sống Mỹ. Sau này tôi mới biết, đó là kiểu người mù tịt voi, vì chính họ cũng chưa đến Mỹ lần nào.

Những lúc không có lớp, tôi thường ra thư viện, nơi lý tưởng trong trại. Phòng khá nhỏ, yên tĩnh, có cửa sổ trông ra biển. Để tâm hồn vào sách cũng là cách tập cho mình tỉnh táo nhìn đời. Lúc hết giờ, tôi lang thang ra bãi. Dải cát bám đầy rong. Qua khỏi trại, một vườn dừa hoang dày đặc, chạy dài. Từ đây, những người Phi quê mùa, mặc váy, xách xô thường vòng sang trại vừa đi vừa rao, " Chạp-bu" . Họ xin cơm thừa. Xin làm gì không biết. Cũng có người gánh dừa đổi gạo. Chạp tối, họ rời trại, tới vườn hoang thì lẫn vào trong mát dạ. Mỗi chiều, tôi cũng dạo tới đây thì ngừng. Khi ngược về vừa lúc trại lên đèn. Đi dăm bước nữa tới cầu cá. Cầu bằng ván, bắc lững lờ ra biển. Khúc này sâu, sóng sạt bờ nên người Phi xây một cái thành đá. Lúc sẩm tối, tôi thích ngồi trên đầu thành ngắm sóng. Đằng sau, tiếng nhạc xập xình vẳng ra từ xóm nhà " thẳng" Hạnh.

Một tháng sau, tình hình Phi đột nhiên căng thẳng. Phe đối lập mưu toan lật đổ chính quyền. Tại Manila, các tổ chức liên hệ biểu tình rầm rộ chống Marcos. Khắp nơi, lệnh thiết quân luật ban hành. Sản xuất đình trệ. Bên ngoài, vật giá vùn vụt leo thang. Trong trại, người tỵ nạn thần nhiên đến đứng đưng. Mọi người chỉ có nước chờ. Khi an ninh vẫn hồi, phái đoàn các nước trở lại tái phỏng vấn lần chót, rút ngắn thời gian tạm dung. Điều tôi thấy lạ là, mặc tình hình bất lợi, Cao Ủy vẫn tiến hành dự án phát triển. Người tỵ nạn được thuê đào mương, đắp đường mở mang ngay trong trại. Công lao động mỗi

ngày được một đô tiền mặt.

Sau mấy tuần, lớp C.O. chuyển sang dạy nhảy. Nhiều người bỏ lớp, ở nhà. Thời gian này, hình như chị Thu có bạn mới nên vắng nhà thường. Tôi cũng hoành hoành đó đây trong trại. Những con đường mới đầy mô gò, nhưng tương lai nhiều hứa hẹn. Một mai trại đóng cửa, vãn nạn thuyền nhân chấm dứt, người Phi cũng có thể cấp cho những kẻ không nhà.

Lang thang một hồi, cuối cùng, tôi cũng trở về con đường lớn. Đây là con đường huyết mạch, tập trung những sinh hoạt chính. Tôi không ưa sự nhộn nhịp của con đường này, mà chỉ thích cây Si trước cổng. Cội Si già, cành oằn, tán mỏng. Từ gốc nhìn lên, cứ như ai lấy bút vạch trời.

Lễ Phật xong, tôi băng qua nhà thờ rồi vòng ra bãi. Biển trước mặt. Tôi nhìn những đợt sóng ngàn năm cứ vật vã vào bờ. Như những buồn vui, tranh chấp trong trại mỗi ngày cứ lập đi lập lại. Mãi lúc trời tối tôi mới quay về. Khi tới cái bờ đá đột nhiên tôi chú ý. Ai như "thằng" Hạnh đang ngồi gục đầu ối mưa. Tiếng ựa dòn thúc, rồi hấn nôn ọe.

" Ê, nè, anh... có sao không?" Tôi rụt rè hỏi.

Hấn ngước lên, miệng mồm ướt dãi, rồi xua tay như đuổi. Nhưng tôi không đi. Hấn gục đầu, ối tiếp. Không chừng, hấn sẽ mưa tới mặt xanh. Tôi bật chạy, hót hối kêu người giúp. Nhưng vừa trờ tới đầu ngõ đã thấy một đám lố nhố trở mắt đứng cười rần.

Hôm sau, tôi gặp Cồn, Bôn ở phòng Thông Tin, hai đứa còn hếch miệng cười. Tụi nó kể, cả bọn không tiền, "thằng" Hạnh liêu mình bán thân, làm "vợ" một thằng thầy giáo Phi. Thấy tôi trố mắt ngạc nhiên, Cồn nói, thằng Phi là dân gay, ai chịu làm "vợ", hấn cho ba

mười đô một tháng. Thăng Phi cưng " vợ" , bia, thuốc, rượu, thịt,... muốn chi cũng có. Đêm động phòng, cả bọn ở ngoài theo dõi. Không biết thăng Phi làm chi mà Hạnh kinh tới nổi, hấn tông cửa, phóng trối chết ra ngoài.

" Thật sự, cả nhóm không ai có tiền à?" Tôi nghi ngờ hỏi. Thầm nghĩ, chả lẽ Bảy Búa không chia cho hấn đồng nào.

Thăng Bôn chối lia, " Ông Bảy nghèo lắm. Tụi em có, nhiều khi còn cho lại ổng."

" Nghèo gì?" Tôi không tin, " Bảy Búa to béo. Dân anh chị, chuyên chém lộn, có cái theo trông phát khiếp."

Nghe vậy, Bôn, Cồn phá ra cười ngật ngoẻo, " Trời, thăng chả bị phù mà."

" Còn cái theo? Ờ?g bị người ta chém chứ đâu phải vác dao chém người ta, mà sợ."

" Thật à?" Giọng tôi vẫn nghi hoặc, " Nhưng rõ ràng, ông ta vừa ăn cướp vừa hiếp người."

" Hiếp ai?"

" Bà Xiếu."

Tôi vẫn nhớ lúc bà Xiếu chạy ra, quần áo xốc xếch, mắt mũi tèm lèm. Không ngờ, Bôn, Cồn kêu trời, " Đâu ai hiếp bà. Lúc kéo vô bụi, tụi em năn nỉ muốn gãy lưỡi, nhưng bà nhất định không chịu lời một cắc. Bà than, tui còn nghèo hơn mấy chú."

Tôi lại hỏi, " Thật à?" Rồi cười ngượng ngập.

Không ai nói gì thêm. Một chút sau, thăng Cồn thở dài, " Lúc túng quẫn, con người ta hay nghĩ bậy, làm càn."

Cuối năm, gió chuyển mùa. Mới sáng sớm, nắng hanh vàng khắp

nẻo, báo hiệu mùa khô hạn bắt đầu. Tôi may mắn có tên trong đợt chuyển trại đầu tiên. Ngày đi, tôi vác hành lý bước trên con đường chính. Xin chào biệt Palawan, chào cây Si, chào những ngọn sóng chiều. Mắt tôi bỗng nhiên ướt sũng. Có ai đó đỡ hộ hành lý lên xe. Điểm danh xong, xe lăn ra chậm chậm. Tình cờ, tôi chợt thấy "thằng" Hạnh trong số người đưa tiễn. Hắn vác cuốc trên vai, nghe nói mới xin đi đào mương cho Cao Ủy. mấy người trong nhóm vẫy tay, hắn cũng quơ quơ cái cuốc mà chào. Lần đầu tiên tôi phát giác, khi vui mắt hắn khờ và môi cười tươi như con gái. Tôi chắc, thằng thầy gay thích hắn vì nụ cười này.

Hết

Nguyễn Thị Thảo An

Đỉnh trời tròn

Đầu năm 89, anh quen James trong buổi tiệc tân niên của hãng. Hắn là dân Alaska, nhân nghỉ đông xuống miền nam thăm bạn. Hồi mới

gặp anh cứ ngờ ngợ, thằng cha trông quen mà nghĩ mãi không ra từng gặp hắn ở đâu. Hai tuần sau, đem những tấm hình chụp chung trong buổi tiệc về. Vợ chỉ James xuýt xoa, ông nào giống Harrison kinh khủng. Anh giật tấm hình ngó kỹ. Ánh mắt thẳng, tự tin và thành thật, cộng thêm nụ cười nửa miệng ngượng ngáp. Quả, hắn y hệt Harrison Ford trong phim Kẻ Trốn Chạy.

Hai tháng sau, anh thất nghiệp. Hãng máy bay sa thải hàng ngàn công nhân vì hết hợp đồng. Đám thợ mất việc túa ra đi thử thời vận khắp nơi. Anh cũng gửi đơn qua các hãng Lockheed, Mc Donnell Douglas, Boeing ở Florida, Texas, St. Louis, Cali Thư có đi mà chẳng thấy về. Vợ than, thợ ráp máy bay sao giống dân Mông Cổ, rày đây mai đó. Anh bối rối, chỉ đáp bằng tiếng thờ dài.

Cuối tháng ba, một chiếc tàu chở dầu hãng "xon trong vịnh Prince William Sound đụng băng sơn bị bể. Mười một triệu tấn dầu tràn lan trên mặt biển. Mỗi ngày người ta nhặt được hàng ngàn xác sinh vật trôi dạt vào bờ. Ngành đánh cá bị thiệt hại nặng. Trong lúc ai nấy đang hướng lên Alaska để nghe ngóng thì James trở về. Hắn rủ anh lên đó. Họ trả lương cao và đang cần rất nhiều công nhân làm sạch bờ biển trước khi đông đến. Anh nhìn lên ti vi, chăm chú xem những người mặc đồng phục vàng, đứng trên bãi biển chúi từng cục đá. Ngoài xa, băng sơn trôi lênh bênh giống những mồm núi ngoi đầu lên mặt nước. Bỗng dưng, anh bắt rùng mình, co ro như người đi trên tuyết. James thuyết phục, trời sắp sang xuân không lạnh lắm đâu, hay cứ lên đó làm để dành một thời gian lại trở về, còn hơn nằm đây ngóng việc. Chợt hắn hạ giọng, giống như năn nỉ. "Tin tao đi, khi người ta chịu đựng được bất cứ cái gì giỏi hơn người khác, họ sẽ

thành công hơn thiên hạ." Thấy anh ngần ngừ, hắn bồi thêm cú chót. "Bộ mày tưởng Mike Tyson trở thành vô địch nhờ vào quả đấm ư? Không lẽ quả đấm của những thằng thua không làm người ta chết được à?" Rồi hắn rên rỉ, "Trời đất ơi, thằng vô địch thực chất chỉ là cái thằng chịu đòn giỏi nhất thôi." Cuối cùng vị nể anh gật, nhưng hứa thông một câu, "Để tao hỏi vợ đã."

Tối đó, lựa lúc vui anh dợm ý. Chưa nghe hết chuyện, vợ đã gào, "Có việc, sao không nhận? Đi, cùng trời cuối đất, chỗ nào cũng đi, còn hơn ở lại có ngày đi ra đường."

James đón anh đến Valdez, thành phố nhỏ quay mặt ra biển, sau lưng núi tuyết chập chùng. Sinh hoạt chính của Valdez là vận chuyển dầu hỏa. Nhìn từ trên cao, những thung sát khổng lồ sơn màu nổi bật nối những đường ống dẫn dầu từ miền bắc, rồi chia ra thành nhiều nhánh trong vịnh. Đường phố Valdez đơn giản. Giao thông chính tập trung ở các cảng. Canoes, và các loại thủy phi cơ nhiều như trong các bãi đậu xe. Riêng các tàu dầu lớn nằm ngoài cửa vịnh.

James là người bất thiệp. Hắn cư xử với kẻ mới quen rất thân tình. Một ngày sau, anh bắt đầu nhận việc. Chỗ làm chính là cái bãi biển anh đã từng xem trong ti vi. Trong lúc nhiều người kéo những đường ống to tướng hút dầu loang trên biển vào những tankers lớn, nhóm anh đi dọc bờ, nhặt xác các loài chim, cá. Con chết, đánh số rồi cho vào túi nylon. Con sống dính đầy dầu, được mang đi tắm rửa cẩn thận, xong chuyển qua trung tâm cấp cứu điều trị. Hình như chưa có con nào được xuất viện từ cái trung tâm này.

Chỉ vài ngày, anh quen việc. Cái khó là khi tắm con vật trước mấy chục ống kính thu hình của nhóm phóng viên. Một tay lanh lợi nhất bọn cũng đâm ra lọng cọng.

James không làm việc ở đó, nhưng thỉnh thoảng hay ghé thăm. Giờ nghỉ, thấy anh còn đi lượm xác mấy con chim liệng vô thùng, hấn la làng, đừng xách cổ, nắm chân và quăng xác chim. Người ta không cần anh siêng, chỉ cần anh tỏ ra biết thương yêu loài vật. Cốt sao cho mọi người thấy hãng dầu cũng biết bảo vệ môi sinh không thua cơ quan Greenpeace James tiết lộ, cơ quan này, ngành đánh cá, và thổ dân đang xúm nhau kiện "xon. Nếu hãng thua, chính hấn cũng bị thất nghiệp.

Cuối cùng, "xon thắng kiện." James báo tin mừng lúc anh sắp mãn hợp đồng. Hấn níu kéo, đừng về, ở đây khỏi việc. Alaska là chỗ vàng trôi trên sông.

Những ngày nghỉ, anh theo James đến Anchorage, thành phố lớn nhất tiểu bang. Mùa hè, trời xanh mát. Người địa phương đua nhau mặc quần short, chạy bộ dọc vỉa hè. Chỉ đám du khách ru rú trong chiếc áo ấm dài tay. Anh ngạc nhiên thấy, có rất nhiều người Á Châu sống ở đây. James bảo, đừng lầm, họ là người bộ tộc Aleuts, thuộc giống "kimos" sống rải rác ở Bắc Cực và ven biển Alaska. Giữa thế kỷ 18, người Nga chiếm đất và giết gần hết bộ tộc Aleuts. Sau này, thấy đất toàn băng giá, họ bán lại cho Mỹ với giá gần 2 cents một mẫu.

Anchorage nằm sâu trong vịnh Cook Inlet. Đầu mũi cảng có tượng James Cook, một Captain Anh tìm thấy dãy đất này vào năm 1778, trước Ngạ Ven vịnh, có nhiều hãng xưởng, nhất là hãng cá hộp.

Ngoài xa, tàu bè tấp nập nối đuôi nhau vào bến. James bảo, đó là những tàu mang cá về bán lại cho hãng. Đa số người Aleuts sống bằng nghề chài, họ không ưa những người tạm cư từ nơi khác tới. Khi lên phía bắc thành phố, anh thấy một nhà thờ cổ kiểu Ngạ Nóc hình củ hành, vòm gác treo ba quả chuông lớn. Đằng sau là nghĩa

địa của người Athabaskan. Những ngôi mộ vuông vắn như chuồng bồ câu, bên ngoài sơn phết rực rỡ trông rất vui mắt. Quanh đó là nông trại. Anh kinh ngạc nhìn những bông cải to hơn quả dưa hấu. Hình như những hạt giống qua được mùa tuyết ủ đều lớn hơn mức bình thường.

Cuối tháng sáu, ngày rất dài. Mặt trời thoáng chốc lặn, rồi hiện ra sau ngọn Denali Thổ dân gọi, đó là "căn nhà của thái dương". Đỉnh núi trắng xóa, sáng lòa trong mây. Phía trước, tuyết vẫn còn dày đặc. Nhiều người thích lên đây trượt băng vào mùa hè.

Sau cùng, James ghé vào Portage Glacier xem băng sơn. Hơi ẩm làm từng mảng băng nứt kêu răng rắc, rồi sụp xuống tan tành. Khói và bụi băng tung tóe văng cả bên này bờ. Anh ngạc nhiên, cứ đổ hết lớp này tới lớp khác, sao băng vẫn chưa hết. James nói, mỗi lớp băng đóng theo độ lạnh khác nhau, nên khi tan cũng theo từng lớp. Núi nhỏ nhưng băng dày, chưa tới lớp cuối thì mùa đông lại đến.

Thật ra, những người xứ này cũng chưa thấy được cái núi thật. Khi về, thấy hoa Forget Me Not màu tím nhạt mọc tràn đồng, anh dừng lại trầm trồ. "Mùa hè ở đây thật tuyệt." Nghe vậy, vợ phán, "Tuyệt cái gì? Ở đây chỉ có hai mùa: tuyết rơi và tuyết không rơi."

Người địa phương quen gọi Prudhoe là thành phố. Thật ra, nó là cái vịnh cực bắc Alaska nối với Bắc Băng Dương. Năm 1968, người ta khám phá dưới lớp tuyết trắng một thứ vàng đen. Gần mười năm sau, James là một trong những nhân viên đầu tiên dự lễ khánh thành giếng dầu số một. Sau vài năm, hắn trở thành trưởng ban điều hành công nhân. Khi mãn hợp đồng, James kéo anh lên chỗ hắn làm việc. Prudhoe, nơi mùa đông độ lạnh thường ở tám mươi độ âm, nửa năm không có mặt trời, vừa nghe đã khiến anh rút chân lên ghé. Hắn gật

gù nói, nhưng bù lại điều kiện làm việc rất tốt. Lương gấp ba hiện tại, tuần làm tuần nghỉ, nhà ở, điện nước sưởi đều do hãng đài thọ. Lát sau, thấy anh vẫn làm thình, hẩn đăm giân. "Lúc trước, mày có biết cuộc sống xứ này ra sao đâu, mà dám lộn nửa vòng trái đất tới đây? Giờ, từ đây đến đó chỉ mấy trăm dặm, lại chịu nằm bẹp dí một chỗ?" Hẩn lắc đầu, chê, "Đúng là đồ gà chết." Xong, phải dứt đứng dậy.

Cũng may, khi anh chạy ra gọi, xe James chưa nổ máy.

Mới tháng chín, trời mù, ẩm và thấp. Mây đục, ngậm hơi sương. Buổi sớm, tuyết lác đác rơi, đến trưa tan chỉ vừa ướt mặt đường. James đến đón anh bằng chiếc máy bay nhỏ, loại bốn chỗ ngồi. Hẩn vui vẻ bảo, Alaska giàu có nhưng đường sá nghèo nàn, chỉ chạy trong mấy tháng hè. Nhiều phố, huyện hoang vu nên giao thông chính nhờ máy bay. Chưa có nơi nào nhiều phi trường như ở đây. Đặc biệt, có thể gọi máy bay như gọi taxi trong thành phố. Những người lái airtaxi, họ gọi là bush pilot.

Ngược hướng bắc, máy bay lên không cao lắm. Dường như hẩn thích lạng qua lại giữa những vách đá màu lam. Đỉnh núi trắng xóa, màu tuyết nhòe trong mây. Lưng chừng giữa triền dốc, thỉnh thoảng có bãi sơn dương nằm nghỉ. James bảo, loại dê núi khôn lắm, chúng thường ăn rêu ở những hốc đá cheo leo, nơi sói không bao giờ theo được.

Qua khỏi Fairbanks một đổi, bên dưới là sông Yukon. Lòng sông rộng, trắng và thoáng. Xa xa, vài căn nhà trơ trọi ven bờ. Anh ngạc nhiên, sao có người lại chịu sống nơi hoang dã, biệt lập với đời.

James dặn, giao thiệp với họ phải cẩn thận. Đó là những tội phạm, sau khi mãn tù không kiếm sống được trong thành phố. Họ bắt cá, săn thú. Đời sống đơn giản. James bay sà xuống thấp, chỉ anh xem

một cái quay gió đặt mé sông. Và nói, với thứ lờ này họ cũng có thể kiếm năm, sáu chục cân cá một ngày. Lên phía thượng nguồn, cứ mỗi đầu xuân, cá hồi đua nhau bơi ngược dòng để trứng, lũ gấu kéo bầy lên gềnh há miệng chờ những con cá nhảy sóng, hết như mấy thằng nằm chờ sung rụng. Anh chợt hiểu, thì ra hẳn nói vàng trôi trên sông là vậy.

James lên cao khi bay qua một khu rừng rậm. Khí hậu đột nhiên xuống thấp. Nhìn bản đồ, chính là rừng taiga. Thật ra, đây là loại rừng tùng bách, lá nhỏ và trơn như cây kim, dễ giữ tuyết. Cánh rừng dày, băng qua nhiều nước, làm thành vòng đai Bắc Cực. Nó ví như cánh cửa, chắn hơi lạnh tràn xuống miền nam. Ven rừng, có vài làng nhỏ, nhà chỉ dăm căn. Mùa lạnh không người. Chủ nhân chỉ đến vào dịp hè để bán đồ kỷ niệm cho các tay đi săn và dân thám hiểm.

Vừa qua khỏi rừng, mới xế trưa trời đã chạng vạng. Dưới đất, tuyết trắng một lớp mỏng, lộ những cọng cỏ lơ thơ cao chưa quá gối.

Đằng xa, tháp thoáng trên giàn khoan một ngọn đuốc to cỡ đuốc thể vận cháy bập bùng trên cao. Bên dưới những ánh đèn điện giăng đầy nhấp nháy. Prudhoe, thành phố không có đường sá, cây cối, không có ai ngoài đám công nhân hãng dầu. Nhà ở là năm dãy lớn như năm cánh sao ăn thông với giàn giếng chính. Những người công nhân cư ngụ và đi làm cùng trong những dãy nhà này.

James hạ cánh. Hẳn chạy quanh để hãm thắng, rồi vòng ra mé sau. Trên bãi tuyết, rải rác vài căn nhà lưu động như loại mobilehomes cất trên những sàn gỗ. Có nhiều sàn trống, trông như sân khấu lộ thiên. Đây cũng là khu nhà của hãng, ưu tiên cho những cặp vợ chồng và người muốn sống biệt lập. James mở cửa, giúp anh khuân đồ. Xong, hẳn chỉ về mọi thứ tận tình, rồi kiếu về. Sắp xếp hồi lâu, anh bắt đầu

thấm mệt. Vợ từ phòng trong chạy ra la, nửa đêm sao chưa ngủ. Anh nhìn ra cửa sổ, trời trông như mới chiều.

Đêm qua có mưa tuyết. Vừa thức dậy, vợ ghé mắt sát cửa sổ xem trời đất. Chưa nhìn được gì, đã kinh hoảng hét to Bên ngoài, một con gấu trắng cũng đang dí mắt sát khung kính để xem bên trong có gì.

Anh vớ cây súng, lúng túng chĩa tứ phía chờ đợi. Được một lúc, James đến. Nghe kể lại chuyện, hấn cười như không. Rồi dặn, ra vào nhớ khóa cửa. Loại gấu trắng không phá nhà, và ít tấn công người. Chỉ bắn trong trường hợp tự vệ. Loại này quý và hiếm nên được chính phủ bảo vệ nghiêm ngặt.

Ngày đầu vào hãng, sau khi làm thủ tục và nhận đồng phục, James dẫn anh đi xem khắp nơi. Trung tâm là giếng dầu. Miệng giếng được đậy kín, không ai thấy bên dưới. Dầu được hút lên bằng những ống bơm sắt to và dày, thông tận đáy, trên có giàn đồng hồ đo nhiệt kế, áp suất và dung lượng. Chung quanh là một hệ thống ống dẫn chằng chịt, bắt từ khu trung tâm để dẫn ra ngoài. Đây là loại dầu thô, sau khi chuyển xuống Valdez được chở bằng tàu để đưa về nhà máy lọc dầu trong nội địa. Ngoài những văn phòng hành chánh ở khu trung tâm, James đưa anh đi xem năm dãy nhà lớn ăn thông với khu chính bằng những hành lang dài. Giếng Một có bốn ca, mỗi ca một dãy gồm nhiều phòng nhỏ.

James dẫn anh tới dãy năm đúng vào giờ ăn. Nơi này giống một câu lạc bộ, có phòng thể dục, hồ bơi, khu giải trí, thư viện, nhà ăn. Giờ nghỉ, phòng đông người. James lựa chỗ và chọn thức ăn. Anh liếc quanh, bỗng rồi nhận ra nhiều người nhìn mình với vẻ tinh nghịch. Anh đưa mắt kiếm James, gặp ai hấn cũng vỗ vai chào. Họ thân mật đến độ gần như suông sẻ. Một người có râu mép hát hàm về phía anh

hỏi. "Tay mơ nào vậy?" Chưa kịp nói gì, một ông già kéo James rí tai, "Khai thật đi, mày làm thế nào dụ nó lên đây?" Nghe vậy, cả bọn phá ra cười. Một tên ốm nhom, ngồi trong góc phòng mai mĩ. "Cần gì hỏi, hấn chỉ giỏi rù quên kẻ thất nghiệp thôi." James đỏ mặt, đưa hai tay lên trời, cười gượng. Xong, hấn kéo anh tới, giới thiệu từng người. "Đây là! Bill, Bob, John, Tom, Tommy" Một người bụng đĩa tới gần, làm quen. "Đêm qua ngủ ngon không?" Anh gật. Hấn kể, hồi mới lên, mấy đêm đầu chỉ nằm nghe sói trộ Anh nhìn ra ngoài khung kính than, "Ở đây vắng tanh." Hấn trở hướng đông bắc nói, cách đây mấy chục dặm có làng "kimos". Khi buồn, tới đó chơi. Nhưng nhớ, đừng chăm chăm nhìn đàn bà của họ. Tội đó ghen kinh khủng. Anh ngạc nhiên. Một người phía sau cười cợt. "Cứ ở lâu rồi biết, một đàn bà quý hơn mười lò sưởi." Cả bọn nhao nhao, "Luật xứ này, tội cướp vợ nặng hơn tội giết người." Cả đám xúm cười hô hô. Ông già bước tới vỗ vai, "Anh mang vợ, là mang cả gia tài theo đó, biết không?" Sau này mới thấy, đa số để gia đình ở miền nam, phần còn lại đều độc thân. Riêng James, từ ngày vợ bỏ đi, hấn vẫn ở chờ trong căn nhà cũ.

Buổi chiều trên đường về, James dặn. Đừng để ý những lời đùa, coi họ vậy nhưng tốt lắm. Mỗi lần bão, thường kéo tới giúp mình xúc tuyết. Thấy anh rùng mình, hắt hơi liên tiếp mấy cái, hấn an ủi. Ráng chịu khó, dành dụm ít lâu, sau này lại trở về. Đột nhiên giọng hấn chắc nịch. "Đàn ông cần phải có tiền. Khi có tiền, đàn bà dù không yêu, họ cũng không nở xa mày." Hấn bật cười khan, "Chân tội nó cứ như đập trúng kẹo cao su, dứt không đành." Anh làm tỉnh, tâm trí lan man nghĩ tới vợ James và căn nhà trống không của hấn.

Tối về, vợ ngồi trước lò sưởi chờ cơm. Anh hỏi, "Suốt ngày ở nhà

làm gì?" Chằm chập nhìn ngọn lửa hồi lâu, vợ nói, " Ngồi xem sao rụng." Ngó vào trong , củi nổ tí tách, những hạt bụi lửa, bắn vọt lên cao rồi rớt xuống. Anh quay sang, nhìn sâu vào đôi mắt to, ngời bóng lửa. Đưa tay quệt má, vợ ngạc nhiên hỏi. "Gì vậy? Mặt dính lọ à?" Anh đưa tay giữ chặt mặt vợ, vờ la, "Khéo, ngồi im. Sao đang rụng kia kìa." Quá khuya, ngọn lửa tàn. Anh vùi đầu vào ngực vợ ngủ quên. Mãi gần sáng, chiêm bao thấy toàn những dấu giày cao gót. Dưới đế sạch trơn, không dính một miếng kẹo cao su nào.

Sáng sớm, James gõ cửa. Hồi lâu, anh mới mở rồi xin lỗi. Vợ bắt xem kỹ, sợ mở làm cho gấu. James cười, tặng một cái gói kê tay, có thêu hình người và thú. Hắn nói, "Đây là Okpik, bùa may mắn của người kimos ." Vợ chồng chuyền tay xem. Mũi thêu vụng về. Nhìn mãi mới ra là con chim cú, bộ cánh và đuôi tua tủa giống mấy nhánh xương rồng. James giải thích, đây là loại chim báo động khi thấy gấu. Xưa, được thổ dân thờ như một vị thần. Thấy vợ cứ cầm gói xăm soi, anh định trở tay chỉ, nhưng vợ cản, "Thôi, cứ để nhìn thành cây xương rồng cho nó ấm." Cuối tháng mười, mặt trời thấp, to và nhạt. Ánh sáng yếu, không đủ sức xuyên mây. Qua giữa tháng mười một, trời tối sầm. Ngày và đêm lẫn lộn. Nhiệt độ xuống gần trăm độ âm. Tối, nằm nghe gió rớt ngọn trên mái nhà. Sáng dậy, thấy đất thở ra hơi khói. Ngoài trời, tuyết rơi lả tả. Tứ bề trắng xóa. Cảnh vật tiêu sệt. Sự sống chỉ còn cô đọng quanh lò sưởi. Vợ chồng hết nhìn nhau, lại ngắm trời. Cách mấy tuần, bão ập tới. Những cơn lốc như khởi từ nơi nào trong vũ trụ, phăng phăng muốn xoay ngược địa cầu. Vợ lo, cứ liên tưởng cảnh bị thổi tốc ra không gian như con kiến văng khỏi quả cam. Anh ôm vợ trấn an, nhưng trong lòng nghĩ tới James. Đứt liên lạc. Rất có thể cái máy gọi và hắn đã bị vùi trong tuyết.

Mấy hôm sau bão dứt. Vợ chồng dùng búa phá băng tung cửa ra ngoài. Bên nhà James, tuyết ùn thành đồng. Trên mái, ngọn khói lảng đãng không bay. Anh bắt tay thành loa gọi. Không có ai trả lời. Được một lúc, bọn thằng Bill, thằng Bob lái xe cần trục tới. Sau cả buổi vật vã, căn nhà được kéo ra khỏi đồng tuyết để đặt vào một sàn trống kể. Đâu đó xong, mới thấy James đục cửa bước ra.

Căn nhà hắt thấp và nhỏ. Mới bị kéo nên bên trong đồ đạc lộn xộn. Hai người bắt tay giúp James thu dọn. Chỗ ăn và ngủ đặt ngay lò sưởi. Cuối phòng có kệ sách. Anh lượm dưới đất khung hình bán thân một người đàn bà rất đẹp, chừng là vợ James. Hèn chi, hắt chung tình vậy. Sách rất nhiều. Anh ngạc nhiên thấy toàn loại chiến tranh và cao bồi. Hắt cười phân trần, đâu có ai ưa cảnh bắn giết. Hắt thích loại này chỉ vì truyện nào cũng đông người, đọc bớt lẻ loi. Anh kêu vợ lựa mượn mấy quyển, xem cho vui.

Sau cơn bão, khí hậu đột nhiên ấm lại. Vài ngọn gió Chinooks mang hơi nóng từ miền nam tới thổi tan bớt tuyết. James mừng rỡ, ngồi trước nhà ngắm trăng. Trăng mọc thấp và to, ánh sáng lạnh, vừa nhô lên đã chực rơi xuống chân trời. James ngửa cổ, bắt chước sói tru Awhoo whoo. whoo Âm thanh khàn đục, là đà lan trên tuyết. Anh cười rộ, hắt tru không giống sói. Nhưng cười chưa dứt, đã nghe từ xa, những con sói ở đâu tru lại từng hồi. Bóng trăng nhạt, tiếng sói thê lương, nghe như rót tận đỉnh trời. Vợ anh rùng mình, hình như chúng ở rất gần. James trấn an, sói chỉ đáng sợ trong truyện cổ thôi. Thật ra, chúng là giống chó hoang, thường đói nên hung hãn, ban ngày lang thang tìm mồi. Tiếng tru chỉ là tiếng bày gọi nhau.

Những ngày nghỉ, James rủ đi săn. Đây là mùa lý tưởng. Sau cơn bão, những con thú đói bắt đầu ra kiếm mồi. Hắt lấy máy bay nhỏ,

đưa đi thám trước. Mặt đất hoang và lạnh lẫm. Chân trời là một đường cong nằm ngay dưới đất. James bay thẳng lên cao, nhưng anh cứ cảm tưởng hấn đang nhào xuống đất. Theo hướng đông một đổi, đã thấy vịnh Hudson, băng trôi trắng như bột xà phòng. Dọc bờ, bãi đá đen lổm chổm. Anh ngạc nhiên dụi mắt, những cục đá hình như biết di động. Máy bay sà xuống thấp, hóa ra là bầy hải cẩu đông cả ngàn con. Trên cạn, chúng lê lét như người tàn phế xin ăn. James chỉ anh phân biệt, loại hải cẩu vùng này có lỗ mũi tròn như hai nút khoén. Giống hải sư có hai tai và chiếc mào nhỏ xíu trên đầu. Còn hải mã có nanh, mồm như ngậm dao găm. Giữa đông, thảng chạp và thảng giêng, chúng rủ nhau vào vịnh Hudson trú gió và sanh nở trên các tảng băng trôi. Hải cẩu con rất đẹp, lông ngà, trông như một núi bông sữa. Thợ săn và lũ gấu trắng cũng tranh nhau tới kiếm loại này. Xế chiều, James hạ cánh thăm làng "kimos". Chưa xuống, hấn đã dặn, phải gọi họ là người Inuit. "kimos" là danh từ cổ, có nghĩa giống dân man di, ăn thịt sống. Làng nghèo và thưa. Đa số nhà bằng gỗ mỏng manh. Anh nhìn quanh tìm, nghe nói giống người này ở trong nhà igloo bằng nước đá. James đập vai anh, cười rộ. Đó là thời xưa. Và họ cũng chỉ dùng tạm trong khi săn hay chờ lúc cất nhà chính. Bây giờ, để cho các tay thám hiểm dùng chụp hình. Khi về anh bảo, đi hết làng không có một người nào coi đẹp. Hấn cười sảng sặc, đàn ông xứ đó chỉ ưa con gái đảm đang, nhan sắc là đồ xa xỉ. James mở một cuộc thám thính xa vậy, nhưng lại đi săn gần nhà. Hấn vác núi chỉ, lưỡi câu, một lều xếp, cái búa, chiếc đèn bão, tám mền, và lon thịt gà làm mồi. Từ cửa, đi thẳng hướng bắc được trăm thước rồi dựng lều. Hấn câu cá bằng cách đục lỗ trên băng, mắc mồi rồi thả câu. Chỉ chốc sau thấy giây không động đậy, hấn lại đục lỗ

khác. Chưa đầy nửa buổi, chiếc lều bị dời cả chục lần. Thấy hấn nóng tính, anh phát bực lạ "Câu cá giống như chờ vợ, phải kiên nhẫn mới được." Nghe vậy, hấn quay phắt lại, trợn mắt. "Ai chờ vợ?" Rồi phân bua, "Nó đang chờ tao, đâu phải tao chờ nó." Thấy anh kinh ngạc, hấn kể. Hồi mới lên, ở đây vắng tanh. Hăng mới lập, chưa hoạt động đều trong năm đầu nên ít nhân công. Buồn tới nỗi thấy kẻ thù cũng phát mừng. Vào lúc đó, hai vợ chồng tình cờ quen với một nhóm thám hiểm thuộc Nha Địa Dự Tình bạn giữa họ rất đậm. Mấy tháng sau hết công tác, họ ra về. Được vài tuần, thằng Bryan trong bọn lấy trực thăng trở lại, đỗ trước nhà. Anh cướp lời, "Bộ hấn muốn cứu vợ mày à?" James thở dài, "Không. Nó lại kêu vợ tao cứu nó." Hấn nhún vai, cười khẩy, "Thằng độc thật!" Rồi châm thuốc, rít một hơi dài. "Đàn bà, thấy đều thích nghe những lời nhảm nhí." Anh thắc mắc, "Sau này họ hạnh phúc không?". Hấn cười khi, "Ừ, cũng được mấy tháng." Xong, trở giọng vui vẻ, "Giờ, con vợ tao cũng đang chờ người ta cứu nó." Anh thở dài, khuyên. "Vậy, mày cưới vợ khác đi. Sống một mình buồn lắm." Hấn cười nửa miệng, "Đàn bà xấu, tao không muốn nhìn. Còn đũa đẹp, lại không muốn chỉ mình tao nhìn nó." Anh nghe vậy, khoe "Đàn bà xứ tao tốt hơn nhiều." Rồi hứng chí kể một hơi truyện Nàng Tô Thị, Thiếu Phụ Nam Xương. Hấn lảu lắt tai nghe, mồm há hốc như con cá mắc phải lưỡi câu.

Sáng, vợ đem cá ra xẻ để phơi, cần nhần, nắng đâu mà khô James nói, ở đây người ta phơi gió. Xong dặn, phải để ý, hễ nghe tiếng cú thì đem cất, kéo gấu ăn hết cá. Chiều về, ngoài sân không còn một con. Vợ bảo, thấy sói tới lại không dám đuổi. Anh tức, công câu cả ngày mất sạch. James cười lẩn, chưa bao giờ hấn thấy ai như vậy. Chuyện thế làm hấn vui. Ngày hôm sau gom mớ cây đi đóng ngay

mấy hàng sào treo cá. Vợ trông thấy khen, "Thằng cũng tốt. Trước, tôi chỉ ghét anh hay nghe lời hấn."

Đi câu hoài đâm chán. Có hôm mới vác về, vợ cựa. "Ngày nào cũng ăn cá, riết rồi tôi cũng biết bơi." Nghe vậy, James rủ đi xa săn cáo. Hấn tán, lông cáo đẹp, ấm và quý nhất. Da cáo có hai lớp: lớp ngoài phủ lông trắng dài, xốp và đẹp, không thấm nước; lớp trong dày và chặt như loại áo lót, đắt hơn loại hải cẩu và gấu. Hấn đem ra mớ bầy sắt cũ. Bầy cáo giống cái keng, trên có hàn hai nẹp sắt có răng cưa và một vòng tròn. Móc thịt gà, rồi treo đầu đó, nơi cáo thường đến. Cách mỗi tuần thăm, chỉ việc gỡ xác cáo chết cứng ngoài trời. Anh lấy xe trượt tuyết, theo hấn đi khắp nơi. Cáo dáng thon, đầu nhỏ. Mũi và tai nhọn, mắt xéo, đuôi xù. Lông trắng lẫn trên tuyết, rất khó thấy. Xem việc dễ, nhưng không đơn giản. Cáo tinh lắm, muốn bắt, phải ngụy trang môi thật tự nhiên. Bầy cáo, nhưng bắt được sói, chim chóc như ptarmigan là sự thường. Dần dà, anh hứng thú, xem trò dụ cáo vào bầy như cuộc đấu trí. Thật ra, đi săn chỉ sợ bị lạc đường. Ở nơi không trời trăng cây cỏ, con người mất điểm tựa, đi càng xa mà cứ tưởng về gần.

Cuối đông, lạnh dưới trăm độ âm. Trời trắng nhạt, mây xuống thấp như tan vào đất. Bên ngoài, tuyết lác rắc rơi. Mặt đất trơn, đông cứng thành loại nham thạch trắng ngần. Xa xa, tiếng gió gào thê thiết trên không. Tới gần, nghe như tiếng kêu rên cùng đất. Quanh nhà, tuyết ùn thành đống, giống cảnh núi non hiểm trở. Mấy tháng cuối, bão tới tấp. Những ngọn gió Williwaws trên cao phà xuống từng hơi lạnh cóng.

Tuần nghỉ, gặp thời tiết xấu, anh nằm nhà xem phim. Những câu truyện hài khiến anh cười bò, quay sang thấy mặt vợ dầu dàu. Hối, bị

vợ gắt. "Cười gì nữa? Tôi đã xem cả trăm lần rồi." Anh ngưng bắt hứa, đợi ngót bão sẽ đi Fairbanks chơi. James rủ, nên xem hội Yukon Quest. Đó là cuộc thi chó kéo xe từ Fairbanks dọc theo sông Yukon đến thành phố Whitehorse. Đoạn đường dài một ngàn dặm. Giải thưởng là năm mươi ngàn dollars. Chính quyền địa phương và giới chủ nhân cũng tổ chức nhiều trò vui để giữ chân mọi người. Khi tới Fairbanks, cuộc thi đã bắt đầu từ sớm. Đám đông tản dần, chỉ còn tiếng nhạc om sòm, ròi rạc. James chạy dọc theo sông Yukon. Lòng sông nhiều khúc đóng băng, liền như mặt đất. Cách sông không xa, thấy có làng North Pole. Giữa làng là tượng ông già Noel mặt mày tróc sơn, lưng dài chân ngắn, vác cái túi rỗng bị gió đánh phàn phật sau lưng. Vợ ngắm nghía hồi lâu thở dài, "Hồi nhỏ tôi cứ trông Santa Clause tốt bụng đem quà tới tặng. Giờ mới thấy, ông còn tội hơn mấy trẻ nghèo." Tháng tư dứt bão. Sang tháng năm mặt trời mới mọc nhưng trông như sắp lặn. Nắng vàng nhạt, héo úa, nhẹ và loãng trong mây. Đêm ngắn dần. Nhiều nơi tuyết bắt đầu tan. Đất loáng nước nhìn xa như mặt hồ cạn. Vài nơi đất xốp, nhão như lớp bùn, bên dưới vẫn chưa tan hết đá. Tới tháng sáu, mặt trời rực rỡ chiếu xiên. Nắng có màu hoàng hỏa, buồn như buổi chiều tà. Nhiều loại cây cỏ bắt đầu mọc. Nhanh nhất là loại rêu Caribou, trắng ngà, xốp và nhẹ như miếng xà phòng. Xen giữa là loại cỏ tai hùm, lá tròn như tai gấu. Tháng bảy là mùa hoa nở. Toàn loại hoa thân lùn, nhiều nhất là Tundra, cánh mỏng và nhẵn, màu đỏ chóa. Có loại vàng tươi như Poppy, hồng tím như Dwarf Rhododendron. Mùa xuân, mùa đi săn. Những đàn bò rừng, hươu, nai, nhím, thỏ từ rừng taiga kéo ra kiếm mồi. Trên trời, từng đàn ngỗng, le le, chim biển cũng kéo về xây tổ, đẻ con. Anh chợt nhớ, phải săn thêm cáo để

đủ may áo ấm cho vợ. Rủ James, hấn cưỡi ngựa. Muộn rồi, mùa xuân tuyết tan. Cáo rụng lông, thay bằng lớp màu xám. Hấn lấy xe truck chở anh đi khắp cánh đồng. Có những miệng hang phủ cỏ, trên dính nhiều sợi lông trắng như bông. James an ủi, hãy đợi mùa tới. Vả, giờ đang mùa sinh sản. Đám cáo mới đẻ vừa mù vừa điếc, nên cáo lớn cũng ít ra ngoài.

Xe dừng trên ngọn đồi cao. Bên dưới, một đàn bò rừng đông cả ngàn con thảo nhiên gặm rêu. Thân nâu sẫm, đầu to đít teo, lưng rậm lông như khoác một chiếc áo tời, chúng đứng lẫn trong màu của đất.

James nói, ăn cá hoài ngán, chừng về sẽ hạ một con. Vừa dứt lời, đột nhiên cả đàn rừng rừng bỏ chạy. Anh đứng dậy, che mắt nhìn.

Một lũ sói dăm bảy con, đang hung hăng xông xáo giữa bầy bò.

Chúng kéo đến đâu, lũ bò giạt ra đến đấy. Mất bò rừng mờ, mới chạy vài bước không thấy bóng sói thì đã đứng lại. Chừng chút sau, chúng dí một con chậm chân tách khỏi bầy. Một con sói đầu đàn hung hãn phóng thật nhanh, vừa vượt qua đầu, nhanh như cắt, chồm lên ngoạm cứng mũi bò. Con bò rống lên, giọng khản đục thảm thiết. Nó vừa chạy, vừa lắc mạnh đầu để vắt sói ra. Nhưng sói bầu chặt lắm.

Phút chốc, mũi bò tứa máu, đuôi sức chạy chậm lại. Một con khác phóng theo, nhe răng nhọn hoắc táp phập vào cẳng sau. Con bò lết thêm vài bước rồi quỵ hẳn, đàn sói xông vào cắn xé. Sức bò chống trả yếu dần. Anh bắt nhẩn, giơ súng nhắm ngay lũ sói. Tức thì, James đưa tay đề mũi súng. Hấn nói, "Con người chết vì bệnh, con bò chết vì sói. Đó là số phận của mỗi loài. Cứu ngày nay, không cứu được ngày mai, phải không?" Anh hạ súng, không bắn. Nhưng suốt buổi cũng không cho hấn nổ một phát súng nào.

Chiều về, bắt gặp trên vạt cỏ non, một con reindeer, sừng bị sơn đỏ

hoét. James giải thích, đó là thú hoang đã bị thuộc đàn, có người chặn giữ. Hấn cười nhạo, "Mày muốn cứu bò, thì đi chặn bò là tốt nhất." Ngưng một chút, hấn nheo mắt, "Thật ra, chính thằng chặn ăn thịt nhiều hơn sói và thợ săn cộng lại." Anh làm thinh, trong lòng bỗng dưng ghét nụ cười của hấn.

Tối về, kể mọi chuyện. Vợ nghe xong bảo, anh chỉ ghét những gì trái ý thôi, không phải hấn. Rồi xoay sang chuyện khác. "Đốt sưởi quanh năm, đến nổi giờ thấy ngọn lửa là tôi nổi nóng." Xong lại hỏi, "Bao giờ mình về nhà?" Anh ngạc nhiên, "Đây không phải nhà mình sao?" Vợ tức tối, đâm thùm thụp vào lưng anh, khóc. "Thì ra, anh không tính trở về." Anh kéo vợ vào lòng, dỗ. "Ráng một thời gian. Ai chịu đựng giỏi một thứ gì, thì sẽ khá hơn người khác." Nghe vậy, vợ im bặt, rồi lôi anh chạy băng ra sân, chỉ về hướng làng "kimos". "Coi, tới đó coi. Họ chịu đựng cả mấy ngàn năm, mà có ai khá đâu." Anh chưng hửng, đi một hơi qua nhà James.

Sáng dậy, thấy còn buồn, anh khoác áo lửng thưởng dạo đồng. Dải đất mênh mông, cỏ lúa thưa, trông xa chân trời vắt cong và nghiêng một mé. Anh bỏ chỗ bằng nhảy lên mồm đất. Tiếng chuột bọ, thỏ rừng kêu sột soạt dưới chân. Rồi ngồi xổm, ngóng mình vào vũng nước, suy nghĩ. Tối xế, trời trở lạnh, anh đứng dậy. Băng ngô tắt, thấy xác một con sói cứng đờ giữa đồng, bụng lép kẹp. Lật lên xem, không thấy thương tích. Anh chợt dạ, không lẽ sói Bắc Cực cũng chết vì lạnh. Mãi vẫn vợ, về tới nhà cũng chưa nghĩ ra một câu nào nghe ngọt.

Thấy anh về, vợ vắt cuốn sách, vụt ôm chầm rồi rơi nước mắt. Vợ nói, hỏi James, hấn bảo anh ra ngoài cả ngày lại không mang súng, đâm sọt ruột. Cảm động, nhưng lúng túng không nói được gì, anh

ngượng ngịu vuốt từng lọn tóc mềm của vợ. Hồi lâu, chợt thấy cuốn sách bị quăng góc nhà, anh hỏi cầu hòa. "Đang xem cuốn gì vậy?" Vợ đáp, "Normandy, ngày dài nhất." Rồi lượm sách cất, "Mượn bên James lâu rồi. Mở ra, nhưng có đọc được chữ nào đâu." Anh cười, "Đọc đi, truyện này hay lắm." Vợ nhăn mũi, vờ chê "Chỉ cái tựa, cũng biết tác giả nói xàm." Xong, đùa như thật. "Ngày hôm nay mới là ngày dài nhất đó." Anh cụng trán vợ, gương mặt trắng mịn chợt tối sầm. Nhìn trong mắt, hình như trăng sao cũng tắt.

Thoáng đó, mùa xuân qua rất mau. Mới hôm trước cỏ còn xanh, hôm sau đã ngả màu đồng lục. Có những nụ hoa chưa nở đã tàn vì sương giá. Buổi chiều, trời không một vẩn mây, xanh và cao vợi vợi. Ba người ngồi ngắm từng đàn chim vỗ cánh xuôi nam. Thấy một loại lông trắng, mỏ dài, mình thon như hạc, đuổi bay rất đẹp. James chỉ, đó là chim Arctic terns, loài bay xa nhất. Chúng di chuyển giữa hai đầu quả đất. Mùa xuân lên bắc, đông về lại xuôi nam. Anh ngạc nhiên, "Bay xa vậy chẳng lẽ chúng không tìm ra nơi nào khác để sống ử" James lắc đầu. Vợ ngắm chim bùi ngùi, "Chúng tôi cũng giống loài di điều, đi khắp nơi vẫn chưa thấy đâu là nhà."

Suốt ngày James cứ chặc lưỡi than, sao đông năm nay đến sớm. Nhưng tuyết mới vài bữa, đã thấy hấn huyết sáo ngoài sân đắp hình người tuyết. Vợ anh ra xem, nhìn hoài cũng không thấy giống snowman. Hấn đặc chí khoe, đây chính là người đàn bà chờ chồng trong truyện cổ Việt Nam. Thì ra, hấn thích Nàng Tô Thị. Chị cười, phụ hấn cào thêm tuyết. Lúc gần xong, như sực nhớ ra, hấn ngẩng đầu. "Ừ, tôi quên hỏi, sau đó người chồng ra sao?" Chị ngó người hồi lâu, "Không biết nữa. Có thể người chồng lại lấy vợ sinh con. Chuyện thường tình, nên không ai nhắc tới." Nghe vậy, tự nhiên

James đứng lên, lượm xẻng bỏ vào nhà.

Một tuần sau, có máy bay bỏ thư Cả hăng mừng như ong vỡ tổ. Thư mấy tháng dồn đọc một ngày. Anh cũng chui một góc, cẩn thận gỡ những bì thư bốn cạnh có những dấu gạch xiên màu xanh đỏ.

Những lá thư kêu cứu từ bên nhà giờ mới tới. Nhìn nét chữ nguệch ngoạc, anh thấy ra cả chốn quê xưa. Thư viết, mùa lũ về ngập trắng cánh đồng. Bao ruộng vườn nhà cửa đều trôi theo dòng nước. Gấp giấy lại, anh nghe như có tiếng người lạc giọng gọi nhau. Anh bỏ việc ra về. Đôi chân nặng như ai chôn vào đất.

Vừa về tới liền kêu vợ ra bàn. Chưa nghe hết vợ đã giật mình giấy nẩy. Dem tiền cho nhiều như vậy, biết bao giờ mình trở về được. Lại phải đợi năm sau. Mà chắc gì năm sau yên ổn? Cả đêm vợ trèm mền, vừa khóc, vừa kể. "Bão lụt xứ nào cũng ập vào tôi."

Một buổi trưa, vợ anh ngồi ngắm mấy dây sào treo cá trống trơn, vẻ buồn xọ James đi ngang, thấy vậy dừng lại hỏi. Không biết giải thích sao cho hán hiểu, hồi lâu mới than. "Bắc Băng Dương không có nước, vậy mà tôi cứ thấy tròn trĩnh như người đi biển." Nói xong, lại ngó lên trời. "Bây giờ, chỉ ước được thấy mặt trời ở ngay đỉnh đầu, và thêm nhìn màu xanh cây cỏ?" James thở dài. Lần đầu tiên nghe hán than, "Còn tôi ngược lại, bị mất thăng bằng đã quen. Giống như người đi biển lâu ngày, giờ lên bờ chỉ e say đất." Và, cười rất hiền, "Có thể khi thấy mọi người đứng vững thì tôi lại té." Rồi ngập ngừng hỏi, "Nếu trở về, không biết bà chịu giúp tôi không?"

Sau mấy tuần tuyết rơi, mặt đất trắng màu băng giá. Anh gom mớ bầy cũ ra ngoài. Theo kinh nghiệm, giờ là lúc lũ cáo xông ra kiếm mồi. Chợt nhớ lại lần đầu theo James đi săn, trong bụng hồi hộp lạ. Cứ tưởng sau mỗi ụ tuyết, những con thú đang ghì mắt rình mình.

Cái khó bây giờ không phải việc săn bắt mà là thuyết phục sao cho vợ chịu ở xứ này. Anh nhúu mày, thở ra. Đàn bà thích ngọt, lại dễ xiêu lòng. Gắng ít lâu, anh sẽ may cho vợ một bộ áo quý, đẹp, và ấm nhất. Chắc vợ cảm động lắm.

Tuần sau, anh ngạc nhiên khi thăm bầy. Hầu như cái nào cũng có cáo. Lông chúng óng ánh, đẹp hơn màu của tuyết. Anh mừng rỡ, chất xác cáo lên sled rồi vội về nhà. Không may, xe trượt qua lớp băng mỏng, một càn sled bị sụp xuống cái hố đất. Anh bỏ chiếc skimobiles, xuống khiêng chiếc sled lên. Khi đẩy xe qua, anh trông rõ bên dưới. Đó là một cái hang nhỏ. Anh lom lom nhìn vào. Một đám cáo con cũng đang lằng xằng muốn xông ra cửa. Có con vừa thấy anh đã vụt trở vào. Hình như không có cáo lớn trong hang.

Trên đường về, anh cố gắng xua hình ảnh bầy cáo nhỏ đang chờ đợi. Và tự trấn an, chắc chắn cha mẹ chúng không có trong đám ở trên xe. Cái hang cáo hơi xa chỗ anh đặt bẫy. Về tới nhà, không thấy vợ. Chạy qua bên James, cửa đóng kín. Trên có gắn một miếng giấy đề tên anh. Ngạc nhiên, mở ra xem, trong vồn vện có mấy chữ.

"Chúng tôi chân thành xin lỗi." Phía dưới đề: "James Barrett và Di Nguyen."

Khi anh trở về, cái nhà hôm nay lạ hoắc. Trong lò, củi vẫn còn âm ỉ. Đầu choáng váng như bị va vào đá, anh ngồi bệt xuống thảm, chân tay rã rời. Lát sau, mới với dậy cời tro Ngọn lửa bùng sáng. Anh nhìn củi cháy, tâm trí hoang mang. Những hình ảnh rời rạc của quá khứ chợt quay về. Nhiều đoạn chập vào nhau, có đoạn vừa thoáng qua đã tắt ngúm. Tim nhói từng cơn, mắt cay sè. Anh với tay lấy chai rượu, nốc từng ngụm. Có rượu, mọi ý nghĩ bắt đầu trơn tuột. Những kỷ niệm nằm sâu trong tiềm thức vụt sống dậy. Trong đó Di vui tươi,

hoạt bát và sống động giữa đám bạn bè. Chỉ khi lên đây Di thụ động và ưả bản gấ.

Qúa nửa khuya, rượu cạn, lửa cũng tàn. Anh ném bừa chiếc vỏ chai, rồi nhòai người xuống thẳm. Trong cơn say, anh thấy mình nhẹ hẫng, bồng bênh lơ lửng trên mây. Khi nhìn xuống, mọi vật bên dưới đã chìm trong tuyết. Đang chăm chú tìm, thình lình tuyết bỗng tan. Rồi nước dâng, nhà cửa, người vật đều trôi theo cơn lũ. Chợt nghe vắng vắng có tiếng người ơ ơ gọi nhau. Anh ngoái đầu nhìn lại. Một con hải âu dính đầy dầu đang lóp ngóp lội theo, đôi mắt nó buồn thiu, như thể không bao giờ còn quay về biển.

Tập truyện "Bức Phù Diêu Khắc Cạn"

Nguyễn Thị Thảo An

Hết

Nguyễn Thị Thảo An

Mũi Lao

Ngôi trường trung tiểu học nằm cuối con đường Thiệu Trị, cạnh đó là bến đò Lê Quang Liêm, ngã sông rẽ vào Rạch Ông Buông, chảy thông ra Phú Lâm. Nhờ gần sông rạch, sau lưng trường có một cái ao cạn bỏ hoang.

Năm 76, hưởng ứng phong trào "trồng cây nhớ bác", bà Hiệu Trường vận động toàn thể giáo viên học sinh xuống ao vét bùn đắp thành bờ đê xung quanh. Sau ba ngày thi công, cái ao cạn thành ao cá Bác Hồ. Vườn cây là bốn bờ đê trồng bốn mươi cây Mãng Cầu Xiêm, loại cây ghép giống Bình Bát mới phổ biến, chỉ ba năm đã có trái.

Thành tích này đã biến ngôi trường trung tiểu học nhỏ hẻo lánh trở thành một ngôi trường tiên tiến nhất thành phố. Ngoài việc bận rộn tiếp đón các phóng viên báo chí đến chụp hình, phỏng vấn, ban Giám Hiệu còn đôn đốc tất cả mọi người lúc nào cũng phải đặt mình trong vị trí khuôn mẫu, vì bất chợt có thể có các đơn vị trường bạn đến học tập gương tiên tiến điển hình mà trường đạt được.

Thời gian sau, những đợt thăm viếng ngớt dần. Các trường bạn vẫn không sao học tập được tấm gương trồng cây nuôi cá. Đối với những trường trong quận huyện nội thành, kiếm một miếng đất đen trồng cây lấy bóng mát cho trẻ chơi đã khó, còn nói chi đến chuyện đào ao lập vườn.

Không có ai phá thành tích lao động kể trên, nên trường nghiêm nhiên đoạt danh hiệu tiên tiến nhất thành phố trong năm năm liền. Tập thể giáo viên mừng thầm, chỉ một lần bỏ công, mà năm nào trường cũng về nhất.

Qua năm thứ sáu, ban Giám Hiệu bắt đầu cảm thấy lúng túng khi làm bản báo cáo thành tích hàng năm. Thầy Mang, trước là Hiệu Phó,

nay mới được đề cử thay bà Hiệu Trưởng vừa lên Ban Giáo Dục nhậm chức Phó Ban, không lý do gì lấy thành tích cũ làm của mình. Hơn nữa, không thể báo cáo mãi cái thành tích đến lần thứ sáu. Thầy tính nẫu người. Mấy hôm thăm ao, bùn đóng đáy rất dày làm cá rô phi sinh sản kém, giờ cũng nên tính chuyện vét ao. Nhưng mới nói dè, phía nữ đã phản đối kịch liệt. Phải có một thành tích mới. Dự án thì không thiếu. Cái khó chính là chỗ vận động con người khi họ cố lách mình ra khỏi các cuộc thi đua. Sức mạnh của phong trào thi đua giống như một cơn lốc. Trong đó, mọi vật toát ra một hấp lực tác động lẫn nhau, cái nọ đẩy cái kia để sau đó tất cả cùng bốc lên trời. Cuối cùng ban Giám Hiệu nghiệm ra rằng, họ không thể nào ngưng đạt danh hiệu tiên tiến. Vì mất, có nghĩa là cả tập thể giáo viên tụt hậu. Dù có viện lý do gì, cũng sẽ không được Ban chấp nhận. Vì chính Ban cũng không thể giải thích trên cấp Thành, họ không giữ được số trường tiên tiến do Ban quản lý. Cũng cùng một mối ưu tư như thế, cấp Thành nhắc nhở Quận trước mùa báo cáo tổng kết cuối năm. Và Ban Giáo Dục Quận lại chạy xuống trường đôn đốc, động viên.

* * *

Thầy Mang thả người trên chiếc ghế bành, thở phào. Cuối cùng, mọi việc hoàn tất như dự định. Bản tổng kết thành tích toàn trường dày mười lăm trang đánh máy. Mỗi trang là một thành tích của mỗi khối, nói lên sự nỗ lực của tập thể thầy trò trong cả năm. Quan trọng nhất là cách viết. Đôi khi cùng một sự kiện, mỗi người viết một cách. Người viết ví như người đầu bếp, tuy cùng dùng những vật liệu mà mỗi bát phở có những hương vị khác nhau. Với ngòi bút linh động, giọng văn hùng hồn, và lối diễn giải sinh động,

thầy đã trở thành thời nam châm thu hút sự thán phục của gần ngàn cử tọa. Những buổi xét duyệt, bình bầu đơn vị xuất sắc của Đại Hội toàn ngành cấp quận, cấp thành đều thông qua nhanh chóng. Một lần nữa, trường trung tiểu học P.Đ. đạt được danh hiệu xuất sắc toàn thành lần thứ sáu. Thêm một phần thưởng khác, thầy được bình tuyển là Chiến Sĩ Thi Đua xuất sắc của thành phố. Sự bất ngờ này đã làm thầy lúng túng khi lên nhận cờ và bằng khen. Lẽ ra, phải nói một lời gì đó để cảm ơn và hứa hẹn, thầy lại lập cập không ra lời. Khi bước xuống khán đài, tiếng vỗ tay còn chưa ngớt. Âm thanh cứ bay bổng lên cao. Thầy lướt qua những hàng ghế, tay vẫy cao cờ hiệu. Những ánh mắt, những nụ cười rạng rỡ ngó theo.

Giữa rừng người hớn hờ , thầy dễ dàng nhận ra đơn vị mình. Sắc mặt họ nghiêm và hơi tái. Thầy cũng tắt nụ cười, ngồi cạnh họ. Tất cả chuyển tay nhau ngắm nghía lá cờ hiệu. Không ai nói với ai câu nào. Họ chỉ nhìn nhau, ái ngại.

* * *

Hơn mười giờ sáng. Anh Hai, nhân viên hành chánh lững thững tới trường. Giờ học, sân trường vắng vẻ. Máy con chim se sẻ vừa sà xuống sân, nghe động vụt bay lên. Anh dựng xe đạp sát bờ tường. Lục trong túi vải một bức thư khấn trên Ban Giáo Dục Quận gửi, anh có lý do tới trễ.

Ban Giám Hiệu vắng mặt. Người tiếp thư là ông Miên, thư ký hành chánh thâm niên. Ông nhắc cặp kiếng, đọc đi đọc lại lá thư nhiều lần. Khi ông nhìn lên, đôi mắt thẳng thốt, lo âu.

" Chết cha rồi. Vậy là tiêu." Ông rên rỉ, " Ông Mang đâu?"

Một nhóm giáo viên trẻ đang rì rầm trò chuyện ở cuối phòng, ngạc

nhiên đưa mắt nhìn.

Ông Miên giải thích, " Ban Giáo Dục thông báo, ngày mốt trên Sở xuống tham quan trường mình. Trời ơi, vậy là... chết."

" Không sao đâu," Thầy Huy trấn an, " Họ xuống mấy lần rồi mà"

" Thì cứ cho họ coi ao cá, rồi tặng mặng cầu như năm rồi." Một anh giáo viên thể dục tiếp lời.

Ông Miên xua tay:

" Lần này khác. Năm nay trường mình đạt danh hiệu tiên tiến toàn thành lần thứ sáu. Ngoài điểm vượt chỉ tiêu dạy và học ra, nổi bật nhất là thành tích lao động. Vụ ao cá xưa rồi. Kỳ này, nhờ ông Mang báo cáo trường mình thành công trong việc nuôi bò nên mới đạt tiên tiến. Từ một con bò mẹ, bây giờ mới đẻ ra một con bò con." Đoạn, ông hạ thấp giọng, " Chủ yếu là họ đến cốt để xem bò."

Mười cặp mắt tròn xoe, đổ dồn nhìn ông:

" Ủa, bò ở đâu?"

" Trường mình có bò à?" Cả nhóm ngơ ngác hỏi.

Ông Miên nhăn mặt, gãi đầu, che vế thẹn như chính ông nói dối:

" Làm gì có," rồi ngập ngừng, " Ông Mang kệt... nên báo cáo vậy thôi. Đâu ai ngờ, họ đòi xuống coi gấp như vậy."

Chỉ mười phút sau cả tập thể gần sáu mươi giáo viên đều biết tin. Sự lo âu lan truyền như cơn sốt. Họ kéo nhau đến trước văn phòng bàn tán, hỏi thăm. Một vài người phàn nàn:

" Ông Mang thật vẽ chuyện, không đạt tiên tiến thì thôi. Vẽ bò, vẽ ngựa làm chi... Rõ khổ."

Thầy Giang, giáo viên già nhất trường chép miệng, thở dài:

" Phóng lao thì phải theo lao. Ngưng thi đua, mà được à. Không khéo họ sẽ đến sấm soi coi mình tụt hậu ở chỗ nào còn phiền hơn nữa."

Ông neho mắt nhìn mọi người dấn dò, " Ông Mang cũng vì tập thể thôi. Chốc nữa, các anh chị đừng ai trách gì ông ấy nhé."

Mọi người làm thinh. Sự im lặng mặc nhiên đồng tình với thầy Giang. Sau cùng, một giọng trầm ấm cất lên phá tan sự yên lặng:

" Vấn đề là làm thế nào nội ngày mai bò vẽ phải trở thành... bò thật."

Mọi người nhìn nhau, lo âu. Mấy chục bộ óc cùng suy nghĩ một đầu đề hóc búa như đề thi đại học. Không khí trong phòng chiu nặng.

Thầy Dũng, chua chát pha trò:

" Cũng còn may, ông chỉ vẽ con bò... nếu vẽ voi còn khổ nữa.

Cuối cùng, tập thể giáo viên đều nhận ra sự đề cử thầy Mang vào chức vụ Hiệu trưởng thật xứng đáng. Ngoài những tiêu chuẩn cần thiết, ông còn có khả năng ứng phó nhạy bén với mọi tình huống khó khăn bất ngờ.

Khác với mọi người, khi nhận được tin trên, ông thờ người suy nghĩ.

Chỉ lát sau, ông bật dậy, nhanh nhẹn phân công: anh Khẩu, anh Nhơn, hai nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm đóng chuồng; cô Bình, cô Dung, thầy Vĩnh, và những người sống gần vùng Bình Chánh, Rạch Kiên lãnh phần dò hỏi mượn hoặc thuê bò tạm thời trong mấy ngày; một vài người kiểm rơm, số khác cắt cỏ; đại đa số còn lại chuẩn bị kêu gọi học trò tổng vệ sinh trường lòu và chuẩn bị những phần chuyên môn học tập.

Ngay sau đó, một khoảnh sân được quét dọn sạch sẽ. Hôm sau, hai anh bảo vệ đã lo cửa cây, đóng chuồng. Đến xế, anh Khẩu trải rơm và để một thúng cỏ tươi. Việc lùng kiếm bò vẫn chưa tới đâu.

Giờ chơi, học trò túa ra ngắm cái chuồng bò trống không.

Tối đó, anh Khẩu tới phiên trực. Anh ngồi vắt vẻo trên thành chuồng, ca ư ử mấy câu vọng cổ. Bên trong, thúng cỏ vẫn còn nguyên.

* * *

Tờ mờ sáng hôm sau, cô Bình chở một con bê non tới trường. Một giờ sau, thầy Vĩnh khó nhọc lắm mới lôi được con bò mẹ qua cổng. Mọi người nhìn vào chuồng, lắc đầu. Hai mẹ con không giống nhau. Chín giờ, phái đoàn thanh tra của Sở đến. Ngoài họ, còn có hai phóng viên của tờ báo thành phố đi kèm. Ban tiếp tân ra đón ngoài cổng là những giáo viên trẻ trong những chiếc áo dài đẹp mắt.

Sau khi nghe Ban Giám Hiệu báo cáo những thành tích dạy và học, những dự án phát triển trường lớp... phái đoàn được đưa đến tham dự giờ dạy điển hình của cô Khánh, giáo viên giỏi của trường.

Mười giờ mười lăm, tiết thể dục giữa giờ. Thầy Dũng đánh trống giữ nhịp. Học trò xếp hàng ra sân, hàng trăm đứa như một, rậm rập làm động tác theo nhịp trống.

Đám học trò rất ngoan, những khi có khách lạ chúng cũng giữ ý, không nô đùa thái quá và tránh xa khu văn phòng.

Phái đoàn Sở tấm tắc khen. Ban Giám Hiệu mỉm cười hạnh diện.

Sau giờ chơi, phái đoàn được hướng dẫn đi thăm trường sở. Cuối cùng họ dừng lại trước chuồng bò.

Quả, bên trong có hai con bò thật. Con mẹ màu cát vàng, mang cục bướu gồ ghề trên lưng đang đủng đỉnh nhai cỏ. Bò con là một chú bê lang trắng đen, nhỏ như một con dê đứng run rẩy trong một góc chuồng.

Mọi người đứng quanh vòng rào ngắm hai mẹ con con bò. Nhiều người buột miệng hỏi:

"Lạ, mẹ vàng sao lại đẻ con lang trắng đen, hay nhỉ?"

"Ờ,... nó giống cha. Bố nó là loại bò tây lang trắng đen." Cô Bình mau mắn đáp.

"Ồ! Giống cha là may đấy, giống này là loại cho sữa nhiều nhất, không giống nào bằng." Anh phóng viên ra vẻ sành sỏi "Sau này, trường tha hồ uống sữa tươi, ngày vắt được hai lần đấy."

Vài người trong đoàn bước hẳn vào trong, đưa tay sờ con bê.

"Này, hình như nó hơi nhỏ con, phải không?" Một người ngắm nghía, chặc lưỡi tiếc rẻ.

"Ừ, trông nó yếu quá nhỉ?" Một người khác đồng tình.

Có anh túm một nhúm cỏ tươi dí trước mặt nó. Con bê chớp mắt quay đầu đi chỗ khác, chốc chốc nó lại đưa lưỡi liếm mép liên hồi.

"Hình như nó thèm sữa."

Một anh trong đoàn cố đẩy con bê tới gần con mẹ. Nhưng nó trì chân lại, không muốn đi. Một người khác nhảy vào chuồng giúp. Một anh bế con bê tới sát bụng con mẹ. Anh kia thò tay nâng vú cho bê con dễ bú. Bỗng, bò mẹ quấy đuôi, rùng rít, kêu "bòo..." rồi ngoe nguẩy bỏ đi.

Ông trưởng đoàn quay qua hỏi ông Mang:

"Hôm Đại Hội, anh bảo nó được bốn hay năm tháng rồi, tôi quên mất."

Ông Mang lúng búng giải thích:

"Bốn,... bốn tháng thôi. Con bê hơi nhỏ vì đẻ muộn đấy." Ông nhìn mọi người phân bua "Nhưng không sao, có chế độ nuôi dưỡng tốt thì nó cũng chóng lớn thôi."

Mọi người gật gù đồng ý.

Đứng lâu, ông trưởng đoàn mỏi chân, người bắt đầu tựa vào thành chuồng. Ông Mang cũng tỳ tay vào cây đà đóng ngang phía dưới.

Màu gỗ tươi lấm tấm rịn những lớp bụi bào mới cửa bắt đầu dính vào tay áo. Một hàng đầu đinh sáng màu chì cắm sâu vào thân gỗ. Ông

giặt mình, bụng rửa thắm anh Khẩu, anh Nhơn vô ý dùng toàn đồ mới.

Để tập trung sự chú ý của mọi người, ông bước ra sân cười giả lả. Ông đại diện tập thể, ngỏ ý cảm ơn sự quan tâm sâu xa của Sở Giáo Dục Thành và Ban qua cuộc thăm viếng. Sau hết, ông mời phái đoàn tham dự một bữa tiệc đặc biệt do trường chiêu đãi: cháo cá, cá được vớt từ ao của trường và măng cầu xiêm vừa mới hái.

Khi tiếng vỗ tay đã ngớt, mọi người vui vẻ khoác tay nhau lần lượt tiến về phía hội trường

Tiếng cười nói râm ran xa dần, cái chuồng bò đột nhiên trở trọi. Sau rào cửa, chỉ còn lại hai mẹ con bò nhìn nhau lạ lẫm.

Nguyễn Thị Thảo An

Nguyễn Thị Thảo An

Những dòng sông không chảy

Sequois là người da đỏ. Lần đầu, tôi gặp hắn trong nhóm bán dạo ở khu thương xá Portland, Oregon. Hắn mặc quần jeans bạc màu, lưng nhiều lỗ. Tóc dài, cột bằng sợi thun có kim tuyến. Họ trình diễn nhạc cổ truyền da đỏ trong một góc phố. Hắn thổi sáo. Ông sáo làm bằng nhánh cây hollow, đục sáu lỗ, có quấn dây dạ. Những người khác đánh trống. Loại trống tay, tròn dẹt có quai xách, hai mặt bịt bằng da

trâu rừng. Bên cạnh, một túi xách đựng toàn băng và đĩa. Tôi chăm chú nghe hồi lâu. Nhạc không hay. Âm thanh trầm và rền như bị dồn trong lòng núi. Vài người thấy lạ đứng lại xem, rồi bỏ đi. Không ai mua dù giá rẻ. Họ vẫn kiên nhẫn trình diễn. Động lòng, còn năm chục tôi đưa hết cho họ và lấy một băng nhạc. Đi được mười bước Sequois chạy theo, dúm cho mớ nữa. Tôi cười, lấy thêm một băng, rồi đi thẳng.

Đầu hè, sinh viên túa ra kiếm việc chờ khóa mới. Một thằng bạn Tàu tên Lee rủ tôi về Boise, phụ việc nhà hàng của cha nó. Nó hứa, lương cao việc nhàn, bao ăn ở, hai đứa có thời gian học thêm. Nghe bùi tai, tôi theo nó về Boise. Mới hai hôm, nó lặn mất. Thường nhật, nhà hàng bán hai bữa chính: trưa và tối. Nhưng công việc dưới bếp quần quật suốt mười hai tiếng mỗi ngày. Hết làm cá, nhồi bột lại băm hành, cay xé mắt. Chốc chốc, cha nó cứ chạy xuống góc chừng như canh kẻ trộm. Tôi hỏi, Lee đâu. Ông xua tay cự, làm việc đi, nó mắc học, không rảnh chơi với mày. Tôi cáu tiết, vung con dao to bản chặt phập vào thớt. Cử hành tây bị bửa đôi, lăn lông lốc. Quăng tạp dề, tôi đi một mạch ra cửa. Đằng sau, lão chủ xỉa xối theo bằng tiếng Tàu. Trên đường về phòng trọ, tôi tạt ngang thư viện. Trước sân, giữa lạch suối giả là pho tượng bán thân của đại văn hào Ernest Hemingway. Đầu tượng phủ đầy râu, mặt xanh lè. Lạch suối giả ngập lá khô, váng bọt. Tôi dừng lại ngắm ông. Đang ngắm nghĩ, không hiểu một người thành công và nổi tiếng vậy, sao lại tự tử? Bỗng phía sau, có người cất giọng chê bai, “Hm, ông ta viết *Old Man and the Sea* ca ngợi sự tranh đấu của con người trước thiên nhiên để sống còn hay lắm, nhưng chính mình thì lại tự tử.” Tôi quay lại, thì ra

Sequois. Hắn cũng nhận ra tôi. Chúng tôi chào lấy lệ rồi ra bãi đậu xe. Đó là lần thứ hai, tôi gặp hắn.

Hai tuần sau, ra bưu điện nhận thư Nga Cô bạn gái báo tin lấy chồng. Thư có kèm thiệp cưới. Chú rể là thằng bạn ra trường trước đây một năm. Trên đường về, xe bị xẹp bánh. Tôi điên tiết nhảy xuống chửi ồm tỏi. Và, đá chiếc xe tơi bời. Cái mâm bánh văng ra, lăn vùn vụt xuống dốc. Từ lề đường, một người chạy ra chụp lại. Đó là Sequois. Tôi không buồn chào, nhưng hắn tỏ vẻ hăm dọa giúp. Chúng tôi đẩy xe lên lề, rồi thay bánh. Vừa làm vừa trò chuyện, nó rủ tôi lên nông trại làm việc. Buồn tình, tôi ừ đại. Hắn gửi chiếc xe cà tàng của tôi cho tiệm quen gần đó, rồi chạy đi. Lát sau, trở lại đón tôi trên chiếc xe Jeep đời mới, cẩu cạch. Thật không ngờ, hắn khá vậy. Tôi chợt tiếc đã cho hắn năm chục đồng hôm trước.

Boise là thủ phủ Idaho Tiểu bang xứ lạnh, ít dân nên thành phố không lớn. Sequois ra xa lộ 95 lên hướng bắc. Ra khỏi thành phố, hai bên là nông trại. Vào hè, cây cỏ xanh um. Một vài căn nhà kho bằng gỗ đồ, mái dốc như kiểu nhà nguyện nằm trơ trọi giữa đồng. Xe chạy nhanh. Gió tạt hai má rất buốt. Những luống rau xanh vụt chạy giật lùi. Được một đổi, nông trại thưa dần. Xe lọt vào hẻm núi. Hai bên vách đá dựng đứng. Mặt trời chỉ rọi sáng lưng chừng đỉnh. Bên dưới, trời tối sầm. Phát hoảng, tôi hỏi còn bao xa Hắn bảo, độ bốn tiếng nữa. Bấy giờ, tôi đâm lợ Hắn tự xưng là người da đỏ, nhưng trông màu nâu sậm. Thân hình vạm vỡ, rắn như một thỏi đồng. Mũi cao, cằm bạnh, mắt nhìn mạnh và sáng. Tóc dài, vẫn cột bằng sợi thun như lần trước. Kiểu tóc hệt như mấy tay anh chị trong phim làm tôi chợt dạ. Muốn đổi ý quay về. nhưng sợ hắn chê, tôi gạ chuyện. “Hey, làm nông trại không khá đâu. Hay mình trở lại Boise kiếm việc

khác?”

Hắn lắc đầu, “Mày đừng lo Đây là nông trại nhà.”

Tôi ngạc nhiên, “Mày khá vậy, sao còn đi bán dạo?”

“Bán dạo?” Hắn trố mắt ngó tôi. Rồi gần giọng giải thích, “Đó là trình diễn.” Hắn hát hàm, kiêu hãnh, “Tụi tao đi chứng minh cho thiên hạ thấy, văn hóa da đỏ vẫn còn.” Không đợi tôi trả lời, hắn nói một lèo, “Đất này là của tụi tao. Tổ tiên người da đỏ đã sống ở đây mười hai ngàn năm trước Tây lịch. Và, tụi tao sẽ có mặt cho tới ngày tận thế.” Bất ngờ, hắn hỏi, “Mày thấy có thằng da trắng nào dám đứng nghe không?” Tôi chưa kịp nói gì, hắn đặc chí tiếp, “Tao đi nhiều nơi, chưa thấy thằng nào dám đứng coi, chứ đừng nói mua Mày là thằng ngoại quốc đầu tiên mua nhạc da đỏ, nên tao thích mày.”

Hú hồn, tôi không dám giải thích, hôm đó tôi mua vì thương hại họ bán ế. Sợ hắn nổi sùng, tôi cười nịnh.

“Tao xem Poncahontas cả chục lần, vẫn thấy thích. Phim hay Truyện tình ngang trái vì màu da, cảm động lắm.” Trong trí tôi hình dung cảnh họ vẽ cô gái da đỏ chân trần xoắn tóc, phóng như sóc lên mỏm đá cheo leo, cất tiếng hát lay động núi rừng.

Không ngờ, hắn sầm mặt. “Tổ tiên chúng tôi là những người thật thà lắm. Chết phác đến mức khờ dại.” Bỗng hắn hạ giọng, “Người da đỏ không ai muốn xem Poncahontas. Đó là một dấu ấn buồn.”

Tôi thắc mắc, “Họ không thích cô ta sao? Tao thấy, cô dễ thương lắm.”

Hắn lắc đầu, “Người trong phim là cô gái Phị Poncahontas thật đẹp hơn nhiều. Nhưng truyện tình đơn giản.” Hắn kể, “Năm 1606, chiếc thuyền John Smith gặp bão nên đổ bộ vào Virginia. Họ bị người da đỏ bắt. Lúc đó, Poncahontas mới mười hai tuổi, là con gái tù trưởng

Powhatan, đã xin ân xá cho John Smith. Tám năm sau, cô lập gia đình với thuyền trưởng khác là John Rolfe Họ sang Anh, và có một con. Ở London, người ta gọi cô là Lady Rebecca Poncahontas chết lúc mới hai mươi một tuổi, vì bệnh dịch.”

Xúc động, tôi chặc lưỡi, “Thật tội nghiệp.”

Sequois “hừ” bằng giọng mũi, “Chưa tội nghiệp bằng Powhatan. Mà có biết, sau khi kết thân với John Rolfe, họ đã giúp nhiều chiếc thuyền Châu Âu thực phẩm, thuốc lá. Về sau, đám di dân cày có súng, bắt người da đỏ có nhiệm vụ cống nạp thực phẩm. Sự phản uất bùng nổ vào năm 1622. Những người da trắng bị giết cùng một kiểu: mồm nhét đầy thực phẩm trộn đất. Ý nói, người da trắng tham lam muốn nuốt chửng đất đai của họ. Chiến tranh bắt đầu từ đó. Bộ lạc của họ chết gần hết.”

Tôi hỏi, “Bây giờ, người của Powhatan còn không?”

“Còn, nhưng ít lắm.” Hấn đáp. “Họ sống ở đặc khu Rancocas ở New Jersey”

Tôi bùi ngùi, an ủi. “Chính quyền giờ khác xưa. Họ cũng dành cho người da đỏ nhiều đặc quyền hơn những giống dân khác.”

Hấn chép miệng, thở dài. “Mày chỉ là khán giả, nên không thấy như kẻ đứng sau hậu trường.”

Tôi làm thinh. Mãi chuyện, xe vượt qua đường núi lúc nào không rõ. Bây giờ, trời quang hẳn. Xa lộ nằm dọc trên cao nguyên chạy về hướng bắc. Bên phải, thỉnh thoảng có nhiều hồ hoang đầy lau sậy. Xa xa đồi núi chập chùng. Một rừng rừng thông xanh rì che mờ chân núi. Bên trái, trên xa lộ nhìn xuống, một con sông hẹp, màu nước sáng như bạc. Bên kia bờ, nhiều dãy đồi trọc, trên váng lớp cỏ thưa. Càng lên bắc, đồi thoải dần rồi trở thành thung lũng.

Xế chiều, chúng tôi dừng lại đổ xăng. Tôi chạy qua quán kể mua hai phần ăn. Sequois chỉ uống nước, rồi ra ngoài. Ăn xong, tôi đi kiểm hẩn.

Tôi thấy Sequois ngồi nghiêm trên phiến đá sau quán. Mặt tư lự ngắm mặt trời dần ngả về tây. Vạn vật chìm ngập trong màu nắng vàng hực tỏa khắp núi đồi. Hồi lâu, tôi ngạc nhiên nhận ra, dường như nắng ở đây vàng hơn nơi khác. Hỏi Sequois, hẩn trở tay xuống thung lũng: bên dưới một biển lúa rập rờn như sóng. “Màu vàng từ lúa hất lên, không phải trên trời dội xuống.” Tôi nhìn xuống. Đất trũng như lòng chảo. Chắc phải qua cả triệu năm, mưa bão mới cuốn trôi đất từ những rặng núi đá bên kia để hình thành thung lũng này.

Tôi hỏi, “Nông trại mà đất tốt như vậy không?”.

Mắt nhìn xuống cánh đồng lúa, hẩn đáp bằng giọng “Không, cần lắm.”

Tôi tài lanh, chỉ vẽ: “Hey, sao mà không bán đất xấu, xuống kia mua tốt hơn?”

Hẩn lừ mắt nhìn tôi một hồi. Rồi phúi đít đứng dậy, bảo. “Hơn trăm năm trước, lãnh địa này là của tụi tao. Thung lũng Wallowa là căn nhà của người da đỏ. Bộ lạc mười mấy ngàn người, trải sống khắp thung lũng và vùng giữa lưu vực hai sông Salmon và Snake. Đánh cá và chăn nuôi là nghề chính. Đến năm 1877, người da trắng lùa chúng tôi lên ở Lapwai. Giờ là khu tự trị Nez Percé.” Hẩn đắm chiều nhìn xuống bên dưới. “Mười mấy ngàn năm, bao nhiêu hài cốt tổ tiên, di sản thiêng liêng chôn dưới cánh đồng này.” Rồi thở dài, “Bây giờ là nơi người ta đào xới.”

Tôi chợt nhớ trong sử viết, người Pháp đầu tiên gặp bộ lạc Numipu, thấy nhiều người xỏ mũi bằng răng cá hay đeo khoen vỏ sò nên gọi họ là Nez Percé. Tôi lom lom nhìn mũi hẩn. Chắc đoán được, hẩn

đập vai tôi đau điếng. “Bây giờ đồ mày kiếm ra người Nez nào xỏ mũi.”

Chúng tôi về tới đặc khu Nez Percé lúc trời chập tối. Khu nằm trên cao nguyên, lọt giữa vùng rừng già và núi cổ. Phía đông, giòng Clearwater trên ngàn chảy ngang. Qua chiếc cầu gỗ, xe chui dưới nhiều lớp cổng chào khắc những hình thù quái dị. Nhà cửa cất dọc ven sông. Kiểu đơn giản. Đa số ghép bằng cây lodgepines, loại thông thân thẳng và nhẵn. Có căn vách tô đất, mái lợp bằng cỏ đuôi chồn. Đó đây vài chiếc lều vải bạc dựng trước nhà.

Sequois lái chậm lại khi rẽ vào trong. Nhiều người chạy ra, vẫy chào. Hình như hân quen với tất cả mọi người. Xe ngừng lại trước một căn nhà gỗ hai gian, sau hè có cầu thang lên tầng trên. Trước nhà treo nhiều bộ sừng thú. Lớn nhất là đầu con nai già, sừng cao cả thước, có nhiều nhánh chẻ. Cạnh bên, bộ sừng moose, thấp và bè. Kế là đầu trâu rừng có sừng cong vút, sừng sơn dương úp ngược như lợn tóc con gái. Tôi ngạc nhiên sao họ trưng đồ quý ở ngoài, không sợ mất. Sau này mới hiểu, đó là cách người da đỏ khoe chiến công. Không ai thấy vinh dự khi lấy cắp thành tích người khác.

Bên trong, nhà sạch và đơn giản. Một chiếc bàn viết kê sát vách, kệ kệ sách. Chính giữa trải một tấm da gấu đen mượt. Chung quanh, những chiếc gối màu mè dựng ngay ngắn. Ống điều, tủ thuốc xếp gọn trong góc nhà. Trên vách treo một tấm tranh, cảnh một gia đình da đỏ quây quần bên bếp lửa. Tôi để ý không thấy điện thoại, ti vi hay máy điện toán. Nghe đồn, người da đỏ từ chối những tiện nghi văn minh. Họ sống biệt lập, quay lưng với thế giới bên ngoài. Nhà vắng. Sequois bảo tôi ngồi chờ, hân đi kiếm ông Chief xin phép.

Tôi lo lắng, lỡ ông không đồng ý thì sao. Hấn nhếch môi cười, ông Chief tức Tù Trưởng, là bác ruột, cha nuôi, và cũng là chủ nhà này. Hấn quẳng túi đồ của tôi xuống đất, chỉ tay lên trần nhà, nói. “Phòng này trên lầu. Lên coi đi” Tôi chưa kịp hỏi thêm, hấn đã phóng ra xe, đông mắt.

Căn phòng hấn chỉ bề bộn như một cái kho Sà nhà chất đầy những đồ vật đan thêu bằng những hạt chuỗi sặc sỡ như rổ, rá, túi xách và chăn. Trên vách treo nhiều mặt nạ gốm ghiếc. Tôi tò mò ngắm kỹ từng cái hồi lâu. Thật kỳ lạ, tôi phát giác. Trông mặt nạ mỗi chiếc mỗi khác, nhưng nét mặt đều chung một vẻ. Miệng méo lệch, mắt đứng tròn như trông thấy điều gì kinh hãi. Rõ ràng nó đang sợ người, không phải làm người sợ nó.

Ngắm chán, tôi mở cửa phòng bên xem thử. Mùi nhựa gỗ hăng hắc. Bên trong có nhiều kệ, kê sát tường. Trên, trưng la liệt những vật dụng cổ xưa. Từ hài, ủng bằng da thỏ, túi đựng cung nỏ, gậy, nón của tù trưởng, nhiều hình nộm nhỏ và nhạc khí cổ. Lưng vách treo nhiều khung hình đen trắng. Đa số chụp từ thế kỷ mười tám. Hình một gia đình trong chiếc lều cỏ, đôi vợ chồng lem luốc đang ôm mấy đứa nhỏ trần truồng. Kế, ảnh chụp những người đàn bà da đỏ quấn khăn, chùm váy đứng chùm nhum ngó thợ chụp hình ngơ ngác. Hình khác, những người đàn ông thô kệch vận âu phục, trông ai nấy như Tarzan ra thành phố. Không có tấm nào thấy họ cười. Tôi dừng lại trước khung ảnh lớn, trang trọng đặt cuối phòng. Một người đàn ông tóc mái phát phơ như bờm ngựa, hai bên thả hai bím tóc mai. Gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Mũi thẳng. Đôi mắt là hai vì sao không phát sáng. Một nỗi buồn như dội ngược trong lòng. Tôi đứng lặng, cuốn hút bởi cái nhìn của ông.

Có tiếng đằng hắng sau lưng, tôi giật mình quay lại. Một người đàn ông da sậm, cao lớn, tóc râu, đeo kính võ vai tôi, thân mật. “Nè, Bạn Nhỏ. Anh biết Tù trưởng Joseph không? Đó là vị anh hùng của người da đỏ. Người da trắng gọi ông là Indians Napoleon.” Tôi gật, ra vẻ hiểu biết, “Tôi học sử Mỹ, có nghe danh.” Ông nhìn tôi, nghi ngờ, “Có phải họ dạy, người da đỏ quan niệm đất đai như không khí, là của chung mọi người?” Hay cho rằng, “Chúng tôi là những người man di may mắn sống trong thế giới văn minh của họ?” Tôi im lặng. Ông bật cười khan. “Đó là thứ sử một chiều.” Rồi đằng giọng, chua cay “Kẻ chiến thắng quơ trong không khí cũng ra chính nghĩa.” Tôi chưa biết nói sao thì Sequois lên gọi ăn tối.

Ngày hôm sau vào nông trại. Thật ra gọi lâm trại đúng hơn. Một khoảng rừng cây lodgepines bị đốn nhẵn, gốc trơ giống những miếng gạch tròn. Công việc của đám thợ trẻ là nghiền gốc, xong trồng lớp cây mới. Sequois là trưởng nhóm tốp hai mươi người. Theo họ, tôi biết thêm nhiều điều. Tục da đỏ kiêng gọi tên. Họ dùng những biệt hiệu theo đặc điểm hay thành tích của từng người. Thí dụ Sequois là Sói xám, vì hắn từng bắt được sói rừng. Bighorn, tức Đại Tù Và là cha nuôi của Sequois, vì ông thổi tù và trong các buổi lễ. Họ gọi tôi là Bạn Nhỏ, theo cách ông Chief gọi. Những người khác đều có những tên dữ dội hoặc buồn cười như Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa vừa nghe nhớ mãi.

Sequois là người trưởng nhóm tốt. Hắn theo tôi chỉ vẽ tận tình. Đám thợ siêng năng làm việc cật lực. Đến trưa, một vùng rộng đã cào xong. Tôi mệt đứ, mồ hôi nhễ nhại đầm lưng. Đám thợ của Sequois tỉnh bơ, cởi áo cột áo ngang mình. Tôi ngắm từng tấm lưng trần lực lưỡng. Dưới những tia nắng lóa, màu da sậm của họ bỗng nhiên đỏ

ững.

Chúng tôi kéo vào ăn trưa dưới một mái lá. Bên ngoài, chỉ còn ông Chief căng dây làm móc để trồng gốc mới. Tôi ngạc nhiên hỏi, Sequois đáp, ông Chief của họ phải làm việc như mọi người. Ngày xưa, Tù Trưởng thường là những người dũng mãnh, mưu trí nhất bộ lạc. Họ là người dẫn đầu trong những cuộc săn, trong chiến tranh. Chỉ khi già mới ở nhà. Chiến lợi phẩm thu được cũng phải chia cho kẻ nghèo, không giữ làm của riêng. Ngày nay cũng vậy. Chỉ khác, họ có nhiều Chief, họp thành một ban Quản trị.

Một tuần sau, rừng cây non thẳng tắp. Chúng tôi bắt đầu chuyển trại. Dọc theo con đường mòn dẫn ra rừng Whitebird có nhiều xưởng cưa. Cây từ các lâm trại chuyển tới chờ xẻ gỗ. Tôi ngạc nhiên trước sự giàu có tương phản với nếp sống đạm bạc trong làng của họ. Sau trại là vực. Bên kia, núi đứng chen chúc, che ánh mặt trời. Sương len từ khe đá vừa tỏa lên đã ngưng đọng. Rừng thông Alpines đứng nghiêm, trông như những cổ tháp Đông phương. Giữa vực, một con đường mòn hun hút, không biết dẫn đi đâu. Có lần rú Sequois xuống đó săn. Hắn trừng mắt nhìn tôi, gằn giọng. “Đừng bao giờ có ý nghĩ săn bắn ở đây.” Bình thường hắn ôn hòa, không hiểu sao bỗng đứng lại dữ vậy. Sau này nghe ông Chief nói, đó là mộ địa của người da đỏ, họ đã từng bị truy sát tại đây.”

Những buổi tối về làng, Sequois nhóm bạn đua ngựa hay tập bắn cung. Tôi ở nhà, quanh quẩn theo ông Chief. Ông dạy tôi nhặt và xắt lá thuốc trồng trong trại. Dần dà, tôi cũng biết kéo tẩu. Thuốc lá của họ đậm và nồng, khói nhạt, dễ vẽ thành những vòng tròn lơ lửng. Khi say thuốc, tâm trí mơ màng, ông thường kể truyện. Lần nào mở đầu, ông cũng than, “Chúng tôi đúng là những kẻ lữ tẩu. Này Bạn Nhỏ,

anh xem. Trong lúc nhân loại bắt đầu phát minh ra điện, thì chúng tôi vẫn yên trí sống trong thời kỳ đồ đá.” Giơ cây tên bằng xương thú vẫn chực trong nhà, ông cười khát khở. “Và, lo bắn nhau bằng những mũi tên cùn.” Hồi sau, ông lắc đầu, thở dài. “Mảnh đất này cô lập chúng tôi với thế giới quá lâu. Thật không thể tưởng tượng, mãi năm 1700 chúng tôi mới thấy được giống ngựa và đồ kim khí, như nồi niêu gương lược. Giống như con gấu ngủ suốt đông, khi tỉnh dậy trời đất đã đổi mùa.” Ông chuyển giọng, trầm ngâm. “Người da đỏ vốn hiếu khách. Hơn nữa, muốn chìa tay bắt kịp đà văn minh con người. Chúng tôi luôn luôn muốn học hỏi ở người da trắng về trồng trọt, chăn nuôi cho đến cả tôn giáo. Nhưng đến năm 1836, khi mục sư Spalding đến cất nhà thờ trên đất người da đỏ, lại đuổi chúng tôi ra khỏi thánh đường, chỉ vì có người mặc khố đi lễ thì sự hiềm khích bắt đầu. Mấy năm sau, người da trắng đến càng đông. Giống da đỏ tự dựng thành thiểu số. Họ cất nhà, lập nông trại trên cánh đồng của chúng tôi. Năm 1850, khi mọi người đổ xô tìm vàng thì thảm kịch bắt đầu. Đa số vàng được tìm thấy trên vùng da đỏ. Chính quyền vẽ ranh giới, tước đoạt đất đai, mồ mả chúng tôi. Họ xua chúng tôi vào vùng đất này, chà đạp lên luật lệ.” Ông ngừng lại, hỏi. “Anh bảo có học sử Mỹ, vậy có biết General Oliver Howard không?” Tôi gật. “Có, Oliver Otis Howard được ca ngợi là một anh hùng trong cuộc nội chiến.” Ông cười khẩy, “Anh đứng trước mặt nên chỉ thấy hào quang. Sau lưng, bóng họ và bóng ma không khác mấy.” Tôi làm thinh. Bấy giờ, ông như tự nói với mình. “Tháng 5 năm 1877, chính Howard viết thư phản đối việc tước đoạt đất của bộ lạc Nez Perce lên Liên Bang. Nhưng chỉ tháng sau, ông trở mặt, ra lệnh buộc chúng tôi phải bỏ xứ ra đi trong thời hạn ba mươi ngày. Lúc đó là đầu xuân, tuyết trên núi

đang tan. Nước tràn xuống như cơn lũ dữ. Tất cả dấp dứ nhau lội qua sông Snake. Nhiều người và thú đã bị cuốn mất tăm trên giòng sông này. Khi lên bờ nghỉ, tình cờ có một thanh niên, phát giác trong số lính áp tải có kẻ giết cha mình. Một nhóm ba người da đỏ trẻ, rình rập và ám sát toán lính trong rừng. Khi sự việc xảy ra, Chief Joseph tránh cuộc chiến sẽ tiêu diệt hết bộ lạc nên gửi sáu người mang cờ trắng đi đến đồn. Nhưng chưa kịp nói, họ đã bị lính canh gác bắn chết. Tù trưởng Joseph vội vã dẫn cả bộ lạc mở đường máu, chạy theo con đường mòn sau núi Whitebird. Nhiều đội lính rượt theo. Cuộc săn người diễn ra trong rừng. Vừa bảo vệ đàn bà và trẻ nít, vừa chống lại với lính có súng, bộ lạc mất dần những tay cung thủ gan dạ nhất. Trong gần bốn tháng, họ chạy lẩn trong rừng, vượt qua những hẻm núi, trèo lên rừng Bitterroot. Đoạn đường dài 2,720 cây số. Tới tháng Mười, trời đổ tuyết. Băng giá bắt đầu lấp dần những hẻm núi. Họ bị hai đội quân bao vây, đạn bắn xuống như mưa. Nhiều người chết vì lạnh và đói trong hang. Tù trưởng Joseph vì sự sống còn của bộ lạc, đã tuyên bố đầu hàng, tại núi Bear Paw, chỉ cách Canada 30 dặm.”

Tôi tặc lưỡi, tiếc rẻ. “Sau này, Tù trưởng Joseph ra sao?”

Ông đáp, “Chief Joseph và đa số đàn ông trong bộ lạc bị phân tán ở khắp các trại miền nam. Ở trại Kansas, đa số không chịu được khí hậu nóng ẩm nên chết rất nhiều. Hai mươi ba năm sau, ông mới được trở về bộ lạc ở Lapwai. Năm 1900, ông quay lại thung lũng Wallowa để mua một mảnh đất nhỏ, nhưng không ai chịu bán. Bốn năm sau, Joseph chết.”

Nói xong, ông rít một hơi dài. Những cọng thuốc cong queo, lóe ngời màu lửa. Tôi cúi ngùi nhìn. Mắt ông ướt, những ngón tay lóng cọng

chực làm rơi chiếc tàu.

Tôi an ủi, “Giờ, cuộc chiến đã qua, chắc họ cũng nhận thấy bất công nên đặc biệt dành nhiều ngân quỹ trợ cấp cho người da đỏ, như... ”.

Tôi chưa kịp dứt lời, ông ngắt. “Như quỹ bảo vệ thú rừng, quý vì hiếm đó hả?”

Xong, ông vỗ vai tôi. “Cuộc chiến của chúng tôi vẫn còn. Lớp trẻ vẫn phải tranh đấu với chính mình để không mất gốc. Điều đó không đơn giản đâu.” Hồi lâu, ông bảo. “Dân Tàu đông, một mình anh thay đổi cũng không sao. Nhưng chúng tôi khác, phải quý từng người, nhất là phụ nữ.”

Tôi lắc đầu, phản đối. “Tôi là người Việt, không phải Tàu.” Ông ngạc nhiên, “Nước Việt ở đâu?” Tôi giải thích, “Việt Nam là nước nhỏ, ở miền nam giáp Tàu. Chúng tôi cũng từng bị Tàu đô hộ và đồng hóa cả ngàn năm, nhưng chúng tôi vẫn tồn tại.” Ông bật dậy, chú ý hỏi. Tôi cố nhớ đoạn sử thời Bắc thuộc tôi học hồi nhỏ để kể. Đại khái, người Việt tránh sự đồng hóa của người Tàu bằng tục ăn trầu, nhuộm răng và vấn tóc để nhận nhau. Họ còn dùng cách ăn mặc, ngôn ngữ, truyện cổ... để giữ gìn nguồn gốc. Tiếc, lúc nhỏ mê đá dế nên tôi lười học, chỉ nhớ được nhiều đó. Nhưng ông Chief nghe xong thích thú lắm.

Khuya, mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Tôi ngủ mơ thấy ông Chief Joseph từ phòng bên bước ra, rủ đi theo. Ông phi ngựa đến bờ sông Snake, chỉ giòng nước. “Này Bạn Nhỏ xem kìa, nước dưới kia không chảy. Nó chỉ rút ra xa, rồi vỗ mạnh vào gềnh. Sẽ có một ngày, sức nước làm tim đá vỡ.” Nói xong, người ngựa đều lao xuống vực. Tôi hết hồn tỉnh giấc. Ngoài kia, gió vẫn rít từng hồi.

Sáng cuối tuần, tôi dậy sớm. Dưới nhà có nhiều người trẻ. Họ đun nước, nướng bắp và bàn về ngày lễ Truyền Thống cuối hè. Ông Chief vào phòng lấy cho tôi chiếc áo khoác to như cái mền và mười đồng. Tôi nhìn có ý hỏi. Ông cười, rồi bỏ đi. Thấy tôi ngờ ngác, Sequois nắm tay chúc mừng. Đó là tục người da đỏ nhận bạn. Sequois giới thiệu nhóm trẻ. Tôi chú ý cô gái nhỏ, cứ đứng trong góc nhà vuốt hai bím tóc. Hấn bảo, đó là em họ, tên Ngải Cứu. Tôi bật cười, tên chi lạ. Sau này, tôi biết cô là Yuma Không hiểu sao, họ quý phụ nữ nhưng hình như không thích Yuma. Cô chỉ lắng nghe, không góp lời, còn họ cũng không hỏi tới.

Nhóm con trai chuẩn bị cây, lều và dọn bãi. Xong, sẽ ra chuồng ngựa. Đám con gái đi nhặt camas. Lần trước té ngựa, nên Sequois cho tôi theo phía nữ giúp họ khâu nông phẩm về trại.

Tôi đẩy cáng xe theo nhóm con gái mang gùi về phía đông. Vượt quá rừng thưa, một thảm hoa dại trải rộng tận chân đồi. Bọn họ tản ra, mỗi người mỗi hướng. Tôi cầm còng xe lờ ngó chưa biết đi đâu thì Yuma ngoắc. Tôi vừa đi vừa ngắt mấy nhánh hoa, đưa lên mũi ngửi. “Hoa gì đẹp quá?” Yuma cười, “Ngải Cứu, giống tên em.” Cô chỉ ra xa “Bên kia có màu tím đẹp hơn.” Xong, cô vệt cổ, lựa búng những bụi cây, trông giống giò thủy tiên, nhưng hoa màu xanh nhạt, củ to như củ hành. Cô bảo, đó là camas, tựa khoai tây của người da trắng. Khi mài thành bột, dùng làm bánh kẹp thịt nướng, rất ngon. Tôi chùi một củ, cắn thử. Nhẫn và ngọt như sắn ở quê mình. Cánh đồng còn có nhiều cây dại, như turnip, củ ngọt và dòn; các loại cherriers đỏ, tím dùng làm nhân bánh; Saskatoon, Pemmican màu vàng nâu để ướp thịt rừng. Cô nhổ một giò camas trắng, dặn. “Chớ hái màu trắng, đây là hoa độc.” Tôi hoảng hốt, “Hoa độc mọc xen hoa xanh, ăn

không sợ sao?” Cô cười, “Giống như người hiền, người dữ sống chung mảnh đất vậy mà.”

Yuma học Mỹ thuật ở Boise Mùa hè, về sống với mẹ trong làng. Với tôi, cô hoạt bát và vui hẳn, không giống như khi đứng trước những người khác. Sau này nghe họ kể, cô từng có bạn trai người da trắng. Không hiểu sao, chuyện không thành.

Khi trở thành bạn thân, tôi theo cô dạo khắp cánh đồng. Yuma dạy tôi nói chuyện bằng thủ ngữ, đó là ngôn ngữ chung của tất cả các bộ lạc. Tôi cứ ra dấu lộn, nói ghét thành yêu, nói không thành có làm cô cười ngặt ngoẽo. Nụ cười khoe hàm răng trong bóng như những hạt gạo đã sàng sảy kỹ. Buổi tối, ra sau trại. Hai bên núi đá đen chòng chát. Chính giữa giòng Snake đang chảy, trông xa như con rắn trườn khoe những lớp vảy lấp lánh. Tôi kể về giấc mơ thấy ông Joseph. Cô nghe, rồi chấp tay nhìn trời khấn. Tôi hỏi, “Em tin đáng Great Spirit thật à?” Cô gật. “Nhưng, Thượng Đế của người da đỏ khờ lắm.” Cô cười buồn, “Ngài làm ngơ bỏ mặc con dân khổ.” Tôi ngửa cổ, neho mắt nhìn. “Anh không tin trên trời có Thượng Đế.” Yuma năn nì, “Cứ tin đi, cho nó vui.” Cô chép miệng, thở dài. “Nếu trên trời toàn là mây, chỉ e con chim cũng không buồn bay nữa.”

Cuối hè, lễ Truyền Thống hàng năm bắt đầu. Giống như hội Powwows hay Sun Dance miền Nam. Người từ các bộ lạc khác dự rất đông. Những con đường trong làng tấp nập. Gắn trăm chiếc lều dựng lên, trên vẽ những hình người và thú đuổi nhau. Khán đài có mái che ở giữa bãi trống, chung quanh bày nhiều hàng ghế. Kế bên, là gian hàng bán đồ kỷ niệm hay trò chơi.

Từ sớm, mọi người kéo ra bãi, chào nhau và ăn sáng. Họ đi thành từng hàng, mặc lễ phục đủ màu. Đàn ông thắt bím tóc mai, vẽ mặt

rằn rị Áo họ dài quá gối, trên có choàng yếm viền tua, ren sặc sỡ. Đầu quần băng xanh đỏ, và gắn lông chim dài nhuộm màu. Lưng và hông mang bộ cánh và đuôi giả giống con gà tây lớn. Đàn bà mặc áo choàng dài chấm gót. Trên có khăn khoác thêu sặc sỡ. Tóc chải ngược, búi bím hai bên, giắt những lông ngỗng trắng phất phơ Ngực đeo đầy chuỗi hạt đủ màu. Họ xếp hàng đi quanh khán đài nhiều vòng để thi sắc phục. Tới ngang lễ đài, đám đàn ông dừng lại phập phồng vỗ cánh, héch đuôi. Một ban trống lễ, gồm toàn người già cầm dùi đen, gõ trống liên hồi.

Tới trưa, cuộc thi nhảy bắt đầu. Nhạc giữ nhịp là một giàn trống nước. Trống giống thùng rượu thấp, làm bằng thân cây hollow có niên đại, mặt trên bịt da Khoảng giữa có ống chuyển nước vào đã được bịt chặt. Trống nước phát được những nốt cao. Xen kẽ là chiếc trống đôi, có hai mặt, trên có căng dây treo mấy que gỗ nhỏ. Khi đánh nghe rất vui tai. Ngoài ra còn có kèn, và nhiều loại sáo. Họ biểu diễn đơn, hoặc từng cặp, cuối cùng xếp thành hàng. Tôi xem hồi lâu cảm thấy ù tai, chóng mặt. Trông lờ lợc như một đám hát bội.

Buổi chiều, đám đàn ông đua ngựa. Những con ngựa lớn, khỏe, màu đỏ nâu phi nước đại. Họ lướt qua cánh đồng, lội qua suối, rồi chạy dọc theo sông Clearwater. Tôi mừng tượng cảnh những người da đỏ mình trần, đóng khố, giương cung sải ngựa trong phim la hét vang trời. Bây giờ, họ mặc quần jeans, áo jacket, có người đeo kính lão. Chỉ đám trẻ như Sequois mới chơi trò phóng đồi lưng ngựa nhiều lần. Không may, khi băng qua cổng trại, hắn bị trượt chân, nên về nghỉ.

Tối đó, họ đốt lửa trại quanh lều. Những người đàn bà treo nồi luộc bánh. Trẻ con xó rớ lên nướng khoai. Đám con trai tản ra trên con

gái. Những người già ngồi kể chuyện xưa. Khi trăng lên cao, ông Chief lấy tù và ra thổi. Âm thanh mạnh và rền, lan nhanh như lũn vào khe núi. Đến quá khuya, tiếng tù rúc nghe như tiếng sói trún thương.

Thấy bóng Yuma vút qua sau lưng, tôi đuổ theo, bắt kịp Yuma ở ngay cánh đồng có nhiều hoa dại. Tôi hỏi, “Chạy ra đây chỉ” Cô đáp, “ở lại, hồi nữa sẽ nghe họ khóc đó.” Tôi ngẩn ngườ, “Họ khóc thật à?” Cô gật. “Ừ, nhưng anh không thấy đâu. Lẹ họ bốc thành hơi lâu rồi.”

Chúng tôi đi bên nhau. Cuối hè, hoa đã tàn. Có những cọng cỏ nhuộm vàng rất sớm. Tụ dưng, Yuma kể. Lúc nhỏ, cô thường ra cánh đồng này và ở lại tới khuya. Tôi ngạc nhiên hỏi. Cô cười, “Để nghe tiếng côn trùng rỉ rả.” Và, nói xa xôi. “Thật ra, mỗi loài đều có những lời thở than riêng. Đừng chỉ nghe mỗi tiếng của mình.”

Hồi lâu, trên đường về, tôi vô ý sụp chân xuống hố. Không biết ai đào, miệng hố trơn lù, không leo lên được. Yuma bối rối đi tìm cây sào. Nhưng sức yếu, thay vì kéo tôi lên, cô lại ngã chúi xuống. Tôi loay hoay phát giác có một lỗ hang dưới đấy. Cô lo sợ bảo, có thể là hang gấu hay sói rừng. Tôi nói, chắc không phải, nhưng trong lòng thâm lo.

Khuya, sương xuống nhiều. Lạnh và sợ, chúng tôi choàng chung cái áo to của ông Chief cho lúc trước. Một hồi, Yuma cười gượng trấn an, kể tôi nghe truyền thuyết về loại sói rừng. Cô nói, vào thời hỗn mang, có con khổng long to nằm chắn giữa những dãy núi này. Khi đói, nó ăn hết mọi sinh vật chung quanh. Cuối cùng chỉ còn lại con sói rừng. Sói tinh khôn biết trước sau gì cũng bị ăn thịt. Nó lấy dây rừng đánh thành sợi dài quấn ngang bụng. Khi bị nuốt, nó cột dây

vào rừng khủng long, và tuột vào trong. Đến nơi, nó rút dao cắt tim mãnh thú. Sợ khủng long sống lại, sói cắt thịt và xương thú làm nhiều mảnh, rồi quăng khắp nơi. Người da đỏ tin, đó là điềm con cháu sau này tứ tán.

Nghe xong, tôi thở dài. “Chúng tôi không có câu chuyện cổ nào như vậy, nhưng con cháu Việt sao cũng bị lưu lạc khắp nơi.” Hình như Yuma xúc động, cô siết chặt tay tôi. Một cơn gió lạnh tràn về, Yuma rùng mình, tôi ghì vai cô và nhẹ hôn trên tóc.

Trăng sáng vàng vạc. Bầu trời xanh trong không một vì sao. Tôi tấm tắc, “Trăng đẹp quá. Ở thành phố chưa bao giờ tôi thấy trăng sáng như vậy”. Yuma bảo, “Nếu anh thích, sau này về đây tha hồ ngắm.” Nghĩ sao, tôi lắc đầu, “Không, sẽ không có đêm nào trăng tròn hơn đêm nay.”

Mùa thu đến, rừng đổi màu. Lá aspen ngã vàng rồi chuyển sang nâu đỏ. Khi về Boise học lại, Yuma đã trở thành bạn gái của tôi. Điều này Sequois không biết. Ban Quản trị đang dự tính mua thêm lâm trại nên hấn bạn. Yuma tiết lộ, những tài sản trên rừng mang tên cá nhân, nhưng thật ra của chung dân chúng. Mỗi một người họ đều tự nguyện góp vốn, mua lại phần đất đai đã mất. Những giọt mồ hôi đổ xuống ví như những giọt máu của người lính đi giành lại quê hương. Chừng nửa niên học, Yuma báo tin có thai. Tôi bàng hoàng cả tuần. Vào lớp, chẳng nhét nổi một chữ vào đầu. Tối nằm, tôi mơ thấy một thằng bé vẽ mặt rằn ri, đầu giắt đầy lông chim, nhảy loi choi như con gà tây bị rượt. Sáng dậy, đầu óc lùng bùng. Yuma về trại tuần trước. Tôi dọn hỏi những căn chung cư ngoài để dọn ra riêng. Xong, sẽ về xin phép làm một lễ cưới nhỏ và dẫn Yuma đi cùng.

Mấy hôm sau tôi về trại. Đường trong làng vắng ngắt. Ghé nhà Yuma không có ai. Tôi trở về căn gác cũ. Bọn Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa thấy tôi mặt lấm lét, chuồn nhanh.

Buổi chiều, ông Chief về, bảo tôi theo. Ra tới lều lớn của khu, mọi người đang chờ tôi ở đó. Yuma ngồi sau lưng mẹ, mắt đỏ hoe. Tôi lúng túng nói không ra lời, nhưng sau cùng cũng trình bày câu chuyện một cách trơn tru. Khi vừa dứt lời, trong lều ồn hân, mỗi người một câu. Hình như ai nấy đều bất mãn. Ông Chief giơ hai tay ra hiệu im lặng, rồi nói, họ muốn bắt rết. Gia đình tôi sẽ ở lại trong làng, và trở thành thành viên trong tộc. Giấc mơ thấy thằng con da đỏ chạy lảng vảng trong làng tự dưng hiển hiện. Một đứa con chưa sinh ra, nhưng nỗi buồn vong quốc ngấm tẩm trong rừng núi đã định hình. Tôi cố trình bày cho họ hiểu, tục Việt Nam con gái phải theo chồng. Nhưng nói sao, họ cũng không nghe. Ông Chief nói, xưa bộ lạc họ đông hơn hai mươi ngàn người, hơn trăm năm sau chỉ còn mấy ngàn, đi người nào tiếc người đó.

Nghe vậy, tôi kiếm cớ đi ra ngoài. Vòng ra sau, không thấy ai. Tôi chạy ù về chỗ đậu xe. Mới mở máy, đã thấy Sequois kéo lủ bạn phóng tới. Tôi hoảng hốt, nhấn mạnh ga. Chiếc xe lồng lên như con ngựa chững. Đám Sequois tức giận, vác cây đập chiếc xe tới bờ. Tôi tháo chạy ra cổng làng. Một hàng người dày đặc, đứng im chặn ngang cánh cổng. Tôi thắng, định quay lại. Nhưng phía sau, bọn Sequois đang la lối xông tới. Tôi bẻ lái, quẹo ngang. Không ngờ quên trả số, xe giật lùi. Đằng sau, có tiếng thét, một vật gì vừa ngã chúi. Nhìn lại, Yuma đang nằm sổng xoài trên đất. Tôi chạy tới, vực Yuma dậy. Một giòng máu đỏ ướt nhem dính tóc.

Chiếc xe cấp cứu đưa Yuma ra khỏi trại. Hai người cảnh sát dẫn tôi ra xe. Khi vừa qua cổng, tôi ngoái lại nhìn. Rừng núi bỗng dưng nhỏ lại.

Xe chạy qua dãy núi đen. Tôi như thấy Yuma vẫn còn đứng đó, chấp tay và cầu nguyện. Tự nhiên tôi tin chắc, Thượng Đế đang nấp sau mây. Có điều, lần này Ngài khờ hơn lần trước.

Hết

Nguyễn Thị Thảo An

Quán Gió Đìu Hiu

Thật ra, tên quán là Hương Việt. Nó cũng không phải tọa lạc ở một chỗ đìu hiu quanh quẽ, bốn mùa lộng gió như cái tên mà người ta đặt để. Đây là cái nhà hàng nằm giữa một khu phố Việt chỉ nhộn nhịp vào mỗi cuối tuần. Ngày thường vào quán, thực khách sẽ rất bối rối trong việc chọn thức ăn. Trong tấm thực đơn dài sọc, chỉ có vài món là có thể gọi được. Muốn dùng các món khác, thì phải đợi cuối tuần. Lý do? Trong khi chờ đợi, từ từ rồi ai cũng hiểu. Đúng bốn mươi lăm phút, món đầu tiên sẽ được dọn ra. Mỗi mười lăm phút sau, từng

món khác cũng được mang ra như thế. Thời gian trống trải, dư giả để những câu chuyện ngào ngọt dần. Người ta bắt đầu tò mò nhìn quanh quất. Từ cửa vào cho tới tận trong bếp, cũng chỉ có đúng một người. Đó là bà chủ, vừa làm bồi, vừa làm bếp...

Mùa đông, nhà hàng tiết kiệm thêm hơi sưởi. Thực khách lèo tèo thưa thớt, làm hàng quán ngày càng lạnh lẽo. Người tới một lần, không muốn đến lần thứ hai. Cái tên quán Gió để chỉ hơi lạnh thốc vào thổi khách. Đều hiu là chỉ sự vắng vẻ lâu ngày. Không biết do ai đặt để. Bây giờ thì người thành phố chỉ gọi tắt nó là quán Gió.

Quán Gió đổi chủ theo kiểu xuân thu nhị kỳ. Sau cùng, nó trở thành một quán sách. Nhưng cái chữ "đều hiu" giống như một lời trù ẻo, chưa chịu buông tha cho những người chủ mới. Một phần không may là ở đất không mấy ai sành văn chương chữ nghĩa, thế mà họ lại mở ngay một quán sách Khang trang, phong phú.

Bà chủ, trạc sáu mươi, dáng người thấp bé và linh hoạt. Suốt ngày, hầu như không rời quầy sách, thế mà chuyện xa gần bà đều biết.

Dừng lại trong quán đôi phút, khách có thể nghe ngóng được những tin đồn mới nhất trong ngày. Quán Gió, có thể coi là nơi lấy tin tức như các tửu lầu trong những truyện giang hồ kiếm hiệp. Chuyên trò dăm câu, người khách ghé quán lần đầu cũng cảm thấy quán hàng thân thuộc. Ngay cả những khách buồn chân tạt ngang quán, cũng khó lòng trở ra bằng tay không.

Ngoài tính bất thiệp, bà còn có tài giới thiệu sách. Không như những diễn giả trong những buổi ra mắt sách, bà có cách riêng của bà.

Phương châm độc đáo là sách cần người mua. Bằng mọi cách, bà phải thuyết phục khách chịu bỏ tiền mua một món hàng mà không chắc mình thích. Và, hàng mua rồi, không được trả lại. Bằng vào kinh

nghiệm không biết tích lũy từ đâu, bà chào hàng không mấy khi làm lẫn. Khách là đàn ông đứng tuổi, da dẻ sạm màu bà kể cho một loạt hồi ký, hồi ký chiến tranh, hồi ký cải tạo, bút ký chiến trường... Khách là đàn bà, bà kể một hơi những truyện tình éo le mà tác giả là nhân vật chính. Nếu khách có dẫn theo mấy chú nhóc, bà vui vẻ chỉ cho xem các thứ sách dạy vắn Việt ngữ, các loại video dạy những bài hát thiếu nhi... Khách là những ông bà già nhà quê, cổ quần khăn và chân còn kéo lê tiếng dép kêu lộp xộp, bà lôi ra một mớ truyện Tàu diễn nghĩa... Nếu khách thuộc loại tuổi mới lớn, bà tận tay chỉ vẽ cho các cuốn cẩm nang xử dụng vi tính, tự điển hay hướng nghiệp... Nếu gặp khách lơ tơ mơ hỏi, có sách nào hay. Bà không ngần ngại tán tụng những cuốn sách mà đang bị dư luận báo chí đều lên tiếng... chửi. Có người thắc mắc hỏi, tại sao? Bà lẳng lặng mỉm cười không nói. Chỉ chỗ thân tình, bà mới than thở. Sách phát hành rồi, thiên hạ mới ồn ào phê phán. Không tìm cách bán gấp, có muốn cân giấy vụn cũng không biết chỗ nào. Nhưng không phải cứ giới thiệu hay, mà ai nấy cũng mua. Gặp khách không mấy nhàn rồi, bà giới thiệu các loại báo chí. Nguyệt san, tuần san... dành cho mọi lứa tuổi. Túng cùng, gặp khách lười đọc bà mới trở tay vào tủ kính mời mua các loại CD ca nhạc. Vì thứ này, bà không cần tốn công phu cho lắm. Đi vòng chung quanh quán, người ta chợt phát hiện Bà còn là người phân loại văn học không hề sai, và rất thực tế. Sách loại nào, xếp kệ này. Sách khảo cứu có nhiều kệ. Mỗi kệ là một ngành riêng biệt, như thể Hồi ký, Sử, Tôn giáo...à cho chí những ngành Nữ công gia chánh, Tử vi, Dịch lý được phân chia cẩn thận. Về tiểu thuyết cũng xếp thành nhiều kệ. Truyện Việt, truyện dịch, truyện đồng quê,... cũng đều đâu ra đấy. Hình như chỉ có một kệ, bà sắp xếp lộn xộn. Kệ

cuối cùng, nằm nép trong một góc phòng. Trên, để những sách bọc cẩn thận bằng những tấm nhựa trong và hàng chữ "cấm vị thành niên. ... ". Dưới, là những cuốn tiểu thuyết như Yêu, Loạn. Vòng tay học trò...

Có người thắc mắc hỏi, đây là những cuốn tiểu thuyết được xem là the bestsellers ngày xưa, và có những nhà văn lớn đồng thời giải thích rằng tác giả của nó theo chủ nghĩa hiện sinh thịnh hành thời đó. Cớ sao, giờ nó lại nằm dưới những cuốn sách bọc nhựa vô danh tiểu tốt kia. Bà ngơ ngác, chủ nghĩa hiện sinh là cái quái quỷ gì. Không cần biết, nội dung giống nhau, bà xếp cùng một loại. Bà giải thích, bà phân loại dựa theo khuynh hướng chọn sách của khách hàng. Chỉ có vậy, mới giúp họ tìm ra loại sách họ thích.

Nếu ai cắc cớ hỏi thêm, bà trả lời ngang phè, chỉ cần một chai rượu nhiều người ở đây cũng trở thành nhà phê bình văn học ngang xương. Bà bán những tác phẩm văn chương, dễ hơn bán những cuốn phê bình nghị luận.

Cũng có nhiều người ngấm ngấm, như bà thể mà sương. Bán sách, công việc nhẹ nhàng, lại rồi, tha hồ đọc sách. Làm. Làm to. Bà bảo thể. Không khi nào bà đọc sách. Bà chỉ ném sách thôi. Sách về, mở vài trang đọc thử để phân loại, để biết hay dở... Ném sách như ném cà phê vậy. Không cần uống hết tách, mới biết cà phê đậm nhạt, ngon

hay không. Vả, nghề nào nghiệp nấy. Nghề bán sách cũng là một thứ làm dâu trăm họ. Khách vào quán cũng có nhiều hạng. Người bình dân, coi chữ nghĩa như món hàng phù phiếm. Ăn một tô phở, mua một vé hát không tiếc. Nhưng kỳ kèo từng đồng bạc khi chỉ mua một tờ báo để xem. Cũng có người, vào quán lật từng cuốn sách xem cả

tiếng đồng hồ, gần hết sách mới dè bủ chê bai đủ thứ. Hạng làm đáng thì cầu kỳ hơn, cứ hỏi những sách mà quán không có. Đến khi sách về, thì cứ phớt lờ. Vốn liếng kẹt dần trong những khoản đó. Nghề bán sách trong nước sau này, là một nghề khá giả. Ngoài số lượng độc giả đông đảo, còn có những yếu tố tâm lý và xã hội. Sách Việt cần độc giả Việt. Đọc sách là một nhu cầu mở mang kiến thức. Hơn nữa, nó vẫn còn được xem là một thú tiêu khiển thanh cao. Không như bên này, bà than thở, có quá nhiều trò giải trí, nên con người đâm lười đọc sách, lười suy nghĩ.

Đôi khi bà cũng có những niềm vui an ủi. Đây là khi tiếp xúc giới cầm viết, bà mới cảm thấy mình oai. Nhất là đối với những người mới viết, tự in tác phẩm, mà lại là thơ. Bà bảo nhà thơ, thơ khó bán nhất, sao không viết văn. Bà lại bảo nhà văn, tiểu thuyết bán chậm lắm, sao không viết hồi ký, thiên hạ vẫn ưa biết chuyện thật hơn. Và bà tự hào, thời buổi lưu vong, những người đóng góp trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc không chỉ ở những người viết và người đọc. Nếu không có những người như bà, văn chương sao có thể tới tay người đọc. Mà bà, yêu người đọc có lẽ còn hơn người viết. Không ý tứ cao xa, đơn giản chỉ là người đọc là khách hàng. Những người này nuôi sống quán sách. Và chỉ có họ mới xóa được hai chữ "điều hiu" mà bà ghét cay, ghét đắng.

Tuy nhiên, có những người khách băng quơ trò chuyện, mà cứ như dẫn bà lạc vào một chân trời xa lạ. Khách bảo, văn chương bây giờ có nhiều cái mới lắm cơ. Bà ngạc nhiên. Khách kể lể, đường hướng mới bây giờ là ngắn và gọn. Một bài thơ có thể có vài chữ hay một chữ thôi, cũng đủ. Còn truyện, thì thật ngắn. Một trang có thể có ba truyện.

Bà bối rối, tỏ vẻ không hiểu. Khách thí dụ, thì giống như khi xây một căn nhà, người thợ sẽ trao cho bà cái cửa, phần còn lại là tùy bà. Bà vẫn tỏ vẻ không hiểu. Người khách kiên nhẫn giải thích. Họ tiên đoán, trong thế kỷ tới, với sự phát triển kỹ thuật rất cao con người sẽ không có thời giờ đọc sách. Văn chương muốn sống còn, phải thật ngắn.

Người khách bỏ đi từ lâu, mà bà vẫn còn ngơ ngác. Bà nhìn cánh cửa. Cánh cửa vẫn đóng kín. Hình như nó vẫn nhót hai chữ "điều hiu" còn nằm kín trên một trang sách nào trong quán.

Nguyễn Thị Thảo An

nguồn: Tạp chí Văn Nghệ Ngân Phương

Nguồn: DacTrung.com

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003